



SỔ TAY VĂN BẢN PHÁP LUẬT

SỐ 8

Công ty Kiểm toán và Kế toán – AAC

Năm 2006 – Tập I

Nội dung

	<i>Trang</i>
1. Thuế GTGT	03 - 11
<i>Các quy định chung</i>	03 - 07
<i>Thuế suất</i>	07 - 08
<i>Hoá đơn chứng từ</i>	08 - 11
2. Thuế TNDN	11 - 19
3. Thuế TNCN	19 - 21
4. Các loại thuế khác, phí và lệ phí	21 - 24
5. Xuất nhập khẩu	24 - 35
6. Doanh nghiệp Nhà nước	35
7. Doanh nghiệp FDI	35 - 36
8. Ngân hàng	36
9. Kế toán - tài chính	36 - 39
10. Đầu tư	39 - 41
11. Lao động, tiền lương	41 - 45
12. Các quy định khác	45 - 53
13. Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD từ tháng 01/2006 đến tháng 6/2006	53
14. Danh mục các văn bản mới ban hành từ tháng 01/2006 đến tháng 6/2006	54 - 65

Sổ tay này chỉ có giá trị thông tin và tổng hợp. Trong trường hợp áp dụng cụ thể bạn đọc phải căn cứ vào nội dung toàn văn của các văn bản pháp luật tương ứng hoặc sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của AAC

Viết tắt

CP	<i>Chính phủ</i>
TTCP	<i>Thủ tướng Chính phủ</i>
BTC	<i>Bộ Tài chính</i>
BTM	<i>Bộ Thương mại</i>
BLĐTBXH	<i>Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội</i>
BKHĐT	<i>Bộ Kế hoạch & Đầu tư</i>
NHNN	<i>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>
TCT	<i>Tổng Cục thuế</i>
TCHQ	<i>Tổng Cục Hải quan</i>
Thuế GTGT	<i>Thuế Giá trị gia tăng</i>
Thuế TNDN	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>
Thuế TNCN	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>
Doanh nghiệp FDI	<i>Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i>
DNNN	<i>Doanh nghiệp Nhà nước</i>
CTCP	<i>Công ty cổ phần</i>
NĐ	<i>Nghị định</i>
TT	<i>Thông tư</i>
QĐ	<i>Quyết định</i>
CV	<i>Công văn</i>

THUẾ GTGT

Quy định chung

1. **Thanh toán tiền hàng xuất khẩu:** Hàng hoá xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% và được khấu trừ/hoàn thuế GTGT đầu vào khi có đủ Hợp đồng ngoại, Tờ khai Hải quan, Hoá đơn GTGT và Chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

Trường hợp cơ sở xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng nhưng phía nước ngoài uỷ quyền cho bên thứ ba là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài thực hiện thanh toán, thì việc thanh toán theo uỷ quyền phải được qui định trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng xuất khẩu, nếu có. (CV số 2185/TCT-DNK ngày 20/6/2006).

2. **Xác định thuế xe ô tô tải tự đổ:** Luật thuế GTGT qui định, phương tiện vận tải nằm trong dây chuyền công nghệ thuộc loại trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để tại TSCĐ của doanh nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Trong trường hợp, một doanh nghiệp nhập khẩu xe ô tô tải tự đổ, đây là phương tiện vận tải phục vụ sản xuất thi công, không phải là phương tiện nằm trong dây chuyền công nghệ, vì thế không thuộc diện không chịu thuế GTGT. (CV số 2676/TCHQ-KTTT ngày 19/6/2006).

3. **Đối tượng nộp thuế:** Theo qui định, đối tượng nộp thuế GTGT là các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác có nhập khẩu hàng hoá, mua dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT từ nước ngoài.

Vì vậy, hoạt động kinh doanh ăn uống, khách sạn phục vụ khách du lịch, cho thuê phòng, nhà nghỉ, trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm... phải kê khai, nộp thuế GTGT và thuế TNDN theo đúng Luật định. (CV số 2099/TCT-PCCS ngày 14/6/2006).

4. **Thuế dịch vụ đào tạo:** Dạy học, dạy nghề bao gồm dạy văn hoá, ngoại ngữ, tin học, hội hoạ, nhạc kịch, thể dục thể thao, nuôi dạy trẻ và dạy các ngành nghề khác nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, kiến thức chuyên môn nghề nghiệp cho mỗi người không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. (CV số 2071/TCT-PCCS ngày 12/6/2006).

5. **Hoàn thuế GTGT:** Bộ Tài chính đã qui định, hàng hoá xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% và được khấu trừ/hoàn thuế GTGT đầu vào phải đáp ứng đủ 04 điều kiện về Hợp đồng ngoại; Tờ khai Hải quan; Hoá đơn GTGT; và Chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

Trường hợp phía nước ngoài chỉ định cho phía Việt Nam giao hàng cho bên thứ 3 là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và bên thứ 3 thực hiện thanh toán tiền hàng cho phía Việt Nam, thì việc này phải được qui định trong hợp đồng xuất khẩu hoặc phụ lục hợp đồng, nếu có. (CV số 2069/TCT-DNK ngày 12/6/2006).

6. **Chính sách thuế đ/v nhà thầu nước ngoài:** Đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam, và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập tại Việt Nam thì, trường hợp nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với nhà thầu phụ Việt Nam để giao bớt một phần giá trị công việc được qui định tại Hợp đồng nhà thầu ký với Bên Việt Nam thì doanh thu chịu thuế GTGT của nhà thầu nước ngoài không bao gồm giá trị công việc do nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện. (CV số 2007/TCT-PCCS ngày 07/6/2006).

7. **Thuế đ/v việc xây dựng công trình trên đất thuê:** Một đơn vị thuê đất của cá nhân, sau đó đầu tư xây dựng, cải tạo trên diện tích đất thuê đó thì được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với các chi phí đầu tư xây dựng công trình và được trích khấu hao vào chi phí khi tính thuế TNDN nếu có: hợp đồng thuê đất giữa đơn vị đó với bên cho thuê có công chứng Nhà nước; hoá đơn, chứng từ hợp pháp đối với những chi phí xây dựng công trình; và công trình đó phải đáp ứng được các điều kiện về tiêu chuẩn đối với TSCĐ; công trình được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán;... (CV số 1994/TCT-DNK ngày 06/6/2006).

8. **Hoàn thuế GTGT nộp thừa:** Về việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT đã nộp thừa, nộp nhầm ở khâu nhập khẩu thì, sau khi có xác nhận của cơ quan Hải quan nơi doanh nghiệp nộp thừa tiền thuế GTGT, doanh nghiệp lập lại hồ sơ gửi cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính - Hồ sơ gồm: CV đề nghị hoàn thuế GTGT nộp thừa; Giấy xác nhận của cơ quan hải quan về số thuế GTGT đã nộp thừa; và Biên lai thu thuế GTGT hàng nhập khẩu. (CV số 2293/TCHQ-KTTT ngày 26/5/2006).

9. **Hoàn thuế GTGT đ/v hàng hoá xuất khẩu:** Theo Luật định, hàng hoá xuất khẩu chỉ được hoàn thuế khi có hợp đồng ngoại; Tờ khai hải quan; chứng từ, hoá đơn chứng minh việc vận chuyển hàng hoá xuất khẩu và làm thủ tục hải quan, bên cạnh đó, một điều kiện rất quan trọng nữa là phải thanh toán qua ngân hàng.

Thanh toán qua ngân hàng là việc chuyển tiền từ ngân hàng của bên nhập khẩu sang ngân hàng của bên xuất khẩu để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ cho bên xuất khẩu theo các hình thức thanh toán phù hợp với thoả thuận trong hợp đồng và qui định của ngân hàng. Chứng từ thanh toán tiền là Giấy báo có của ngân hàng bên xuất khẩu về số tiền đã nhận được từ tài khoản của ngân hàng bên nhập khẩu. Khi đó, giấy báo có này là chứng từ thanh toán để áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. (CV số 1809/TCT-PCCS ngày 24/5/2006).

Nếu doanh nghiệp nào xuất khẩu mà thiếu hoá đơn chứng từ chứng minh việc vận chuyển hàng hoá và không thanh toán qua ngân hàng thì bị coi là không đầy đủ hồ sơ, thủ tục. Theo đó, doanh nghiệp sẽ không được hoàn thuế GTGT đầu vào của lô hàng xuất khẩu, nhưng cũng không phải tính thuế GTGT đầu ra. Thuế GTGT đầu vào của số hàng hoá xuất khẩu đó không được kê khai khấu trừ mà được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. **(CV số 1780/TCT-DNK ngày 22/5/2006).**

10. **Thuế GTGT đầu vào:** Trường hợp hàng hoá, dịch vụ sử dụng chung cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế, nhưng cơ sở kinh doanh không hạch toán riêng được thuế đầu vào được khấu trừ, thì thuế đầu vào được tính khấu trừ theo tỷ lệ % doanh số hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT so với tổng số doanh số của hàng hoá, dịch vụ bán ra. **(CV số 1761/TCT-PCCS ngày 19/5/2006).**
11. **Thuế GTGT hàng nhập khẩu:** Nhập khẩu giáo trình là sách dùng để giảng dạy và học tập trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, không thuộc diện chịu thuế GTGT. Bên cạnh đó, hàng nhập khẩu không phải là sách mà là băng, đĩa âm thanh hoặc ghi hình ghi nội dung các giáo trình thì cũng không thuộc diện chịu thuế GTGT.

Hồ sơ để làm cơ sở xác định đối tượng không chịu thuế GTGT là hồ sơ nhập khẩu theo qui định hiện hành, đồng thời xuất trình CV xác nhận của Tổng cục dạy nghề về hàng hoá nhập khẩu là sách giáo trình. **(CV số 1831/TCHQ-KTTT ngày 27/4/2006).**

12. **Thuế hàng xuất khẩu bị trả lại:** Trường hợp lô hàng xuất khẩu của một doanh nghiệp bị trả về - nhập khẩu trở lại, nếu tiếp tục phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT thì được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải điều chỉnh giảm doanh số hàng bán xuất khẩu do bị trả lại. Khi lô hàng này được tiêu thụ trong nước hoặc được xuất khẩu tiếp thì doanh nghiệp phải kê khai thuế GTGT theo luật định. **(CV số 1231/TCT-DNNN ngày 06/4/2006).**

13. **Hoạt động cho thuê nhà trọ:** Hoạt động cho thuê nhà trọ thuộc đối tượng phải nộp các loại thuế GTGT, thuế TNDN và thuế môn bài.

Nếu mức thu nhập có được từ hoạt động cho thuê nhà trọ được xác định là thu nhập thấp, thì hộ kinh doanh sẽ là đối tượng không chịu thuế GTGT và được miễn thuế TNDN. **(CV số 1211/TCT-DNK ngày 04/4/2006).**

14. **Xét giảm thuế GTGT:** Bộ Tài chính đã qui định, các cơ sở sản xuất kinh doanh bị lỗi do nguyên nhân số thuế GTGT phải nộp lớn hơn số thuế tính theo mức thuế doanh thu trước đây, thì được xét giảm thuế GTGT trong thời gian 03 năm đầu thực hiện Luật thuế GTGT.

Số thuế GTGT được xét giảm tương ứng với số lỗi do nguyên nhân trên, nhưng không được vượt quá số thuế GTGT phải nộp phát sinh trong năm xin xét giảm thuế. **(CV số 1196/TCT-ĐTN ngày 04/4/2006).**

15. **Thuế chi phí cổ phần hoá:** Các khoản chi phí có liên quan đến cổ phần hoá doanh nghiệp từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm bàn giao doanh nghiệp phải quyết toán và báo cáo cơ quan thuế QĐ giá trị doanh nghiệp phê duyệt.

Như vậy, các khoản chi phí cổ phần hoá được xác định vào giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khi doanh nghiệp chính thức chuyển sang Công ty cổ phần. Còn đối với chi phí cổ phần hoá không phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT thì doanh nghiệp không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của các chi phí này. **(CV số 1188/TCT-DNNN ngày 03/4/2006).**

16. **Thuế khi rút vốn bằng tài sản:** Một doanh nghiệp chấp nhận cho cá nhân rút vốn bằng đúng tài sản trước đây đã góp vốn, thì doanh nghiệp không phải tính thuế GTGT và cá nhân đó không phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký lại quyền sở hữu tài sản do rút vốn.

Khi giao tài sản, doanh nghiệp phải lập hoá đơn làm cơ sở đăng ký quyền sở hữu. Các chỉ tiêu về thuế GTGT trên hoá đơn không ghi, gạch bỏ. **(CV số 1184/TCT-PCCS ngày 03/4/2006).**

17. **Khấu trừ thuế GTGT đầu vào:** Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh vừa có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT, vừa có hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT nhưng không hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, thì thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh số bán ra của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT và tổng doanh số bán hàng hoá, dịch vụ trong kỳ.

Hàng tháng, cơ sở kinh doanh tạm tính thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ % phát sinh của tháng kê khai. Khi quyết toán năm, điều chỉnh lại số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ % thực tế của doanh số bán năm quyết toán. **(CV số 1104/TCT-DNNN ngày 29/3/2006).**

18. **Phạt do chậm nộp thuế:** Luật thuế GTGT đã qui định, nộp chậm tiền thuế hoặc tiền phạt ghi trong thông báo thuế, lệnh thu thuế hoặc QĐ xử phạt, thì ngoài việc phải nộp đủ số thuế hoặc tiền phạt theo Luật định, mỗi ngày nộp chậm còn phải nộp phạt bằng 0,1% (1 phần nghìn) số tiền chậm nộp. **(CV số 1068/TCT-DNK ngày 24/3/2006).**

19. **Thuế cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp chế xuất:** Các loại hàng hoá, dịch vụ bán cho doanh nghiệp chế xuất và khu chế xuất như: bảo hiểm, ngân hàng; bưu chính viễn thông; tư vấn, kiểm toán; vận tải, bốc xếp; cho thuê nhà, văn phòng, kho bãi; hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng của cá nhân người lao động; xăng, dầu bán cho phương tiện vận tải... không được coi là xuất khẩu để áp dụng thuế suất 0%, mà phải chịu

thuế suất thuế GTGT theo thuế suất qui định như đối với hàng tiêu dùng tại Việt Nam. *(CV số 999/TCT-DNK ngày 20/3/2006).*

Theo đó, hoạt động kinh doanh cung cấp bữa ăn – lương thực, thực phẩm đã qua chế biến thuộc nhóm hàng hoá dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT là 10%. *(CV số 1055/TCT-DNK ngày 23/3/2006).*

20. **Thủ tục kê khai đăng ký thuế:** Căn cứ theo qui định của Bộ Tài chính thì, kho hàng trực thuộc và văn phòng đại diện mà không có hoạt động kinh doanh thì không thuộc diện được cấp mã số thuế.

Về thủ tục kê khai đăng ký thuế:

- (i) Đối với kho hàng trực thuộc: kho hàng do doanh nghiệp trực tiếp quản lý, không có chức năng kinh doanh. Nếu có thì đánh dấu (x) vào ô Có kho hàng trực thuộc, sau đó phải kê khai rõ vào phần Bảng kê các kho hàng trực thuộc;
- (ii) Đối với văn phòng đại diện: các văn phòng đại diện, giao dịch, đơn vị sự nghiệp không có chức năng kinh doanh, nếu có đánh dấu (x) vào ô Có văn phòng đại diện, giao dịch, đơn vị sự nghiệp trực thuộc, sau đó phải kê khai rõ vào phần Bảng kê các văn phòng đại diện, giao dịch... Riêng các văn phòng đại diện, giao dịch, đơn vị sự nghiệp có phát sinh nộp thuế phải kê khai vào Bảng kê các đơn vị trực thuộc. *(CV số 1001/TCT-THTK ngày 20/3/2006).*

21. **Hoàn thuế GTGT:** Đối tượng và trường hợp được hoàn thuế GTGT là cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế, trong 03 tháng liên tục trở lên có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết; Bên cạnh đó, cơ sở phải được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có con dấu, lưu giữ sổ sách, chứng từ kế toán theo qui định và có tài khoản tiền gửi ngân hàng. *(CV số 971/TCT-DNNN ngày 16/3/2006).*

22. **Thuế đơn vị hạch toán phụ thuộc:** Đối với trường hợp Chi nhánh ở khác địa phương nơi đóng trụ sở chính của văn phòng Công ty, Tổng công ty mà trực tiếp bán hàng hoá, dịch vụ, phát sinh doanh thu thì:

- (i) nếu có tư cách pháp nhân không đầy đủ, có con dấu và tài khoản tại ngân hàng thì Chi nhánh kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ tại cơ quan thuế nơi Chi nhánh đóng trụ sở;
- (ii) nếu không có tư cách pháp nhân, không có con dấu và tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thì Chi nhánh sẽ phải kê khai, nộp thuế GTGT tại địa phương nơi phát sinh doanh thu theo tỷ lệ - 2%/doanh thu chưa có thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%; 3%/doanh thu chưa có thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 10%. *(CV số 959/TCT-DNK ngày 16/3/2006).*

23. **Kê khai nộp thuế:** Đối với các đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT thì, các đơn vị này phải đăng ký, kê khai, nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo luật định.

Trường hợp đơn vị không hạch toán và không thể xác định được riêng chi phí, thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế thì, thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp được xác định căn cứ vào doanh thu và tỷ lệ % GTGT và tỷ lệ % TNDN tính trên doanh thu do cơ quan thuế xác định để kê khai, nộp thuế. *(CV số 901/TCT-DNNN ngày 13/3/2006).*

24. **Thuế hoạt động cho thuê tàu định hạn:** Doanh nghiệp trong nước thuê tàu định hạn để thực hiện vận tải biển quốc tế phải đăng ký với cơ quan thuế quản lý trực tiếp về danh sách tàu thuê vận tải quốc tế. Dịch vụ cho thuê tàu được xác định là dịch vụ cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế, thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê tàu định hạn có hợp đồng thuê tàu định hạn; tàu được sử dụng vận chuyển hành khách, hàng hoá hoặc được sử dụng vào mục đích khác ngoài lãnh thổ Việt Nam; số tiền thanh toán cho dịch vụ này phải thanh toán qua ngân hàng thì dịch vụ cho thuê tàu định hạn được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Còn nếu không đủ các điều kiện này thì hoạt động cho thuê tàu định hạn thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, không phải tính thuế GTGT đầu ra, đồng thời không được khấu trừ và hoàn thuế GTGT đầu vào. *(CV số 859/TCT-DNNN ngày 10/3/2006).*

25. **Thuế GTGT hàng xuất khẩu:** Đối với các doanh nghiệp trong nước được một Công ty thuê để thực hiện một số công đoạn nhất định của một phần đơn đặt hàng, hoặc cả đơn hàng với nước ngoài do Công ty không đáp ứng được về thời gian giao hàng thì không được coi là hàng hoá uỷ thác gia công xuất khẩu.

Doanh nghiệp trong nước nhận gia công phải lập hoá đơn GTGT theo mức thuế suất hiện hành. Số thuế GTGT phải trả cho doanh nghiệp trong nước được tính vào số thuế đầu vào của Công ty thuê, và sẽ được khấu trừ hoặc hoàn lại. *(CV số 801/TCT-ĐTN ngày 07/3/2006).*

26. **Quản lý doanh thu, mức thuế:** Tổng cục Thuế vừa ban hành CV số 697/TCT-DNK ngày 23/02/2006, về biện pháp quản lý thu đối với khu vực kinh tế công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh trong năm 2006.

Tổng cục Thuế qui định, ít nhất một quý một lần sẽ kiểm tra việc chấp hành chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ của các hộ kinh doanh đang nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, để phát hiện và xử lý kịp thời những hộ vi phạm, đồng thời thông báo không chấp nhận cho nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đối với những hộ vi phạm; ấn định doanh thu, tính thuế theo phương pháp trực tiếp và thông báo yêu cầu hộ kinh doanh nộp thuế theo thông báo.

Đối với những hộ kinh doanh mới nộp hồ sơ xin nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, cơ quan Thuế sẽ kiểm tra hàng tháng việc chấp hành chế độ kế toán, hoá đơn chứng từ trong thời gian tối đa 03 tháng. Sau thời gian đó, nếu hộ kinh doanh chấp hành đúng qui định thì mới được chấp nhận cho nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. **(CV số 697/TCT-DNK ngày 23/02/2006).**

27. **Thuế chuyển quyền sử dụng đất:** Trường hợp doanh nghiệp được Nhà nước giao đất, đã nộp tiền sử dụng đất, nếu được phép của cơ quan Nhà nước cho phép chuyển quyền một phần diện tích đất được giao theo qui định của pháp luật về đất đai hiện hành, thì hoạt động chuyển quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Theo đó, đối với thuế GTGT đầu vào của phần diện tích đất chuyển quyền sử dụng sẽ không được khấu trừ hoặc hoàn thuế.

Nếu trong thời gian xây dựng cơ bản, phát sinh thuế GTGT đầu vào được hoàn thuế, cơ sở kinh doanh đang lập hồ sơ hoàn thuế song song với thời gian chuyển quyền sử dụng đất, thì không thực hiện hoàn thuế GTGT tương ứng với phần đất chuyển quyền sử dụng. **(CV số 609/TCT-DNNN ngày 17/02/2006).**

28. **Thuế thiết bị, máy móc nhập khẩu:** Bộ Tài chính qui định, thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng, thuộc loại trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để tạo TSCĐ của doanh nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh nhập khẩu dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ, thuộc diện không chịu thuế GTGT, nhưng trong dây chuyền đồng bộ có cả loại thiết bị, máy móc trong nước đã sản xuất được thì không tính thuế GTGT cho cả dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ. **(CV số 518/TCHQ-KTTT ngày 10/02/2006).**

29. **Cơ sở hạch toán phụ thuộc:** Các cơ sở hạch toán phụ thuộc đóng trụ sở cùng địa phương nơi có trụ sở chính của đơn vị cấp trên, như Công ty, Tổng Công ty thì Công ty, Tổng Công ty thực hiện kê khai, nộp thuế tập trung thay cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc.

Nếu cơ sở hạch toán phụ thuộc là pháp nhân không đầy đủ, có con dấu, tài khoản tiền gửi ngân hàng, trực tiếp bán hàng hoá, dịch vụ, kê khai đầy đủ thuế GTGT đầu vào, đầu ra, mà muốn kê khai nộp thuế riêng sẽ phải đăng ký nộp thuế, cấp mã số thuế phụ thuộc và sử dụng hoá đơn riêng. **(CV số 319/TCT-DNK ngày 20/01/2006).**

30. **Khấu trừ thuế GTGT và khấu hao TSCĐ:** Trường hợp cá nhân mang tài sản là nhà, đất, phương tiện vận tải góp vốn vào Công ty TNHH, Công ty Cổ phần nhưng không làm thủ tục chuyển quyền sở hữu của Công ty, thì Công ty không được trích khấu hao vào chi phí hợp lý khi tính thu nhập chịu thuế TNDN.

Vì vậy, vật tư sửa chữa, nâng cấp tài sản mặc dù có hoá đơn GTGT ghi tên, mã số thuế của Công ty cũng không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Công ty phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản sang Công ty để được trích khấu hao TSCĐ và hạch toán vào chi phí. **(CV số 316/TCT-DNK ngày 20/01/2006).**

31. **Thuế hàng xuất khẩu:** Các trường hợp có hàng hoá xuất khẩu hoặc được coi như xuất khẩu, nếu đã có xác nhận của cơ quan Hải quan nhưng không có đủ các thủ tục, hồ sơ còn lại thì cơ sở kinh doanh không phải tính thuế GTGT đầu ra, nhưng cũng không khấu trừ thuế GTGT đầu vào mà tính vào chi phí. **(CV số 254/TCT-PCCS ngày 18/01/2006).**

32. **Chỉ tiêu trên tờ khai mã số thuế:** Bộ Tài chính qui định, về Hồ sơ đăng ký mã số thuế đối với các tổ chức hoạt động kinh doanh và phải kê khai đầy đủ các chỉ tiêu trên tờ khai.

Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thể đăng ký được mã số thuế kịp thời, nếu doanh nghiệp chưa có đầy đủ thông tin kê khai về tài khoản ngân hàng, kho bạc, kế toán trưởng, cơ quan Thuế tạm chấp nhận bỏ trống các thông tin này trên tờ khai và doanh nghiệp vẫn được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế nếu có đầy đủ hồ sơ theo qui định. **(CV số 236/TCT-THTK ngày 17/01/2006).**

33. **Doanh thu bán hàng đại lý:** Cơ sở đại lý bán hàng theo các hình thức phải kê khai, tính và nộp thuế GTGT đối với hàng hoá bán đại lý và tiền hoa hồng thu được từ hoạt động đại lý.

Nếu một đơn vị là đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng, khi bán hàng hoá, đơn vị này phải xuất hoá đơn GTGT giao cho khách hàng; khi nhận tiền hoa hồng thì phải xuất hoá đơn GTGT giao cho bên giao đại lý. Doanh thu bán hàng và doanh thu hoa hồng đại lý phải kê khai nộp thuế GTGT, còn doanh thu để tính thuế TNDN là khoản tiền hoa hồng đại lý được hưởng. **(CV số 203/TCT-DNK ngày 13/01/2005).**

34. **Thuế dự án ODA:** Chủ dự án ODA không hoàn lại, dự án sử dụng vốn ODA vay hoặc vốn ODA hỗn hợp thuộc đối tượng được NSNN đầu tư không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần, được hoàn thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án.

Số thuế GTGT được hoàn là số thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào đó. **(CV số 124/TCT-PCCS ngày 11/01/2005).**

35. **Thuế hàng hoá, dịch vụ của dự án viện trợ không hoàn lại:** Tổ chức viện trợ nước ngoài ký hợp đồng trực tiếp với cơ sở kinh doanh trong nước để thực hiện dự án viện trợ không hoàn lại, thì được miễn thuế GTGT. Đồng thời, các cơ sở sản xuất kinh doanh trong nước kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, cung cấp hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT cho các tổ chức viện trợ không hoàn lại theo giá không có thuế GTGT, thì

được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho dự án. *(CV số 122/TCT-PCCS ngày 11/01/2005).*

36. **Thuế cơ sở kinh doanh đầu tư mới:** Cơ sở kinh doanh đầu tư mới mà đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế, đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động, chưa phát sinh thuế đầu ra, nếu thời gian đầu tư từ 01 năm trở lên sẽ được xét hoàn thuế theo từng năm. Số thuế GTGT đầu vào của tài sản đầu tư được hoàn có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên, thì sẽ được xét hoàn thuế từng quý. *(CV số 77/TCT-ĐTN ngày 06/01/2006).*
37. **Thuế GTGT đ/v dịch vụ vận tải:** Dịch vụ cho thuê tàu có thời hạn để vận tải mà thời gian vận tải quốc tế chiếm trên 50% thời gian vận tải của năm thuê tàu thì được coi là dịch vụ cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế, không phải chịu thuế GTGT; nhưng nếu thời gian vận tải quốc tế chiếm dưới 50% thời gian vận tải của năm thuê tàu thì được coi là vận chuyển nội địa và sẽ phải chịu thuế GTGT. *(CV số 4744/TCT-DNN ngày 28/12/2005).*

Thuế suất

1. **Thuế GTGT:** Việc các đơn vị có phim cung cấp cho Đài truyền hình để đổi lấy việc Đài truyền hình đó phát quảng cáo cho mình thì thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%.
Đài truyền hình phải xuất hoá đơn GTGT, trong đó ghi rõ mức thuế suất thuế GTGT và số thuế GTGT cho đơn vị có phim đổi quảng cáo, và ngược lại, đơn vị có phim đổi quảng cáo khi xuất hoá đơn cũng phải ghi cụ thể mức thuế suất và số thuế GTGT. *(CV số 1811/TCT-PCCS ngày 24/5/2006).*
2. **Thuế điều hoà không khí ô tô:** - Trường hợp máy điều hoà không khí lắp trên ô tô có công suất từ 90.000 BTU trở xuống, áp dụng thuế suất thuế TTĐB là 15% và thuộc diện chịu thuế GTGT 10%;
Trường hợp máy điều hoà không khí lắp trên ô tô có công suất trên 90.00 BTU thì không thuộc diện chịu thuế TTĐB, và chịu thuế suất thuế GTGT là 5%. *(CV số 1577/TCT-PCCS ngày 03/5/2006).*
3. **Thuế hợp đồng xây dựng:** Đối với hợp đồng xây dựng cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất, Bộ Tài chính qui định, trường hợp nhà thầu nước ngoài đăng ký kê khai nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thực hiện xây dựng công trình cho doanh nghiệp chế xuất, thì hoạt động xây dựng này thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 0%. Nhà thầu nước ngoài được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ đầu vào sử dụng cho hoạt động xây dựng cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất.
Trong trường hợp nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam, thực hiện đăng ký kê khai nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thì nhà thầu nước ngoài được áp dụng thuế suất 0% đối với hoạt động xây dựng, nhưng không được hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ đầu vào sử dụng cho hoạt động xây dựng cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất. *(CV số 1352/TCT-ĐTN ngày 13/4/2006).*
4. **Thuế cung cấp dịch vụ cho khu chế xuất:** Các hàng hoá, dịch vụ bán cho doanh nghiệp chế xuất và khu chế xuất như: tư vấn; kiểm toán, kế toán; cho thuê nhà, văn phòng; hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng cá nhân người lao động;... không được coi là xuất khẩu để áp dụng thuế suất 0% mà phải chịu thuế suất thuế GTGT như đối với hàng hoá tiêu dùng tại Việt Nam.
Theo qui định trên, một đơn vị cung cấp dịch vụ ăn, nghỉ, hội nghị, hội thảo, viễn thông... cho tổ chức, cá nhân làm việc trong khu chế xuất thì không được coi là xuất khẩu để áp dụng thuế suất 0%, mà phải chịu thuế suất thuế GTGT như đối với hàng hoá tiêu dùng tại Việt Nam. *(CV số 1324/TCT-ĐTN ngày 12/4/2006).*
5. **Thuế đối với hàng xuất khẩu:** Nếu một doanh nghiệp ký hợp đồng bán sản phẩm được áp dụng thuế GTGT 0% cho một công ty nước ngoài, nhưng giao hàng lại cho một doanh nghiệp Việt Nam để làm TSCĐ của doanh nghiệp này theo chỉ định của phía nước ngoài, thì không thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 0%. *(CV số 1252/TCT-ĐTN ngày 07/4/2006).*
6. **Thuế xuất khẩu phần mềm qua mạng:** Theo Tổng cục Thuế thì, sản phẩm phần mềm máy tính xuất khẩu qua mạng Internet thuộc diện chịu thuế GTGT 0%.
Điều kiện để được khấu trừ/hoàn thuế GTGT đối với hoạt động xuất khẩu sản phẩm phần mềm qua mạng Internet vẫn phải đáp ứng đủ theo qui định – Không cần phải có Tờ khai Hải quan hàng hoá xuất khẩu mà chỉ cần Hợp đồng cung cấp hàng hoá cho doanh nghiệp ở nước ngoài, Hoá đơn GTGT và Chứng từ thanh toán qua Ngân hàng. *(CV số 976/TCT-PCCS ngày 17/3/2006).*
7. **Thuế cho thuê cơ sở hạ tầng:** Hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng kỹ thuật chịu thuế suất thuế GTGT là 10%. Doanh thu tính thuế là toàn bộ số tiền doanh nghiệp cho thuê nhận được, bao gồm cả giá trị tiền thuê đất.
Trường hợp doanh nghiệp cho thuê được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất, thì doanh thu tính thuế là giá cho thuê cơ sở hạ tầng kỹ thuật đã trừ tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp NSNN. *(CV số 692/TCT-ĐTN ngày 23/02/2006).*
8. **Thuế dịch vụ xuất khẩu:** Dịch vụ xuất khẩu là dịch vụ được cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ngoài lãnh thổ Việt Nam. Nếu có đủ điều kiện: cơ sở cung cấp dịch vụ có hợp đồng ký với người mua ở nước ngoài theo qui định của Luật Thương mại; người mua nước ngoài thanh toán tiền dịch vụ

cho cơ sở cung cấp dịch vụ tại Việt Nam, thì sẽ được áp dụng thuế suất 0% đối với dịch vụ xuất khẩu đó. (CV số 677/TCT-PCCS ngày 22/02/2006).

9. **Thuế hoạt động xây dựng:** Những hoạt động như quét vôi, sơn lại nhà, xường, công trình; tháo dỡ toàn bộ cửa cũ để thay cửa mới; trần nhà thấp nay nâng thêm cột và tường nhà cao hơn trước; nâng nền nhà; bóc dỡ lớp gạch cũ của nền nhà, gia cố và lát gạch trở lại;... được coi là hoạt động xây dựng, và áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10%. (CV số 305/TCT-PCCS ngày 20/01/2006).
10. **Thuế dịch vụ cung cấp cho DNCX:** Các loại hàng hoá, dịch vụ bán cho doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất như bảo hiểm, ngân hàng; bưu chính viễn thông; tư vấn; kiểm toán, kế toán; vận tải, bốc xếp; cho thuê nhà, văn phòng, kho bãi; hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng cho cá nhân người lao động; xăng, dầu bán cho phương tiện vận tải không được coi là xuất khẩu nên không được áp dụng thuế suất 0%, mà phải chịu thuế suất thuế GTGT theo thuế suất qui định như đối với hàng hoá tiêu dùng tại Việt Nam. (CV số 06/TCT-DNK ngày 03/01/2006).
11. **Hàng xuất khẩu tại chỗ chỉ được hưởng thuế GTGT 0% nếu có tờ khai hải quan:** Hàng hóa xuất khẩu tại chỗ chỉ được hưởng thuế GTGT 0% nếu làm đầy đủ thủ tục hải quan và được cơ quan Hải quan xác nhận trên tờ khai hải quan. Nếu không có tờ khai hải quan thì chủ lô hàng phải tính nộp thuế GTGT theo thuế suất của từng mặt hàng. Bên mua hàng sẽ được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT theo quy định. (CV số 4728/TCT-DNK ngày 28/12/2005).

Hoá đơn chứng từ

1. **Hoá đơn bán lẻ:** Hoá đơn bán lẻ sử dụng cho máy tính tiền do Bộ Tài chính phát hành hoặc do tổ chức, cá nhân tự in đăng ký với Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc TW. Mẫu hoá đơn bán lẻ in từ máy tính tiền phải có đầy đủ tên, địa chỉ, mã số thuế, đơn vị bán hàng; tên, địa chỉ, mã số thuế, đơn vị mua hàng, số lượng, đơn giá, thành tiền, thuế suất GTGT, tiền thuế GTGT. Hoá đơn phải có từ 2 liên trở lên, trong đó liên 1: lưu, liên 2: giao khách hàng.

Nếu hoá đơn bán lẻ in từ máy tính tiền đáp ứng đủ các chỉ tiêu trên và được cơ quan thuế chấp nhận sử dụng, thì được sử dụng làm căn cứ tính thuế. (CV số 2219/TCT-PCCS ngày 22/6/2006).
2. **Cấp hoá đơn bán lẻ:** Các hộ kinh doanh thường xuyên, hộ kinh doanh nộp thuế ổn định mà có nhu cầu sử dụng hoá đơn quyền thì vẫn được cơ quan thuế bán hoá đơn quyền để phục vụ hoạt động kinh doanh.

Việc cấp hoá đơn lẻ cho các hộ kinh doanh nộp thuế ổn định 06 tháng hoặc 01 năm không có nhu cầu sử dụng hoá đơn quyền, hộ kinh doanh vi phạm bị cơ quan thuế từ chối bán hoá đơn quyền thì phải đảm bảo có hợp đồng và giấy mua bán hàng hoá, dịch vụ giữa hai bên để làm căn cứ cấp hoá đơn lẻ. (CV số 2200/TCT-PCCS ngày 21/6/2006).
3. **Sử dụng hoá đơn:**

- **Hoá đơn xuất khẩu hàng hoá** – Khi xuất khẩu hàng hoá, các liên hoá đơn phải sử dụng như sau: Liên 1: phải được lưu tại cuốn; Liên 2: phải được giao cho khách hàng; và Liên 3: sử dụng nội bộ.

Trường hợp xuất khẩu hàng hoá ra nước ngoài, nếu khách hàng nước ngoài không lấy hoá đơn GTGT, thì cơ sở kinh doanh có hàng xuất khẩu phải lưu Liên 2 tại đơn vị mình. (CV số 2005/TCT-PCCS ngày 07/6/2006).

Làm mất hoá đơn – Trong trường hợp làm mất hoá đơn thì, sẽ bị phạt tiền 500.000 VNĐ đối với hành vi làm mất Liên 2 của mỗi số hoá đơn chưa sử dụng; và phạt 200.000 VNĐ đối với hành vi làm mất các liên khác và Liên 2 đã qua sử dụng. (CV số 2004/TCT-PCCS ngày 07/6/2006).
4. **Lưu trữ, thanh huỷ hoá đơn:** Căn cứ theo Luật Kế toán thì, liên 1 và liên 2 hoá đơn đã sử dụng tại cơ sở kinh doanh là chứng từ kế toán phải bảo quản, lưu trữ theo qui định. Riêng liên 3 là liên nội bộ, chỉ được sử dụng trong việc quản lý nội bộ tại cơ sở kinh doanh. (CV số 1848/TCT-PCCS ngày 29/5/2006).
5. **Hoá đơn trong xuất khẩu uỷ thác:** Trong trường hợp uỷ thác xuất khẩu hàng hoá, khi xuất hàng giao cho cơ sở nhận uỷ thác, cơ sở đi uỷ thác sử dụng Phiếu xuất kho kiểm vận chuyển nội bộ do Bộ Tài chính - Tổng cục Thuế phát hành, kèm theo Lệnh điều động nội bộ. Khi hàng hoá đã thực xuất khẩu có xác nhận của cơ quan Hải quan, căn cứ vào các chứng từ đối chiếu, xác nhận về số lượng, giá trị hàng hoá thực tế xuất khẩu của cơ sở nhận uỷ thác xuất khẩu, cơ sở có hàng hoá uỷ thác xuất khẩu lập hoá đơn GTGT để kê khai nộp thuế, hoàn thuế GTGT.

Trường hợp này, cơ sở kinh doanh xuất khẩu phải lưu liên 2 tại doanh nghiệp. Nếu cơ sở kinh doanh xuất khẩu đăng ký đăng ký với cơ quan thuế tự in và phát hành hoá đơn sử dụng cho hàng hoá xuất khẩu để xuất cho khách hàng nước ngoài, thì cơ sở kinh doanh xuất khẩu sử dụng hoá đơn để kê khai nộp thuế, hoàn thuế. (CV số 1707/TCT-PCCS ngày 15/5/2006).
6. **Điều chuyển tài sản cho chi nhánh:** Trường hợp một Công ty ký hợp đồng thuê tài sản dưới hình thức thuê tài chính, nhưng thực tế tài sản thuê tài chính lại được điều chuyển tới Chi nhánh tại một địa phương khác để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Chi nhánh, hàng tháng Chi nhánh có kê khai doanh số từ việc khai thác, sử dụng tài sản thuê tài chính thì, để phản ánh đúng doanh thu, chi phí của Chi nhánh, Công ty phải lập Biên bản điều chuyển tài sản về Chi nhánh và xuất hoá đơn GTGT giao cho Chi nhánh, nội dung và số liệu ghi trên

hoá đơn GTGT giao cho Chi nhánh phải trùng khớp đúng với nội dung và số liệu ghi trên hoá đơn GTGT do Công ty cho thuê tài chính xuất cho Công ty.

Căn cứ vào hoá đơn này, Công ty kê khai thuế GTGT đầu ra tại Công ty và Chi nhánh Công ty được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào tại địa phương, nơi Chi nhánh đặt trụ sở. *(CV số 1638/TCT-DNK ngày 08/5/2006).*

7. **Hoá đơn mua hàng của doanh nghiệp bỏ trốn:** Căn cứ theo những quy định hiện hành, đối với những hoá đơn nghi vẫn đang bị kiểm tra xác minh, các hoá đơn đầu vào của doanh nghiệp có hành vi mua, bán hoá đơn bất hợp pháp đang bị cơ quan pháp luật điều tra, khởi tố thì tạm thời chưa được khấu trừ thuế GTGT đầu vào, và chưa được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN – không phân biệt là hoá đơn phát sinh trước hay sau ngày cơ quan thuế thông báo về sự bỏ trốn của doanh nghiệp cung cấp hàng hoá, dịch vụ. *(CV số 1570/TCT-DNK ngày 03/5/2006).*
8. **Điều chuyển tài sản:** Đối với tài sản góp vốn để thành lập doanh nghiệp, tài sản điều chuyển giữa các đơn vị thành viên trong doanh nghiệp; phân chia, hợp nhất trong trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên doanh nghiệp không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế TNDN.

Theo đó, Chi nhánh của một Công ty mà hạch toán phụ thuộc thì, Công ty chỉ cần có QĐ điều chuyển nội bộ và biên bản giao nhận, không phải xuất hoá đơn GTGT; nếu Chi nhánh hạch toán độc lập với Công ty, thì Công ty phải xuất hoá đơn GTGT, tính thuế GTGT theo thuế suất quy định. Chi nhánh Công ty căn cứ vào hoá đơn GTGT để khấu trừ thuế GTGT đầu vào và hạch toán giá trị TSCĐ. *(CV số 1502/TCT-DNK ngày 24/4/2006).*
9. **Sử dụng hoá đơn:** Tổ chức, cá nhân sử dụng hoá đơn khi sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chuyển đổi hình thức sở hữu, phá sản, ngừng hoạt động, thì phải báo cáo thanh, quyết toán sử dụng hoá đơn và nộp lại toàn bộ số hoá đơn chưa sử dụng cho cơ quan thuế nơi cung cấp hoặc đăng ký sử dụng hoá đơn trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ khi có QĐ sáp nhập, hợp nhất, giải thể...*(CV số 1197/TCT-DNK ngày 04/4/2006).*
10. **Hoá đơn bất hợp pháp:** Cơ sở kinh doanh mua, sử dụng hoá đơn bất hợp pháp để hợp thức hoá chứng từ đầu vào của hàng hoá mua trôi nổi trên thị trường, thì cơ quan thuế thực hiện ấn định giá trị hàng hoá mua vào theo giá thị trường tại thời điểm mua để xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Đối với trường hợp bên bán hàng là đơn vị vẫn đang hoạt động kinh doanh bình thường, sử dụng hoá đơn của đơn vị khác để bán hàng hoá, dịch vụ nhưng bên mua không biết đó là hoá đơn bất hợp pháp, thì cơ quan thuế xem xét xử lý bên bán hàng theo luật định. Đồng thời, hoá đơn đó, bên mua không được sử dụng để kê khai khấu trừ hoàn thuế GTGT, và không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN, trừ khi bên mua yêu cầu bên bán lập lại hoá đơn theo đúng quy định. *(CV số 1157/TCT-PCCS ngày 31/3/2006).*
11. **Giao dịch điện tử:** Căn cứ theo Luật giao dịch điện tử, nếu một công ty thực hiện cung cấp thông tin về mua bán hàng hoá - những hàng hoá này không thuộc sở hữu của công ty mà thuộc sở hữu của người bán đăng ký trên website của công ty thì, khi khách hàng mua hàng hoá trên website, chủ sở hữu hàng hoá là các cơ sở kinh doanh phải xuất hoá đơn giao cho khách hàng và kê khai nộp thuế như đối với hoạt động bán hàng thông thường. *(CV số 1147/TCT-PCCS ngày 31/3/2006).*
12. **Mẫu hoá đơn bán lẻ:** Mẫu hoá đơn bán lẻ sử dụng cho máy tính tiền phải có các chỉ tiêu về tên, địa chỉ, mã số thuế của đơn vị bán hàng, số lượng, đơn giá, thành tiền, thuế suất thuế GTGT, tiền thuế GTGT và không cần phải có ký hiệu seri. *(CV số 1085/TCT-PCCS ngày 28/3/2006).*
13. **Hoá đơn hàng giảm giá:** Hàng hoá, dịch vụ có giảm giá ghi trên hoá đơn thì, trên hoá đơn phải ghi rõ tỷ lệ % hoặc mức giảm giá, giá bán chưa có thuế GTGT – giá bán đã giảm giá, thuế GTGT, tổng thanh toán đã có thuế GTGT. *(CV số 1023/TCT-PCCS ngày 21/3/2006).*
14. **Chứng từ cho vay, cho mượn:** Các trường hợp vay, mượn vật tư, nguyên vật liệu, hàng hoá được coi là một giao dịch kinh tế. Các doanh nghiệp khi thực hiện giao dịch này phải xuất hoá đơn GTGT và tính thuế GTGT.

Đối với các trường hợp vật tư, nguyên vật liệu, hàng hoá nhập khẩu đã được miễn thuế nhập khẩu, TTĐB và thuế GTGT khâu nhập khẩu, thì đơn vị nhập khẩu khi tiến hành cho vay, mượn vật tư, hàng hoá còn phải truy nộp các khoản thuế đã được miễn khi nhập khẩu. Khi xuất trả hàng hoá, vật tư, nguyên vật liệu vay mượn cũng phải xuất hoá đơn GTGT, tính thuế GTGT. *(CV số 824/TCT-ĐTN ngày 08/3/2006).*
15. **Sử dụng hoá đơn tự in:** Đối với các đơn vị được phép sử dụng hoá đơn tự in thì, trên hoá đơn phải có đầy đủ các chỉ tiêu về họ tên, địa chỉ; mã số thuế, tên hàng hoá, dịch vụ; thuế suất, tiền thuế GTGT; tổng tiền thanh toán;...

Nếu sử dụng hoá đơn tự in để ghi lại 02 loại thuế suất GTGT trên cùng một mẫu hoá đơn thì bắt buộc phải có 02 cột - cột thuế suất GTGT và cột tiền thuế GTGT. *(CV số 800/TCT-ĐTN ngày 07/3/2006).*
16. **Hoá đơn sai đóng dấu sai:** Trường hợp cơ sở kinh doanh đã thay đổi địa chỉ kinh doanh, nhưng do sơ suất khi mua hoá đơn tại cơ quan thuế, cơ sở kinh doanh vẫn đóng dấu bằng con dấu cũ ghi theo tên và địa chỉ kinh doanh trước đây lên toàn bộ số hoá đơn chưa sử dụng vừa mua, thì cơ sở kinh doanh phải thực hiện nộp lại toàn bộ số hoá đơn mới đó lên cơ quan thuế. *(CV số 768/TCT-PCCS ngày 06/3/2006).*

17. **Thuế đ/v hàng hoá biểu tăng:** Đối với sản phẩm hàng hoá xuất để khuyến mại, quảng cáo phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT thì sử dụng hoá đơn GTGT, trên hoá đơn ghi rõ là hàng khuyến mại, quảng cáo không thu tiền. Do đó, nếu chi nhánh Công ty xuất hàng biểu tặng cho các đại lý thì phải lập hoá đơn theo qui định của Bộ Tài chính và được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. **(CV số 721/TCT-ĐTNV ngày 28/02/2006).**
18. **Thủ tục mua hoá đơn lần đầu:** Đối với các tổ chức kinh doanh, thủ tục mua hoá đơn lần đầu phải có: Đơn xin mua hoá đơn; Giấy giới thiệu của tổ chức kinh doanh do người đại diện có thẩm quyền ký giới thiệu người đến cơ quan thuế liên hệ mua hoá đơn; Giấy chứng nhận đăng ký thuế phản photocopy có xác nhận sao y bản chính của tổ chức kinh doanh.

Nếu người đứng đầu tổ chức không thể ký vào đơn xin mua hoá đơn và giấy giới thiệu thì có thể uỷ quyền cho người dưới quyền ký. Đơn xin mua hoá đơn và giấy giới thiệu do người được uỷ quyền ký kèm theo Giấy uỷ quyền hợp pháp của người đứng đầu tổ chức được sử dụng để làm thủ tục mua hoá đơn lần đầu tại cơ quan thuế. **(CV số 696/TCT-PCCS ngày 23/02/2006).**
19. **Hoá đơn thu phí dịch vụ ngân hàng:** Trường hợp các ngân hàng thương mại sử dụng chứng từ thu phí dịch vụ ngân hàng in bằng máy vi tính đã bổ sung thêm mã số thuế, số tiền dịch vụ, thuế GTGT, tổng số tiền thanh toán, ký hiệu, số chứng từ, chữ ký và đóng dấu thì được coi là hoá đơn GTGT.

Các ngân hàng thương mại thực hiện đăng ký mẫu hoá đơn với những thông tin trên với cơ quan thuế địa phương, và không phải làm thủ tục đăng ký số lượng hoá đơn sử dụng. **(CV số 551/TCT-PCCS ngày 14/02/2006).**
20. **Ký gửi hàng đại lý:** Cơ sở nhận làm đại lý khi bán hàng hoá dưới các hình thức phải lập hoá đơn, đồng thời lập Bảng kê hàng hoá bán ra gửi về đơn vị cơ sở có hàng hoá gửi bán đại lý, để các đơn vị này lập hoá đơn GTGT cho hàng hoá thực tế tiêu thụ.

Trường hợp đơn vị có số lượng và doanh số hàng hoá bán ra lớn, Bảng kê có thể lập cho 05 – 10 ngày một lần. Trường hợp hàng hoá bán ra có thuế suất thuế GTGT khác nhau thì phải lập bảng kê riêng cho hàng hoá bán ra theo từng nhóm thuế suất. Đơn vị sản xuất, kinh doanh chỉ thực hiện một trong hai cách sử dụng hoá đơn - hoặc sử dụng hoá đơn GTGT để làm căn cứ thanh toán và kê khai nộp thuế GTGT ở từng đơn vị và từng khâu độc lập với nhau; hoặc sử dụng Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý do Bộ Tài chính phát hành kèm theo Lệnh điều động nội bộ. Và đơn vị đó phải đăng ký với cơ quan thuế về hoá đơn trước khi sử dụng. **(CV số 528/TCT-ĐTNV ngày 09/02/2006).**
21. **Xử phạt về sử dụng hoá đơn, chứng từ:**
 - (i) Cơ sở kinh doanh bán hàng hoá, dịch vụ thu tiền có giá trị lớn hơn 100.000VNĐ/lần giao dịch và lập hoá đơn theo đúng qui định, nhưng thiếu chữ ký của người mua do người mua không nhận hoá đơn, liên hai của hoá đơn vẫn được lưu nguyên và đã kê khai nộp thuế theo qui định thì không bị xử phạt vi phạm hành chính về sử dụng hoá đơn, chứng từ.

Nếu cơ sở kinh doanh bán hàng, lập hoá đơn ghi số lượng và giá trị hàng hoá cao hơn so với số lượng và giá trị hàng hoá cơ sở thực tế bán ra, thì sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng hoá đơn khống. Nếu doanh thu bán hàng ghi trên các hoá đơn đó đã được cơ sở kinh doanh kê khai, nộp thuế đầy đủ thì không bị xử phạt đối với hành vi trốn thuế. **(CV số 301/TCT-PCCS ngày 20/01/2006).**
 - (ii) Trường hợp hoá đơn đầu vào của doanh nghiệp như hoá đơn tiền điện, tiền điện thoại đã đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu và nội dung theo qui định, nhưng thiếu chỉ tiêu mã số thuế do người mua hàng không cung cấp kịp thời cho người bán; hoá đơn ghi theo mã số thuế cũ do doanh nghiệp mua hàng có sự thay đổi mã số thuế nhưng chưa thông báo lại với người bán; hoá đơn chưa có chữ ký của người mua hàng thì người mua, người bán phải có biên bản về việc hoá đơn ghi sai, ghi thiếu chỉ tiêu này. Đồng thời, bên bán ghi bổ sung mã số thuế của người mua và đóng dấu lên phần sửa lại; người mua hàng ký tên vào hoá đơn đối với hoá đơn người mua chưa ký tên. Khi đó, những hoá đơn này mới đủ điều kiện để được khấu trừ, hoàn thuế GTGT và được tính vào chi phí hợp lý. **(CV số 275/TCT-PCCS ngày 18/01/2006).**
22. **Điều chỉnh hoá đơn:** Một doanh nghiệp đã xuất hoá đơn GTGT cho bên mua hàng, nhưng sau đó bên mua có thay đổi một số chỉ tiêu so với hoá đơn GTGT đã xuất, thì hai bên mua/bán phải lập biên bản, ký xác nhận, đóng dấu về việc thu hồi hoá đơn cũ có sai sót để lập lại hoá đơn mới và trên hoá đơn mới ghi thay thế hoá đơn nào - số, ký hiệu... **(CV số 253/TCT-PCCS ngày 18/01/2006).**
23. **Hoá đơn điều chỉnh giảm giá hàng bán:** Nếu việc giảm giá của một công ty căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hoá, dịch vụ thực tế mua đạt mức nhất định, thì số tiền giảm giá của hàng hoá đã bán được tính điều chỉnh trên hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trên hoá đơn phải ghi rõ số hoá đơn và số tiền được giảm giá. **(CV số 129/TCT-PCCS ngày 11/01/2005).**
24. **Chứng từ cho vay, mượn vật tư, hàng hoá:** Về nguyên tắc, cơ sở kinh doanh cho cơ sở khác vay, mượn vật tư, hàng hoá thì phải lập hợp đồng kinh doanh ghi rõ số lượng, chất lượng, chủng loại, giá tiền, thời hạn trả và điều khoản phạt nếu vi phạm hợp đồng.

Nếu cơ sở có cho vay, mượn vật tư, nguyên liệu thì chứng từ sử dụng khi xuất, vận chuyển số vật tư, nguyên liệu này là hoá đơn GTGT hoặc hoá đơn bán hàng tùy theo phương pháp nộp thuế của đơn vị cho vay. Trên hoá đơn phải ghi rõ hàng xuất cho vay, mượn; tên đơn vị vay, mượn; mã số thuế đơn vị cho vay, đơn vị trả; số lượng, chủng loại, qui cách, giá trị hàng hoá, vật tư cho vay, mượn.

Như vậy, đối với hoá đơn GTGT dòng tiền thuế GTGT gạch chéo và hợp đồng vay mượn vật tư là chứng từ vận chuyển để lưu thông và để xuất trình với cơ quan thuế địa phương trong kỳ kê khai tính thuế. *(CV số 72/TCT-ĐTN ngày 06/01/2006).*

25. Hoá đơn, chứng từ xuất điều chuyển hàng nội bộ: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh điều chuyển hàng hoá cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc – chi nhánh, cửa hàng ở khác địa phương để bán hoặc xuất điều chuyển giữa các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc với nhau, cơ sở phải sử dụng hoá đơn GTGT để làm căn cứ thanh toán và kê khai nộp thuế GTGT ở từng đơn vị và từng khâu độc lập với nhau; hoặc sử dụng Phiếu xuất kho kèm vận chuyển nội bộ, kèm theo lệnh điều động nội bộ đối với hàng hoá điều chuyển nội bộ hoặc có thể sử dụng Phiếu xuất kho hàng gửi bán cho đại lý kèm theo lệnh điều động nội bộ.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ được thực hiện một trong hai cách sử dụng hoá đơn, chứng từ theo qui định trên khi điều chuyển hàng nội bộ. Và trước khi thực hiện phải đăng ký với cơ quan thuế trực tiếp quản lý. *(CV số 25/TCT-ĐTN ngày 03/01/2006).*

26. Điều kiện hoàn thuế đ/v doanh nghiệp xuất khẩu: Luật thuế GTGT đã qui định, đối với một doanh nghiệp xuất khẩu, mọi thanh toán phải thông qua ngân hàng. Chứng từ thanh toán được hoàn thuế GTGT là giấy báo có của ngân hàng bên xuất khẩu về số tiền đã nhận được từ tài khoản của ngân hàng bên nhập khẩu.

Trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu hàng hoá đã có đủ hợp đồng bán hàng hoá ký với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tờ khai hải quan có xác nhận của cơ quan Hải quan đã xuất khẩu, hoá đơn GTGT bán hàng hoá, nhưng thanh toán tiền hàng xuất khẩu không phải chuyển từ ngân hàng bên nhập khẩu sang ngân hàng bên xuất khẩu hoặc không phải từ khoản tiền gửi vãng lai của người nhập khẩu mở tại Việt Nam thì không đủ điều kiện để được hoàn thuế. *(CV số 04/TCT-DNK ngày 03/01/2006).*

27. Không phải sử dụng hóa đơn khi chi bồi thường tổn thất: Trường hợp vận chuyển hàng hóa có xảy ra tổn thất phải bồi thường thì khi chi bồi thường cho khách hàng, doanh nghiệp không phải sử dụng hóa đơn mà chỉ cần lập phiếu chi tiền/chứng từ chuyển tiền căn cứ vào biên bản tổn thất hàng hóa và thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại với bên thuê vận chuyển. *(CV số 4749/TCT-PCCS ngày 29/12/2005).*

28. Hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ đơn vị bỏ trốn: Nếu đơn vị mua hàng hoá, dịch vụ của đơn vị bỏ trốn, mà giá trị hàng hoá, dịch vụ ghi trên hoá đơn phù hợp với hợp đồng kinh tế ký kết giữa hai bên, và phù hợp với chứng từ thanh toán hợp pháp; hàng hoá mua vào theo hoá đơn đó đã bán ra và đã kê khai hoặc nguyên vật liệu đã đưa vào sản xuất, hoặc hàng hoá đó đang tồn kho; có hạch toán kế toán đầy đủ, đúng qui định thì được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Bên cạnh đó, giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. *(CV số 4688/TCT-PCCS ngày 26/12/2005).*

29. Hoá đơn bán lẻ: Đối với cá nhân, đơn vị hành chính sự nghiệp có sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT phát sinh không thường xuyên, có nhu cầu sử dụng hoá đơn thì được cơ quan thuế cung cấp hoá đơn lẻ để sử dụng cho từng trường hợp. *(CV số 4686/TCT-PCCS ngày 26/12/2005).*

THUẾ TNDN

1. Thuế đ/v thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng: Khoản thu nhập của cá nhân do chuyển nhượng vốn góp của mình trong Cty TNHH cho cá nhân khác là thu nhập tạm thời, chưa thu thuế TNCN;

Khoản thu nhập phát sinh của chủ doanh nghiệp tư nhân, khi bán doanh nghiệp tư nhân cho cá nhân khác là thu nhập của doanh nghiệp tư nhân nên thuộc diện thu nhập chịu thuế TNDN. *(CV số 2202/TCT-TNCN ngày 21/6/2006).*

2. Chính sách chuyển lỗ: Cơ sở kinh doanh chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản phải thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế đến thời điểm có QĐ chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản của cơ quan có thẩm quyền.

Cơ sở kinh doanh sau khi quyết toán thuế mà bị lỗ thì được chuyển lỗ trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm sau. Thời gian chuyển lỗ không quá 05 năm, kể từ năm tiếp sau phát sinh lỗ. *(CV số 2179/TCT-PCCS ngày 19/6/2006).*

3. Quyết toán thuế thu nhập: Doanh nghiệp vừa có hoạt động sản xuất, kinh doanh vừa có hoạt động chuyển quyền sử dụng đất thì, doanh nghiệp phải hạch toán riêng hoạt động sản xuất, kinh doanh và hoạt động chuyển quyền sử dụng đất. Không được bù trừ số lỗ phát sinh của hoạt động sản xuất, kinh doanh vào số lãi của hoạt động chuyển quyền sử dụng đất.

Hiện tại, trường hợp cả hoạt động chuyển quyền sử dụng đất và hoạt động sản xuất kinh doanh đều có lãi thì mã số là B31 = B32 + B33. Nếu 1 trong 2 trường hợp bị lỗ hoặc cả 2 hoạt động trên đều cùng lỗ thì phải theo dõi riêng từng mã số. *(CV số 2140/TCT-PCCS ngày 16/6/2006).*

4. Xác định đối tượng chịu thuế

Trường hợp một doanh nghiệp thuê các công ty nước ngoài, nơi có các lao động xuất khẩu của Việt Nam làm việc, thu hộ phí xuất khẩu lao động từ các tổ chức nước ngoài, thì dịch vụ thu hộ phí xuất khẩu lao động của tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện tại nước ngoài không thuộc đối tượng phải nộp thuế. **(CV số 2117/TCT-PCCS ngày 15/6/2006).**

Hoạt động kinh doanh dịch vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam được xác định thuộc đối tượng chịu thuế tại Việt Nam khi dịch vụ đó được tiêu dùng tại Việt Nam, và nguồn tiền thanh toán trả từ Việt Nam. **(CV số 2115/TCT-PCCS ngày 15/6/2006).**

5. Thuế nhà thầu: Tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện cung cấp hàng hoá cho tổ chức, cá nhân Việt Nam theo các hình thức dưới đây thì thuộc đối tượng không áp dụng thuế nhà thầu:

Giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài – người bán chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc xuất khẩu hàng và giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài; người mua chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc nhận hàng, chuyên chở hàng từ cửa khẩu nước ngoài về đến Việt Nam;

Giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam – người bán chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến hàng hoá cho đến điểm giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam; người mua chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc nhận hàng, chuyên chở hàng từ cửa khẩu Việt Nam. **(CV số 2068/TCT-ĐTNN ngày 12/6/2006).**

6. Chính sách miễn/giảm thuế: Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai đang trong thời hạn miễn thuế TNDN mà bị cơ quan thuế phát hiện có vi phạm về kê khai thuế dẫn đến làm giảm thu nhập chịu thuế, thì cơ sở kinh doanh vẫn được hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN nhưng bị xử phạt vi phạm hành chính;

Nếu doanh nghiệp đang trong thời gian ân hạn giảm thuế TNDN mà cơ quan thuế phát hiện có vi phạm về kê khai dẫn đến làm giảm thu nhập chịu thuế, thì tùy theo lỗi, cơ sở kinh doanh bị xử phạt theo luật định. Cơ sở kinh doanh không được giảm thuế TNDN đối với thu nhập chịu thuế TNDN bị phát hiện tăng thêm. **(CV số 2044/TCT-PCCS ngày 09/6/2006).**

7. Cẩn trừ thuế TNDN nộp thừa: Cơ sở kinh doanh được phép áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch, thì được quyết toán theo năm tài chính đó. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ khi kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính, cơ sở kinh doanh phải nộp báo cáo quyết toán thuế cho cơ quan thuế và phải nộp đầy đủ số thuế còn thiếu vào NSNN trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán. Nếu nộp thừa thì được trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo. **(CV số 1972/TCT-PCCS ngày 05/6/2006).**

8. Thuế tiền chi phục vụ bữa ăn: Trường hợp doanh nghiệp tổ chức nấu ăn tại chỗ cho người lao động trong doanh nghiệp - cả 3 bữa ăn trong ngày/người, có qui định tại hợp đồng lao động, thì doanh nghiệp được hạch toán toàn bộ chi phí của các bữa ăn vào chi phí hợp lý khi xác định thuế TNDN. **(CV số 1909/TCT-ĐTNN ngày 01/6/2006).**

9. Thuế đ/v hàng hoá bị tổn thất: Hàng hoá bị tổn thất do nguyên nhân chủ quan hay khách quan đều không được tính vào chi phí hợp lý.

Giá trị hàng hoá tổn thất sau khi trừ đi các khoản giá trị bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của các tổ chức bảo hiểm theo hợp đồng, giá trị tổn thất còn lại được đưa vào lỗ và trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế TNDN. **(CV số 1830/TCT-PCCS ngày 25/5/2006).**

10. Khấu hao TSCĐ: Những TSCĐ đầu tư từ nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp để phục vụ cho người lao động trong khu vực sản xuất, như: nhà nghỉ giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, nhà ăn giữa ca, bể chứa nước sạch... được trích khấu hao để tính chi phí hợp lý khi xác định thuế TNDN. **(CV số 1814/TCT-PCCS ngày 24/5/2006).**

11. Hoá đơn, chứng từ hợp pháp: Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào không có hoá đơn, chứng từ hợp pháp đã được cơ quan thuế xử lý truy thu thuế GTGT, thuế TNDN ở khâu lưu thông và bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, thì giá trị vật tư, hàng hoá mua vào và số tiền truy thu được tính vào chi phí hợp lý. Còn tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế không được hạch toán vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. **(CV số 1810/TCT-PCCS ngày 24/5/2006).**

12. Chi phí tính thu nhập chịu thuế TNDN: Những chi phí cho hoạt động nghiên cứu thị trường, thuê tư vấn thực hiện công việc nghiên cứu, phát triển thị trường; chi phí trưng bày, giới thiệu sản phẩm và tổ chức hội trợ, triển lãm thương mại; chi phí mua hoặc sản xuất hàng hoá, dịch vụ cho, tặng kèm theo sản phẩm bán ra; và chi phí chiết khấu thanh toán, kể cả chi bằng tiền cho đại lý và người mua hàng hoá, dịch vụ có phiếu thu – Tất cả những chi phí này phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, sẽ được tính vào chi phí để xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu có đủ hoá đơn chứng từ hợp pháp. **(CV số 1766/TCT-ĐTNN ngày 19/5/2006).**

13. Đối tượng không được hưởng ưu đãi thuế: Căn cứ theo những qui định hiện hành, doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty TNHH hoặc HTX mới thành lập mà người đại diện theo pháp luật hoặc người có số vốn góp cao nhất trong cơ sở kinh doanh này đã tham gia hoạt động kinh doanh với vai trò là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật hoặc người có số vốn góp cao nhất trong các cơ sở kinh doanh đang hoạt động hoặc đã giải thể nhưng chưa được 12 tháng, tính từ thời điểm giải thể cơ sở kinh

doanh cũ đến thời điểm thành lập cơ sở kinh doanh mới – Đây là đối tượng không được hưởng ưu đãi TNDN theo diện cơ sở kinh doanh mới thành lập. *(CV số 1735/TCT-PCCS ngày 16/5/2006).*

14. **Đăng ký thời gian miễn/giảm thuế:** Các cơ sở sản xuất, kinh doanh mới thành lập được ưu đãi miễn/giảm thuế TNDN nếu năm đầu tiên hoạt động kinh doanh dưới 06 tháng trong năm dương lịch mà chưa đăng ký với cơ quan thuế thời gian ưu đãi miễn/giảm thuế TND, thì cơ sở sản xuất, kinh doanh được phép lựa chọn đăng ký với cơ quan thuế áp dụng thời gian miễn/giảm thuế TNDN vào năm sau đó, hoặc năm sau tiếp theo đó.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã được miễn giảm thuế TNDN trong vòng 05 năm đầu tiên được miễn/giảm thuế, mà thời gian được hưởng ưu đãi năm đầu dưới 06 tháng nay đăng ký lại thời điểm bắt đầu miễn/giảm thuế vào năm sau, thì cơ sở sản xuất, kinh doanh xác định số thuế phải nộp đã được miễn/giảm trước đó để nộp vào NSNN. *(CV số 1730/TCT-PCCS ngày 16/5/2006).*

15. **Kê khai nộp thuế:** Đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp và các tổ chức khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT, thì các đơn vị này phải đăng ký, kê khai, nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo Luật định.

Trường hợp đơn vị không hạch toán và không xác định được riêng chi phí, thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế thì thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp được xác định căn cứ vào doanh thu, tỷ lệ % GTGT và tỷ lệ % TNDN tính trên doanh thu do cơ quan thuế xác định kê khai, nộp thuế. *(CV số 1668/TCT-DNNN ngày 10/5/2006).*

16. **Hạch toán chi phí đối với lãi tiền vay:**

Trường hợp vay vốn để bổ sung vốn pháp định do chưa góp đủ vốn, thì khoản trả lãi vay không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN;

Trường hợp doanh nghiệp vay vốn của các bên góp vốn, các cổ đông chưa góp đủ vốn pháp định để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, kể cả trường hợp vay vốn để bổ sung vốn lưu động không thuộc vốn pháp định, thì khoản trả lãi tiền vay tương ứng với số vốn pháp định chưa góp đủ không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN;

Trường hợp vay vốn của ngân hàng, các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác để đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, kể cả trường hợp vay vốn để bổ sung vốn lưu động không thuộc vốn pháp định, thì khoản trả lãi tiền vay ngân hàng, các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác đối với khoản vay này được tính vào nguyên giá TSCĐ hoặc chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. *(CV số 1640/TCT-PCCS ngày 08/5/2006).*

17. **Hoá đơn, chứng từ tính chi phí hợp lý:** Trường hợp doanh nghiệp mua dịch vụ nhỏ lẻ như vận chuyển, bốc xếp, sửa chữa nhỏ, mua hàng hoá của người nông dân, người khai thác trực tiếp bán ra thì được căn cứ vào giấy tờ mua bán, phiếu chi có chữ ký của người bán để lập bảng kê 04/GTGT, được giám đốc doanh nghiệp duyệt chi và làm căn cứ tính vào chi phí hợp lý.

Nếu doanh nghiệp mua vật tư, hàng hoá không thuộc diện được lập bảng kê 04/GTGT, thì phải có hoá đơn hợp pháp làm căn cứ để tính vào chi phí hợp lý. *(CV số 1508/TCT-PCCS ngày 24/4/2006).*

18. **Chi phí phục vụ trong ngành du lịch:** Nếu 1 công ty du lịch thu phí phục vụ thì các khoản phí phục vụ này phải được hạch toán vào doanh thu chịu thuế GTGT và thuế TNDN.

Cá khoản chi phí cho người lao động như chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp, ăn giữa ca, đào tạo, y tế nhằm nâng cao chất lượng lao động và cải thiện điều kiện làm việc được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Các khoản tiền thưởng, chi phí phúc lợi không được tính vào chi phí khác khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. *(CV số 1347/TCT-ĐTNN ngày 13/4/2006).*

19. **Kê khai tạm nộp thuế TNDN:** Trường hợp cơ sở kinh doanh trong 06 tháng đầu năm có sự thay đổi lớn dẫn đến tăng hoặc giảm trên 20% số thuế tạm nộp đã kê khai với cơ quan thuế, thì cơ sở kinh doanh phải làm đầy đủ hồ sơ đề nghị điều chỉnh số thuế tạm nộp cả năm và số thuế tạm nộp của 02 quý cuối năm gửi cơ quan trực tiếp quản lý, chậm nhất không quá ngày 30/7 hàng năm. *(CV số 1257/TCT-DNK ngày 07/4/2006).*

20. **Thuế tài sản thanh lý:** Các trường hợp đã được miễn thuế, xét miễn thuế theo qui định, nhưng sau đó hàng hoá sử dụng vào mục đích khác với mục đích đã được miễn, xét miễn thuế thì phải nộp đủ thuế. Trừ trường hợp chuyển nhượng cho đối tượng thuộc diện được miễn thuế, xét miễn thuế.

Do đó, khi tài sản là xe máy của một đơn vị không dùng phục vụ dự án mà tiến hành thanh lý thì phải nộp thuế nhập khẩu. Căn cứ để tính thuế nhập khẩu là trị giá tính thuế, thuế suất và tỷ giá tại thời điểm có sự thay đổi mục đích đã được miễn thuế, xét miễn thuế. *(CV số 1238/TCT-PCCS ngày 06/4/2006).*

21. **Xác định thời gian miễn/giảm thuế:** Các cơ sở sản xuất, kinh doanh mới thành lập được ưu đãi miễn/giảm thuế TNDN, nếu năm đầu tiên hoạt động kinh doanh dưới 06 tháng trong năm dương lịch mà chưa đăng ký với cơ quan thuế thời gian ưu đãi miễn/giảm thuế TNDN hoặc đã được giải quyết ưu đãi miễn/giảm thuế TNDN, thì cơ sở sản xuất kinh doanh được phép lựa chọn đăng ký với cơ quan thuế áp dụng thời gian miễn/giảm thuế TNDN vào năm đó hoặc năm sau tiếp theo năm đó. *(CV số 1232/TCT-DNNN ngày 06/4/2006).*

22. **Chi phí vận chuyển hàng hoá:** Một công ty trong nước ký hợp đồng bán hàng hoá cho nước ngoài, trong Phụ lục hợp đồng có qui định việc công ty trong nước có thể thuê vận chuyển hàng không để kịp thời hạn giao hàng tại nước đến trong trường hợp sản xuất chậm tiến độ, và chịu trách nhiệm thanh toán cước vận chuyển hàng không cũng như các chi phí liên quan, thì các chi phí vận chuyển hàng hoá xuất khẩu bằng đường hàng không và các chi phí liên quan đó sẽ được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. *(CV số 1208/TCT-ĐTN ngày 04/4/2006).*

23. **Quyết toán, thoái trả thuế TNDN:** Việc quyết toán, thoái trả thuế TNDN đối với các đại lý thuộc tổ chức bán hàng đa cấp, theo Tổng cục Thuế thì, các đại lý sẽ tập hợp Chứng từ khấu trừ thuế, tổng hợp thu nhập từ hoa hồng đại lý và các khoản thu nhập chịu thuế khác theo mẫu Bộ Tài chính đã ban hành.
 Tổ chức bán hàng đa cấp tập hợp các tờ khai thuế và xác định các khoản thu nhập đã chi trả, số thuế đã khấu trừ cho cá nhân, lập danh sách các cá nhân có số thuế thoái trả và chuyển về Cục thuế địa phương. Cục thuế sẽ căn cứ vào các số liệu mà tổ chức bán hàng đa cấp đề nghị thoái trả chung chuyển vào tài khoản của tổ chức đó. Tổ chức bán hàng đa cấp sẽ trả tiền thuế được hoàn lại cho từng đại lý. *(CV số 1179/TCT-TNCN ngày 03/4/2006).*

24. **Thuế thu nhập bản quyền:** Một doanh nghiệp Việt Nam ký hợp đồng mua chương trình phim truyền hình của nước ngoài, thì khoản tiền thanh toán trả phía nước ngoài được xác định là thu nhập bản quyền - thuộc đối tượng nộp thuế TNDN, không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.
 Nếu phía nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam, thì doanh nghiệp Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ số tiền thuế TNDN phải nộp trước khi thanh toán tiền cho phía nước ngoài. Bên Việt Nam ký kết hợp đồng không được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh khoản thuế này. *(CV số 1159/TCT-DNK ngày 31/3/2006).*

25. **Chuyển nhượng tài sản:** Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản được hạch toán vào phần "Thu nhập chịu thuế khác", nằm trong tổng thu nhập để xác định thu nhập chịu thuế TNDN.
 Khoản thu nhập từ chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản này được xác định bằng doanh thu được do chuyển nhượng, thanh lý tài sản trừ đi giá trị còn lại của tài sản chuyển nhượng, thanh lý và các khoản chi phí liên quan đến hoạt động này. *(CV số 1123/TCT-ĐTN ngày 30/3/2006).*

26. **Truy thu thuế hộ kinh doanh khoán ổn định:** Đối với hộ kinh doanh khoán ổn định, trong kỳ khoán thuế ổn định, hộ kinh doanh có thay đổi về doanh số kinh doanh nhưng không khai báo với cơ quan thuế để xem xét điều chỉnh mức thuế cho phù hợp với thực tế kinh doanh, thì cơ quan thuế có quyền truy thu phần thuế GTGT, thuế TNDN tính chênh lệch giữa doanh thu kinh doanh thực tế so với doanh thu khoán.
 Bên cạnh đó, cơ quan thuế sẽ điều chỉnh lại mức thuế khoán đã ổn định theo doanh số kinh doanh thực tế đối với hộ kinh doanh, ngay trong các tháng tiếp sau tháng kiểm tra phát hiện hộ kinh doanh có thay đổi về doanh số kinh doanh nhưng không báo với cơ quan thuế. *(CV số 1122/TCT-DNK ngày 30/3/2006).*

27. **Thuế đ/v các tổ chức nước ngoài:** Bộ Tài chính đã qui định, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài kinh doanh nhưng không hiện diện tại Việt Nam, có thu nhập phát sinh tại Việt Nam thuộc đối tượng chịu thuế tại Việt Nam. Hoạt động kinh doanh dịch vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam được xác định thuộc đối tượng chịu thuế tại Việt Nam khi dịch vụ đó được tiêu dùng tại Việt Nam, và nguồn tiền thanh toán trả từ Việt Nam.
 Cũng theo Bộ Tài chính, đối với số tiền thuế TNDN của các nhà thầu/nhà thầu phụ nước ngoài do Bên Việt Nam thực hiện việc khấu trừ và nộp vào Kho bạc Nhà nước, Bên Việt Nam được hưởng khoản thù lao bằng 0,8% số thuế TNDN đã khấu trừ, nhưng tối đa không vượt quá 50 triệu đồng trên số tiền thuế của mỗi lần khấu trừ và nộp thuế. *(CV số 1108/TCT-ĐTN ngày 29/3/2006).*

28. **Lãi tiền gửi ngân hàng:** Luật thuế TNDN qui định, lãi tiền gửi là một khoản thu nhập khác. Vì vậy, số lãi tiền gửi ngân hàng mà doanh nghiệp có và nhận được sẽ phải nộp thuế TNDN. *(CV số 1034/TCT-DNN ngày 21/3/2006).*

29. **Xác định doanh thu tính thuế:** Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng, tiền cung cấp dịch vụ - bao gồm cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà cơ sở kinh doanh được hưởng, không phân biệt đã thu được hay chưa thu được tiền. *(CV số 1029/TCT-DNK ngày 21/3/2006).*

30. **Xác định chi phí hợp lý:** Hàng năm doanh nghiệp phải đăng ký với cơ quan thuế về tổng quỹ tiền lương trả trong năm. Tuy nhiên, trường hợp cơ sở kinh doanh không đăng ký với cơ quan thuế về tổng quỹ tiền lương, khi quyết toán thuế TNDN, cơ sở kinh doanh vẫn được tính tiền lương, tiền công thực tế chi trả cho người lao động theo đúng chế độ hợp đồng lao động vào chi phí hợp lý để tính thuế TNDN. *(CV số 994/TCT-PCCS ngày 17/3/2006).*

31. **Nơi nộp thuế TNDN:** Luật thuế TNDN đã qui định việc kê khai, nộp thuế TNDN như sau: các đơn vị hạch toán độc lập thuộc cơ sở kinh doanh có nghĩa vụ kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế riêng. Các đơn vị hạch toán báo sổ phụ thuộc cơ sở kinh doanh chính chỉ đăng ký thuế tại địa phương, không có nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế tại địa phương; Cơ sở kinh doanh chính có nghĩa vụ kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế phần kinh doanh của mình và của các đơn vị hạch toán phụ thuộc báo sổ. *(CV số 965/TCT-DNN ngày 16/3/2006).*

32. **Xác định thu nhập chịu thuế:** Bộ Tài chính đã qui định, thu nhập chịu thuế được tính theo năm dương lịch hoặc năm tài chính, gồm thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kể cả thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở nước ngoài và thu nhập chịu thuế khác – Công thức tính là: Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế bằng Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế trừ đi Chi phí hợp lý trong kỳ tính thuế cộng với Thu nhập chịu thuế khác trong kỳ tính thuế.
- Căn cứ theo qui định trên, trường hợp một doanh nghiệp trong năm 2003 có phát sinh thu nhập từ chuyển nhượng tài sản trên đất và chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất thì được xác định chung để tính thu nhập chịu thuế và tính thuế TNDN của năm 2003. *(CV số 903/TCT-DNNN ngày 13/3/2006).*
33. **Xử phạt cơ sở kinh doanh phát sinh lỗ:** Trường hợp cơ sở kinh doanh lập tờ khai tự quyết toán thuế TNDN có kết quả kinh doanh lỗ, khi cơ quan thuế kiểm tra phát hiện, loại ra khỏi chi phí tính thu nhập chịu thuế TNDN một số khoản chi không hợp lệ làm giảm lỗ, nhưng cũng chưa phát sinh thu nhập chịu thuế nên không có số thuế TNDN phải nộp. Theo đó, không xử lý truy thu và xử phạt về hành vi trốn thuế TNDN, nhưng sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các lĩnh vực có liên quan tương ứng với hành vi vi phạm. *(CV số 898/TCT-PCCS ngày 13/3/2006).*
34. **Trích khấu hao TSCĐ:** Nguyên giá TSCĐ của cá nhân, hộ kinh doanh cá thể thành lập doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần mà không còn hoá đơn, chứng từ là giá trị hợp lý do doanh nghiệp tự xác định tại thời điểm đăng ký kinh doanh. Doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác của giá trị đó.
- Trường hợp giá trị TSCĐ do doanh nghiệp tự xác định lớn hơn so với giá bán thực tế của TSCĐ cùng loại hoặc tương đương trên thị trường, thì doanh nghiệp phải xác định lại giá trị hợp lý của TSCĐ làm căn cứ tính thuế TNDN. Nếu giá trị TSCĐ vẫn chưa phù hợp với giá bán thực tế trên thị trường, cơ quan thuế có quyền yêu cầu doanh nghiệp xác định lại giá trị của TSCĐ thông qua Hội đồng thẩm định giá. *(CV số 796/TCT-PCCS ngày 07/3/2006).*
35. **Thuế khoản thu từ nhà cung cấp nước ngoài:** Khoản tiền hỗ trợ một phần về chi phí quảng cáo, khuyến mại, bù lỗ mà doanh nghiệp nhận được của nhà cung cấp hàng ở nước ngoài không phải là doanh thu bán hàng hàng hoá, dịch vụ nên không phải xuất hoá đơn cho nhà cung cấp nước ngoài.
- Căn cứ vào chứng từ đồng ý hỗ trợ một phần chi phí quảng cáo, khuyến mại, bù lỗ của nhà cung cấp nước ngoài cho doanh nghiệp, và chứng từ của ngân hàng, doanh nghiệp có thể hạch toán khoản tiền nhận được vào thu nhập khác để tính thuế TNDN. *(CV số 789/TCT-PCCS ngày 06/3/2006).*
36. **Xác định doanh thu đ/v hoạt động vận tải biển:** Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng, tiền cung cấp dịch vụ - gồm cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà cơ sở kinh doanh được hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
- Theo qui định trên, doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động vận tải biển là tổng số tiền cước vận tải mà doanh nghiệp được hưởng chưa trừ bất kỳ một khoản chi phí nào, kể cả chi phí hoa hồng môi giới mà phía doanh nghiệp đã khấu trừ nếu trong hợp đồng vận chuyển, hoặc hợp đồng môi giới có nêu phương thức thanh toán khoản chi phí hoa hồng môi giới cho phía nước ngoài được khấu trừ trước khi thanh toán cước vận chuyển. *(CV số 775/TCT-DNNN ngày 06/3/2006).*
37. **Thuế hoạt động góp vốn đầu tư:** Các khoản thu nhập từ hoạt động góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế trong nước thuộc đối tượng chịu thuế TNDN.
- Tuy nhiên, trường hợp một công ty liên doanh nhận được khoản thu nhập từ hoạt động góp vốn cổ phần, mà đó là khoản thu nhập được chia sau khi các đơn vị nhận vốn góp đã nộp đủ thuế TNDN thì số lợi nhuận nhận được đó sẽ không phải nộp thuế TNDN. Công ty liên doanh phải hạch toán riêng và xuất trình các tài liệu, chứng từ chứng minh khoản thu nhập này đã được nộp thuế TNDN trước khi cơ quan thuế kiểm tra, đối chiếu. *(CV số 675/TCT-ĐTN ngày 22/02/2006).*
38. **Chế độ miễn, giảm thuế TNDN:** Một đơn vị sản xuất, kinh doanh đang trong thời gian được hưởng ưu đãi đầu tư mà có hành vi quyết toán thuế TNDN không đúng theo qui định, hoặc khai man thì cơ quan thuế sẽ truy thu đủ số thuế, bên cạnh đó sẽ có những biện pháp xử lý cụ thể, như:
- Nếu các dự án đầu tư đang trong thời gian được miễn thuế TNDN, cơ sở kinh doanh vẫn được giải quyết miễn thuế TNDN. Tuy theo lỗi của doanh nghiệp, cơ quan thuế sẽ áp dụng các mức phạt hành chính tương ứng đối với hành vi quyết toán thuế TNDN không đúng thực tế, khai man.
- Nếu các dự án đầu tư đang trong thời gian được giảm thuế TNDN thì phần thu nhập chịu thuế mà khai không đúng thực tế hoặc khai man không được xét giảm thuế. Cơ quan thuế sẽ áp dụng mức phạt tương ứng hành vi vi phạm, hoặc chuyển sang cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự. *(CV số 612/TCT-PCCS ngày 17/02/2006).*
39. **Xử phạt vi phạm trong kê khai thuế:** Đối tượng nộp thuế theo phương pháp kê khai, đang trong thời hạn được hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN, bị phát hiện có hành vi tăng chi phí để tăng số lỗ, tăng chi phí để giảm lãi, giảm chi phí để tăng lãi và xác định không đúng các điều kiện được hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN thì,
- Nếu vi phạm được kiểm tra phát hiện ngay trong những năm được ưu đãi miễn thuế TNDN thì không bị xử phạt trốn thuế, mà thực hiện xử phạt vi phạm hành chính;

Nếu những vi phạm chưa được kiểm tra phát hiện, mà cá nhân, tổ chức không tự điều chỉnh hậu quả, làm giảm số thuế TNDN của năm tiếp sau khi hết thời hạn được miễn thuế TNDN thì sẽ bị xử phạt trốn thuế. **(CV số 605/TCT-PCCS ngày 17/02/2006).**

40. **Xác định doanh thu tính thuế:** Các khoản chi không liên quan đến doanh thu và thu nhập chịu thuế, như: chi về đầu tư xây dựng cơ bản, chi ủng hộ đoàn thể, chi từ thiện... không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thu nhập chịu thuế TNDN.

Căn cứ theo qui định này, một đơn vị bán đấu giá biển quảng cáo thì, tiền bán đấu giá được xác định là doanh thu để tính thuế GTGT và thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí xây dựng biển quảng cáo có hoá đơn, chứng từ hợp pháp sẽ được tính vào chi phí để tính TNDN. Nếu đơn vị này dùng tiền bán đấu giá để ủng hộ quỹ khuyến học sẽ không được tính khoản chi ủng hộ này giảm trừ vào thu nhập hoặc tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. **(CV số 585/TCT-DNK ngày 16/02/2006).**

41. **Thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế:** Các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã được miễn, giảm thuế TNDN trong vòng 05 năm kể từ năm đầu tiên được miễn, giảm thuế mà thời gian được hưởng ưu đãi năm đầu dưới 06 tháng, nay đăng ký lại thời gian bắt đầu miễn, giảm thuế vào năm sau, thì cơ sở sản xuất kinh doanh phải xác định lại số thuế phải nộp đã được miễn, giảm trước đó để nộp vào NSNN. **(CV số 583/TCT-DNK ngày 16/02/2006).**

42. **Thuế hàng viện trợ:** Trường hợp một doanh nghiệp tiếp nhận hàng của nước ngoài gồm vật tư, thiết bị, mà lô hàng này là quà tặng của nước ngoài trực tiếp cho doanh nghiệp thì giá trị lô hàng sẽ thuộc đối tượng chịu thuế TNDN; Nếu lô hàng trên là hàng viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cho Việt Nam, sau đó cấp lại cho doanh nghiệp dưới hình thức giao vốn Nhà nước cho doanh nghiệp, thì giá trị lô hàng này không thuộc đối tượng chịu thuế TNDN.

Doanh nghiệp sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại dưới hình thức hàng hoá, thiết bị... nhưng chưa được bàn giao quyền sở hữu, thì vẫn phải thực hiện hạch toán đầy đủ trên các tài khoản liên quan ngoài bảng cân đối tài khoản theo chế độ kế toán hiện hành. Sau khi kết thúc dự án, bàn giao quyền sở hữu, doanh nghiệp có trách nhiệm quản lý và sử dụng hàng viện trợ không hoàn lại theo luật định. **(CV số 542/TCT-DNNN ngày 10/02/2006).**

43. **Chứng từ khi thực hiện hỗ trợ đại lý:** Trường hợp doanh nghiệp áp dụng chính sách chiết khấu thương mại cho các đại lý theo cách tính giảm trừ vào tiền hàng các điều khoản thanh toán, thì cũng coi như doanh nghiệp chi thưởng khuyến mại bằng tiền và được lập chứng từ chi tiền như lập chứng từ đối với các khoản hỗ trợ chi phí, hỗ trợ tiếp thị hoặc chi thưởng khuyến mại. **(CV số 441/TCT-ĐTN ngày 26/01/2006).**

44. **Xác định giá bán tính thuế:** Cơ quan thuế có quyền xác định giá mua, giá bán theo thị trường trong nước và nước ngoài, chi phí, thu nhập chịu thuế và các yếu tố khác đảm bảo thu đúng, thu đủ thuế TNDN, nếu phát hiện giá mua, giá bán, chi phí kinh doanh, thu nhập chịu thuế và các yếu tố khác của cơ sở kinh doanh không đúng với giá cả thị trường và các chi phí thực tế phát sinh.

Căn cứ theo qui định trên, nếu cơ sở kinh doanh bán hàng hoá, dịch vụ thấp hơn giá trị trường mà không có đầy đủ các thủ tục về khuyến mại, giảm giá bán theo qui định của Luật thương mại, thì cơ quan thuế có quyền xác định lại giá bán ra của hàng hoá theo giá thị trường tại cùng thời điểm phát sinh hoạt động mua bán để tính thuế. Trừ trường hợp đó là hàng khuyến mại, có công bố rộng rãi và trên hoá đơn GTGT ghi rõ tỷ lệ % hoặc mức giảm giá, giá bán chưa có thuế GTGT, thuế GTGT và tổng giá thanh toán đã có thuế GTGT. **(CV số 324/TCT-PCCS ngày 20/01/2006).**

45. **Ưu đãi miễn giảm thuế:**

(i) Một doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp kê khai, đang trong thời hạn hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN bị phát hiện có những vi phạm như tăng chi phí để tăng số lỗ, tăng chi phí để giảm lãi, giảm chi phí để tăng lãi và xác định không đúng các điều kiện để được hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN thì, (i) nếu vi phạm được kiểm tra phát hiện ngay trong những năm được ưu đãi miễn thuế TNDN, sẽ không bị xử phạt trốn thuế mà thực hiện xử phạt vi phạm hành chính; (ii) nếu những vi phạm trên chưa được kiểm tra phát hiện, mà cá nhân, tổ chức không tự điều chỉnh hậu quả làm giảm số thuế TNDN của năm tiếp sau khi hết thời hạn được miễn thuế TNDN thì sẽ bị xử phạt trốn thuế. **(CV số 299/TCT-PCCS ngày 20/01/2006).**

(ii) Một cơ sở sản xuất mới thành lập, ngoài hoạt động trực tiếp sản xuất còn nhận gia công sản xuất cho doanh nghiệp khác hoặc thuê các doanh nghiệp khác gia công sản xuất hàng hoá và cho thuê máy móc thiết bị, thì chỉ được ưu đãi miễn giảm thuế TNDN đối với phần doanh thu từ hoạt động trực tiếp sản xuất và gia công sản xuất hàng hoá. Trường hợp đơn vị thuê doanh nghiệp khác gia công rồi mang thành phẩm về bán; hoặc cho thuê máy móc, thiết bị không được coi là doanh thu từ hoạt động sản xuất để được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế. Đơn vị phải hạch toán riêng phần doanh thu, chi phí của các hoạt động này và kê khai nộp thuế TNDN theo luật định. **(CV số 264/TCT-DNK ngày 18/01/2006).**

46. **Thu nhập từ chuyển nhượng vốn:** Cơ sở kinh doanh có phát sinh thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng phần vốn góp, vốn cổ phần đã đầu tư vào cơ sở kinh doanh khác, thì phải nộp thuế TNDN đối với phần thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng đó.

Phần thu nhập đó được tính bằng khoản thu từ chuyển nhượng phần vốn góp vốn, vốn cổ phần trừ đi số vốn góp, vốn cổ phần. **(CV số 273/TCT-PCCS ngày 18/01/2006).**

47. **Xác định doanh thu tính thuế:** Doanh thu để tính thuế GTGT và thuế TNDN là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ, kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà cơ sở kinh doanh được hưởng và được thể hiện trên hoá đơn bán hàng, cung cấp dịch vụ.

Nếu cơ quan Thuế nghi ngờ doanh thu trên hoá đơn thấp hơn giá trị thực trên hợp đồng thì sẽ tiến hành kiểm tra, đối chiếu xác minh về hợp đồng kinh tế, biên bản thanh lý hợp đồng và hoá đơn bên mua, bên bán hàng để xác định doanh thu tính thuế theo đúng doanh thu thực thu. **(CV số 265/TCT-DNK ngày 18/01/2006).**

48. **Thuế đ/v lãi trả chậm:** Chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ của ngân hàng, các tổ chức tín dụng, các tổ chức kinh tế theo lãi suất thực tế căn cứ vào hợp đồng vay. Chi trả lãi tiền vay của các đối tượng khác theo lãi suất thực tế khi ký hợp đồng vay, nhưng tối đa không quá 1,2 lần mức lãi suất cho vay cùng thời điểm của ngân hàng thương mại có quan hệ giao dịch với cơ sở kinh doanh - Nếu khoản lãi trả chậm của doanh nghiệp phù hợp với những qui định này thì được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. **(CV số 232/TCT-ĐTN ngày 17/01/2006).**

49. **Thuế hoạt động xây dựng nhà:** Các chủ thầu khi xây dựng nhà ở cho các hộ dân phải có nghĩa vụ kê khai, nộp thuế GTGT và thuế TNDN đối với hoạt động xây dựng nhà. Các chủ hộ có nhà xây dựng không phải kê khai, nộp thuế thay chủ thầu xây dựng. Đó là qui định trong Luật thuế GTGT và Luật thuế TNDN. **(CV số 230/TCT-PCCS ngày 17/01/2006).**

50. **Thuế tiền tài trợ từ nước ngoài:** Căn cứ theo qui định, hướng dẫn của các văn bản pháp luật hiện hành về một số khoản thu từ công ty ở nước ngoài tài trợ thì, đối với các khoản tài trợ mang tính hỗ trợ theo mục tiêu như để quảng cáo, khuyến mại không ràng buộc trách nhiệm của công ty ở Việt Nam phải thực hiện dịch vụ gì thì khoản tiền tài trợ này được tính vào thu nhập khác của công ty ở Việt Nam;

Đối với các khoản thanh toán của công ty mẹ có gắn với việc thực hiện dịch vụ bảo hành, tiêu thụ sản phẩm, quảng cáo, tiếp thị sản phẩm... thì các khoản này công ty ở Việt Nam phải lập hoá đơn GTGT và hạch toán vào doanh thu. Tổng số tiền mà công ty ở Việt Nam nhận được đã bao gồm thuế GTGT, phần sau thuế GTGT được tính vào doanh thu chịu thuế TNDN. **(CV số 198/TCT-ĐTN ngày 13/01/2005).**

51. **Thuế đ/v hợp đồng ở nước ngoài:** Theo qui định của Bộ Tài chính thì, một đơn vị có phát sinh thu nhập từ hoạt động xây dựng, lắp đặt các công trình ở nước ngoài, phải thực hiện kê khai và nộp thuế TNDN theo qui định của Luật thuế TNDN. Khoản thu nhập nhận được ở nước ngoài được xác định theo qui định của nước có công trình xây dựng. Các khoản chi phí như hoá đơn, chứng từ của nước ngoài không được điều chỉnh theo qui định của Luật thuế TNDN của Việt Nam. **(CV số 148/TCT-PCCS ngày 11/01/2005).**

52. **Chi phí hợp lý:** Luật thuế TNDN đã qui định, những khoản chi không liên quan đến doanh thu và thu nhập chịu thuế như: chi về đầu tư xây dựng cơ bản; chi ủng hộ các đoàn thể, tổ chức xã hội; chi từ thiện... thì không được tính vào chi phí hợp lý.

Nếu một doanh nghiệp thường cho khách hàng do thanh toán nhanh, thì khoản chi này không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế, bởi khoản chi không liên quan đến doanh thu và thu nhập chịu thuế. Doanh nghiệp sẽ phải sử dụng lợi nhuận sau thuế để chi cho khách hàng. **(CV số 130/TCT-PCCS ngày 11/01/2005).**

53. **Xác định doanh thu hoạt động tư vấn:** Doanh thu hoạt động tư vấn được ưu đãi thuế là phần phí dịch vụ từ hoạt động tư vấn thuế. Căn cứ để xác định doanh thu hoạt động tư vấn là hợp đồng tư vấn ký với khách hàng, trong đó phải qui định rõ phần phí dịch vụ tư vấn được hưởng.

Trường hợp hợp đồng tư vấn gồm cả việc cung cấp thiết bị hoặc các dịch vụ khác, thì phải tách riêng được phần phí dịch vụ tư vấn, nếu không tách riêng được thì không được xét miễn/giảm thuế; nếu đã tách riêng được phần phí dịch vụ tư vấn được hưởng nhưng không thể tách riêng được chi phí để hạch toán riêng kết quả kinh doanh từ hoạt động tư vấn, thì thu nhập hoạt động tư vấn được miễn/giảm thuế xác định bằng tổng thu nhập chịu thuế nhân với tỷ lệ % giữa doanh thu được miễn/giảm thuế và tổng doanh thu của doanh nghiệp. **(CV số 98/TCT-DNK ngày 09/01/2006).**

54. **Ưu đãi thuế doanh nghiệp xuất khẩu:** Một doanh nghiệp mà đạt tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu 80% trở lên sẽ được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm, kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh; được miễn thuế TNDN trong 04 năm; và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo, kể từ khi kinh doanh có lãi. **(CV số 91/TCT-ĐTN ngày 09/01/2006).**

55. **Lập chứng từ chi phí tiếp thị, khuyến mại:** Đối với sản phẩm, hàng hoá xuất khẩu để tiêu dùng nội bộ, khuyến mại, quảng cáo phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT, cơ sở sử dụng hoá đơn GTGT, trên hoá đơn ghi rõ là hàng tiêu dùng nội bộ phục vụ cho sản xuất kinh doanh hay khuyến mại, quảng cáo không thu tiền. Hoá đơn này sẽ được sử dụng làm chứng từ hạch toán.

Nếu hỗ trợ chi phí, hỗ trợ tiếp thị, chi thường khuyến mại bằng tiền thì phải căn cứ vào hợp đồng khuyến mại cho khách hàng được ký kết giữa hai bên, qui chế kinh doanh của doanh nghiệp và lập chứng từ chi tiền. Trên

chứng từ ghi rõ số tiền thuộc khoản chi nào và có đầy đủ chữ ký của các bên, chứng từ sẽ được hạch toán vào chi phí khác theo mức khống chế. **(CV số 73/TCT-PCCS ngày 06/01/2006).**

56. **Giá bán xe ô tô:** Đối với cơ sở bán xe ô tô, xe hai bánh gắn máy theo hình thức đấu thầu công khai thì giá bán được tính theo giá trúng thầu. Nếu giá trúng thầu thấp hơn giá công bố, giá niêm yết thì cũng không bị truy thu.

Căn cứ theo qui định trên, một đơn vị tổ chức đấu giá, đấu thầu xe ô tô, thì thuế GTGT và thuế TNDN được tính theo giá trúng thầu. **(CV số 67/TCT-DNK ngày 06/01/2006).**

57. **Thuế tiền tài trợ từ Công ty mẹ ở nước ngoài:** Trước ngày 01/01/2004, khoản tài trợ bằng tiền từ Công ty mẹ tại nước ngoài để hỗ trợ cho các hoạt động quảng cáo, tiếp thị của doanh nghiệp không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và không tính vào thu nhập chịu thuế để tính thuế TNDN.

Kể từ ngày 01/01/2004, đối với các khoản tài trợ mang tính hỗ trợ theo mục tiêu như để quảng cáo, khuyến mại không ràng buộc trách nhiệm của công ty ở Việt Nam phải thực hiện dịch vụ gì, thì khoản tiền tài trợ này được tính vào thu nhập khác của công ty ở Việt Nam; Đối với các khoản thanh toán của công ty mẹ có gắn với việc thực hiện các dịch vụ nhất định của công ty ở Việt Nam như bảo hành, bảo dưỡng sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm cho công ty mẹ, hoặc quảng cáo tiếp thị sản phẩm cho công ty mẹ thì các khoản chi này công ty ở Việt Nam phải hạch toán vào doanh thu và các khoản chi được hạch toán vào chi phí. **(CV số 40/TCT-ĐTN ngày 04/01/2006).**

58. **Thuế cơ sở kinh doanh mới thành lập:** Căn cứ theo qui định của Bộ tài chính thì, doanh nghiệp tư nhân (DNTN) thành lập mà chủ DNTN là vợ, chồng, hoặc con cái của chủ hộ kinh doanh hoạt động hoặc đã ngừng hoạt động chưa đủ 12 tháng, các ngành nghề kinh doanh và địa điểm kinh doanh như hộ kinh doanh cá thể trước đây sẽ được ưu đãi về thuế TNDN nếu có đầy đủ điều kiện ưu đãi đầu tư;

Chủ hộ kinh doanh đang hoạt động hoặc đã ngừng hoạt động chưa đủ 12 tháng, tham gia thành lập công ty TNHH, công ty hợp danh, công ty cổ phần hoặc HTX với vai trò là người đại diện theo pháp luật, hoặc người có vốn góp cao nhất, hoặc chủ tịch HĐQT, hoặc chủ tịch hội đồng thành viên thì không được hưởng ưu đãi thuế TNDN như cơ sở mới thành lập. **(CV số 38/TCT-PCCS ngày 04/01/2006).**

59. **Ưu đãi thuế TNDN:** Luật thuế TNDN qui định, doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty TNHH,... mới thành lập mà người đại diện theo pháp luật hoặc người có số vốn góp cao nhất trong cơ sở kinh doanh này đã tham gia hoạt động kinh doanh với vai trò là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật hoặc người có số vốn góp cao nhất trong các cơ sở kinh doanh đang hoạt động hoặc đã giải thể, nhưng chưa được 12 tháng tính từ thời điểm giải thể cơ sở kinh doanh cũ đến thời điểm thành lập cơ sở kinh doanh mới, thì không được ưu đãi về thuế TNDN theo diện cơ sở kinh doanh mới thành lập. **(CV số 4999/TCT-PCCS ngày 30/12/2005).**

60. **Xác định TSCĐ hữu hình do mua sắm:** Nguyên giá TSCĐ hữu hình do mua mới/ mua cũ là giá mua qua thực tế phải trả cộng các khoản thuế, các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay đầu tư cho TSCĐ; chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ;... **(CV số 4973/TCT-PCCS ngày 29/12/2005).**

61. **Khấu hao TSCĐ:** Trường hợp thời gian sử dụng hay nguyên giá của TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của TSCĐ bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia cho thời gian sử dụng xác định lại hoặc thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ.

Như vậy, doanh nghiệp được phép thay đổi thời gian sử dụng của TSCĐ nếu thời gian này nằm trong khung thời gian sử dụng của TSCĐ và việc xác định mức trích khấu hao trung bình của TSCĐ được thực hiện theo qui định trên. **(CV số 4958/TCT-PCCS ngày 29/12/2005).**

62. **Khấu hao tài sản góp vốn cổ phần:** Căn cứ theo những qui định hiện hành, nếu một công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh vào năm 2003, có nhận góp vốn của các cổ đông bằng tài sản và có biên bản cho việc góp vốn này, mà những tài sản đó được sử dụng vào sản xuất, kinh doanh và được quản lý, theo dõi và hạch toán trong sổ sách kế toán của công ty thì sẽ được trích khấu hao TSCĐ vào chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN kể từ khi những tài sản góp vốn bắt đầu được sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. **(CV số 4695/TCT-PCCS ngày 26/12/2005).**

63. **TSCĐ được trích khấu hao nhanh:** Theo Tổng cục Thuế, cơ sở kinh doanh áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng có hiệu quả kinh tế cao được khấu hao nhanh nhưng tối đa không quá 02 lần mức khấu hao theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ. TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao nhanh là máy móc, thiết bị; dụng cụ đo lường, thí nghiệm; thiết bị và phương tiện vận tải; dụng cụ quản lý; súc vật, vườn cây lâu năm.

Khi thực hiện khấu hao nhanh, cơ sở kinh doanh phải đảm bảo có lãi. **(CV số 4692/TCT-PCCS ngày 26/12/2005).**

64. **Chỉ được hạch toán chi phí hợp lý bằng tiền đồng Việt Nam:** Doanh nghiệp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải đền bù thiệt hại thì được hạch toán tiền đền bù thiệt hại vào chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN. Trường hợp chi trả đền bù thiệt hại về đất bằng vàng thì doanh nghiệp phải quy đổi chi phí đền bù thành tiền đồng Việt

Nam theo giá kinh doanh vàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đền bù để hạch toán vào chi phí. **(CV số 4980/TCT-PCCS ngày 30/12/2005).**

65. **Chỉ được hạch toán vào chi phí hợp lý nếu có chứng từ gốc:** Trường hợp thực hiện khoán công tác phí cho người lao động đi công tác, sau đó tự lập chứng từ thanh toán mà không có chứng từ gốc của người đi công tác thì doanh nghiệp không được hạch toán khoản công tác phí này vào chi phí hợp lý. **(CV số 4961/TCT-PCCS ngày 29/12/2005).**
66. **Ưu đãi thuế TNDN:** Đơn vị trực thuộc cơ sở kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hạch toán độc lập và thực hiện đăng ký kê khai, nộp thuế TNDN với cơ quan thuế, nếu đáp ứng điều kiện ưu đãi về thuế TNDN thì được hưởng ưu đãi miễn/giảm thuế TNDN theo diện đầu tư thành lập cơ sở kinh doanh mới;
Trường hợp đơn vị hạch toán phụ thuộc thì được hưởng ưu đãi miễn/giảm thuế TNDN theo diện đầu tư mở rộng, đổi mới công nghệ. **(CV số 4957/TCT-PCCS ngày 29/12/2005).**
67. **Tiền bản quyền được tính vào chi phí:** Khoản tiền trả cho bên giao công nghệ để được sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp như thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, v.v.. nếu được trả gọn một lần trong toàn bộ thời hạn nhận chuyển giao thì được trích khấu hao như đối với TSCĐ vô hình và được hạch toán vào chi phí hợp lý, nếu được trả hàng năm theo tỷ lệ % doanh thu thì chỉ được tính trực tiếp vào chi phí kinh doanh. **(CV số 4950/TCT-PCCS ngày 29/12/2005).**
68. **Trường học ngoài công lập phải nộp thuế TNDN và thuế Môn bài:** Các trường ngoài công lập, các Trung tâm dạy học, dạy nghề v.v.. thuộc các đơn vị sự nghiệp có thu học phí, có thu nhập chịu thuế không phải chịu thuế GTGT đối với hoạt động dạy học, dạy nghề nhưng phải kê khai, nộp thuế TNDN và thuế Môn bài theo quy định. **(CV số 4711/TCT-PCCS ngày 27/12/2005).**
69. **Chỉ được tính vào chi phí khoản tài trợ gắn liền với hoạt động quảng cáo:** Doanh nghiệp chỉ được tính các khoản chi hỗ trợ, tài trợ có hóa đơn, chứng từ hợp pháp vào chi phí hợp lý nếu các khoản chi này gắn liền với hoạt động quảng cáo. **(CV số 4689/TCT-TNCN ngày 26/12/2005).**
70. **Ưu đãi thuế TNDN đ/v hoạt động vận chuyển đường bộ bằng ô tô từ 17 chỗ ngồi trở lên:** Các ưu đãi thuế TNDN theo ngành nghề nhằm phát triển vận tải công cộng chỉ được áp dụng đối với dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa bằng đường bộ cho xe ô tô từ 17 chỗ ngồi trở lên mà không áp dụng đối với xe ô tô dưới 17 chỗ ngồi. **(CV số 4687/TCT-TNCN ngày 26/12/2005).**
71. **Thuế chuyển lỗ:** Hàng năm, khi quyết toán thuế TNDN, cơ sở kinh doanh căn cứ kế hoạch chuyển lỗ đã đăng ký với cơ quan thuế các kỳ tính thuế trước để xác định số lỗ được chuyển trừ vào thu nhập chịu thuế của kỳ quyết toán.
Trường hợp thu nhập chịu thuế của kỳ quyết toán thuế thấp hơn số lỗ đã đăng ký kế hoạch chuyển lỗ thì số lỗ chưa chuyển hết được cộng vào số lỗ đã đăng ký theo kế hoạch chuyển lỗ của các năm tiếp theo mà không phải đăng ký lại kế hoạch chuyển lỗ. Thời hạn được cộng dồn số lỗ chưa chuyển hết sang năm tiếp sau không quá thời hạn được chuyển lỗ theo luật định. **(CV số 4685/TCT-PCCS ngày 26/12/2005).**
72. **Xác định giá thị trường:** Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết tại TT số 117/2005/TT-BTC ngày 19/12/2005.

TT áp dụng cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ, thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, có giao dịch kinh doanh với các bên có quan hệ liên kết có nghĩa vụ kê khai, xác định nghĩa vụ thuế TNDN tại Việt Nam. Các giao dịch mua, bán, trao đổi, thuê, cho thuê, chuyển giao hoặc chuyển nhượng hàng hoá, dịch vụ trong quá trình kinh doanh giữa các bên liên kết là phạm vi điều chỉnh của TT này.

Theo TT, giá sản phẩm giao dịch liên kết qui định trong TT được xác định theo giá thị trường trên cơ sở so sánh tính tương đương giữa giao dịch liên kết với giao dịch độc lập để lựa chọn phương pháp xác định giá phù hợp nhất.

Các phương pháp xác định giá thị trường của sản phẩm trong giao dịch liên kết gồm phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập; phương pháp giá bán lại; phương pháp giá vốn cộng lãi; phương pháp so sánh lợi nhuận; và phương pháp tách lợi nhuận. Tùy theo mỗi phương pháp, giá thị trường của sản phẩm có thể được tính trực tiếp ra đơn giá sản phẩm hoặc gián tiếp thông qua tỷ suất lợi nhuận gộp hoặc tỷ suất sinh lời của sản phẩm. Tuy nhiên, đối với các phương pháp tính giá gián tiếp, khi xác định kết quả kinh doanh cho mục đích kê khai tính thuế thu nhập thì không nhất thiết phải tính ra đơn giá sản phẩm cụ thể. **(TT số 117/2005/TT-BTC ngày 19/12/2005).**

THUẾ TNCN

1. **Mã số thuế TNCN:** Đối tượng được cấp mã số thuế bao gồm tất cả các tổ chức, cá nhân nộp thuế với cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan, trừ các đối tượng chỉ nộp thuế nhà đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp, cá nhân nộp lệ phí trước bạ.... Do đó, cá nhân có thu nhập thấp ở nơi sinh sống, nhưng có thuế khấu trừ ở địa phương khác thì vẫn có quyền được kê khai đăng ký thuế với cơ quan thuế địa phương nơi đang sinh sống để được cấp mã số thuế cá nhân. **(CV số 2060/TCT-TNCN ngày 09/6/2006).**

2. **Xác định năm tính thuế:** Thuế thu nhập đối với người nước ngoài được kê khai quyết toán theo tiêu thức đối tượng cư trú.

Thời gian cư trú cho năm tính thuế đầu tiên được xác định bằng cách cộng tất cả số ngày có mặt tại Việt Nam trong phạm vi 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên đến Việt Nam; năm tính thuế thứ 2 được tính theo năm dương lịch. *(CV số 2045/TCT-TNCN ngày 09/6/2006).*
3. **Quyết toán, thoái trả thuế TNCN**

Quyết toán thuế TNCN tại cơ quan chi trả thu nhập áp dụng đối với cá nhân trong năm chỉ có thu nhập duy nhất tại 01 nơi; quyết toán thuế TNCN tại cơ quan thuế địa phương (nơi cá nhân đang làm việc) áp dụng đối với cá nhân trong năm có thu nhập từ 02 nơi trở lên.

Về vấn đề thoái trả thuế TNCN, nếu cá nhân quyết toán tại cơ quan thuế thuộc đối tượng được thoái trả tiền thuế thì phải lập hồ sơ gồm: Đơn đề nghị thoái trả thuế (theo mẫu số 15/TNTX); Bản photocopy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; Tờ khai quyết toán thuế (theo mẫu số 08/TNTX); Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập, Biên lai thuế thu nhập (bản gốc); Chứng từ xác định tình trạng kết thúc thời gian làm việc; và Giấy uỷ quyền trong trường hợp uỷ quyền thoái trả tiền thuế, nếu có. *(CV số 1803/TCT-TNCN ngày 23/5/2006).*
4. **Trợ cấp thôi việc:** Căn cứ theo Pháp lệnh thuế TNCN, khoản trợ cấp thôi việc chi trả cho người lao động khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, không còn làm việc cho đơn vị chi trả là khoản thu nhập không chịu thuế TNCN.

Đối với khoản thu nhập mà đơn vị chi trả trả cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động, nhưng người lao động vẫn tiếp tục làm việc tại đó, thì không được coi là khoản trợ cấp thôi việc, mà phải kê khai nộp thuế TNCN theo luật định. *(CV số 1768/TCT-TNCN ngày 19/5/2006).*
5. **Phụ cấp xa tổ quốc:** Đối với người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, tiền nhà do tổ chức chi trả thu nhập chi trả hộ tính vào thu nhập chịu thuế TNCN theo thực tế chi trả hộ, nhưng không vượt quá 15% số thu nhập từ tiền lương, tiền công, tiền thù lao.

Theo đó, khoản phụ cấp xa tổ quốc trả hàng tháng (bằng 25% lương cơ bản) không tính vào thu nhập chịu thuế. Và để có căn cứ xác định khoản phụ cấp xa tổ quốc trả hàng tháng là không chịu thuế TNCN, doanh nghiệp phải xuất trình giấy tờ chứng minh chính sách trợ cấp xa tổ quốc ở các nước khác cũng như tại Việt Nam, cùng bản cam kết của doanh nghiệp xác nhận đó là khoản phụ cấp xa tổ quốc mà doanh nghiệp trả cho cá nhân người nước ngoài. *(CV số 1509/TCT-TNCN ngày 24/4/2006).*
6. **Xác định thu nhập chịu thuế TNCN:** Về xác định thuế thu nhập hàng năm để tính thuế TNCN của người nước ngoài có đề cập tới Các khoản bị khấu trừ, nếu có.

Các khoản bị khấu trừ đó là những khoản thu nhập cơ quan chi trả thu nhập đã khấu trừ ở nước ngoài. Việc xác định các khoản thu nhập đó có phải chịu thuế hay không chịu thuế phải căn cứ vào qui định tại các văn bản pháp luật về thuế TNCN của Việt Nam. *(CV số 1506/TCT-TNCN ngày 24/4/2006).*
7. **Thuế kinh doanh chứng khoán:** Đối với các pháp nhân là tổ chức đầu tư chứng khoán, khi bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán không phải nộp thuế GTGT. Phần thu nhập từ chênh lệch mua bán chứng khoán phải kê khai, nộp thuế TNDN theo qui định của Bộ Tài chính.

Đối với cá nhân khi bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập từ chênh lệch mua bán chứng khoán. *(CV số 1333/TCT-TNCN ngày 12/4/2006).*
8. **Thuế TNCN người nước ngoài:**

(I) Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, văn hoá, xã hội, các văn phòng đại diện, các chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam; các cá nhân hành nghề độc lập tại Việt Nam có thu nhập tại Việt Nam thuộc đối tượng nộp thuế TNCN tại Việt Nam. Đối với người nước ngoài được coi là cư trú tại Việt Nam (khi ở tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên), thu nhập chịu thuế là tổng thu nhập phát sinh tại Việt Nam và thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam; Đối với người nước ngoài được coi là không cư trú tại Việt Nam (khi ở Việt Nam dưới 183 ngày), thì thu nhập chịu thuế là tổng thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi nhận thu nhập ở Việt Nam hay nước ngoài. *(CV số 1233/TCT-TNCN ngày 06/4/2006).*

(II) Các đơn vị khai thác dầu khí tại Việt Nam ký hợp đồng thuê tàu biển của chủ tàu nước ngoài, bao gồm cả thuê thuyền viên là người nước ngoài, thì khoản thu nhập của thuyền viên nước ngoài do chủ tàu chi trả phải nộp thuế TNCN theo luật định.

Khi ký hợp đồng thuê tàu, các đơn vị ký hợp đồng có trách nhiệm thông báo cho chủ tàu gửi danh sách thuyền viên, trong đó ghi rõ họ tên, quốc tịch, nơi ở tại nước ngoài, thời gian làm việc tại Việt Nam, thu nhập hàng tháng đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý, đồng thời các đơn vị này phải khấu trừ tiền thuế TNCN của thuyền viên nước ngoài khi thanh toán tiền thuê tàu và nộp vào NSNN. Việc nộp thuế được căn cứ vào tiêu thức đối tượng cư trú hay không cư trú tại Việt Nam như phần (I). *(CV số 1199/TCT-TNCN ngày 04/4/2006).*
9. **Thuế thu nhập của người nước ngoài:** Đối với người nước ngoài có thu nhập tại Việt Nam, nhưng không hiện diện tại Việt Nam thì đơn vị tại Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ 10% tính trên doanh thu trước khi thanh toán

cho cá nhân người nước ngoài, và kê khai, nộp số tiền thuế đó vào NSNN. *(CV số 894/TCT-TNCN ngày 13/3/2006).*

10. **Nộp thuế TNCN:** Về việc khấu trừ 10% thuế TNCN, theo Tổng cục Thuế, trường hợp cơ quan chi trả thu nhập cho cá nhân vắng lai có thu nhập từ các hợp đồng ngắn hạn, lao động có tính thời vụ, lao động chân tay, lao động giản đơn, dịch vụ nhỏ lẻ không thường xuyên mà ước tính thu nhập chịu thuế không đến 60 triệu đồng/năm, thu nhập chịu thuế bình quân tháng dưới 05 triệu đồng, thì cơ quan chi trả thu nhập tạm thời chưa khấu trừ 10% thuế TNCN.

Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm hàng tháng gửi báo cáo tới cơ quan thuế bản kê khai chi tiết về họ tên, số CMT, mã số thuế (nếu có), địa chỉ, điện thoại liên lạc của cá nhân, số tiền đã chi trả để cơ quan thuế có cơ sở quản lý, kiểm tra. *(CV số 855/TCT-TNCN ngày 10/3/2006).*

11. **Thuế thu nhập đ/v người thu nhập cao:** Tổng cục Thuế ban hành CV số 531/TCT-TNCN ngày 09/02/2006, để hướng dẫn về việc thực hiện Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

Việc tạm khấu trừ thuế 10% đối với các khoản thu nhập phát sinh trong năm là phương pháp quản lý thuế khấu trừ tại nguồn. Theo phương pháp này, đối với các cá nhân trong năm tính thuế có phát sinh thu nhập tại nơi nào thì cơ quan chi trả thu nhập đó phải có trách nhiệm khấu trừ ngay tiền thuế. Đến cuối năm, cá nhân phải có trách nhiệm đến cơ quan thuế để thực hiện quyết toán về tổng số thu nhập phát sinh trong năm, số thuế phát sinh phải nộp cả năm, số thuế đã tạm khấu trừ trong năm và số thuế còn lại phải nộp sau khi quyết toán. *(CV số 531/TCT-TNCN ngày 09/02/2006).*

12. **Phải có mã số thuế mới được thoái trả thuế:** Cá nhân khi quyết toán thuế năm có số thuế thu nhập đã nộp trong năm lớn hơn số thuế phải nộp thì được thoái trả tiền thuế. Trường hợp cá nhân là người lao động tự do có phát sinh thu nhập trong năm và đã được các cơ quan chi trả thu nhập khấu trừ thuế 10% nhưng chưa có mã số thuế thì phải làm thủ tục cấp mã số thuế và lập tờ khai đăng ký thuế sau đó mới được thoái trả thuế TNCN theo quy định. *(CV số 4977/TCT-TNCN ngày 30/12/2005).*

13. **Không phải nộp thuế TNCN đ/v lãi cho vay vốn:** Thành viên góp vốn cho doanh nghiệp vay vốn để kinh doanh chưa phải nộp thuế TNCN đối với khoản lãi cho vay vốn. *(CV số 4717/TCT-PCCS ngày 27/12/2005).*

14. **Kê khai thuế TNCN:** Một người nước ngoài trong năm ký hai hợp đồng làm việc tại hai nơi, có thu nhập ổn định hàng tháng, thì cá nhân lựa chọn kê khai thuế hàng tháng theo biểu thuế lũy tiến từng phần tại nơi có thu nhập nhiều nhất hoặc thuận tiện nhất. Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế hàng tháng, cuối năm tổng hợp số thuế khấu trừ số thuế đã nộp và cấp biên lai thuế thu nhập cho cá nhân nước ngoài để cá nhân đó quyết toán với cơ quan thuế.

Đối với thu nhập phát sinh tại nơi làm việc thứ hai, cơ quan chi trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế 10% và cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập. *(CV số 4691/TCT-TNCN ngày 26/12/2005).*

THUẾ KHÁC, PHÍ VÀ LỆ PHÍ

1. **Lệ phí trước bạ:** Tài sản của tổ chức, cá nhân đã nộp lệ phí trước bạ, sau đó chuyển cho tổ chức, cá nhân khác đăng ký quyền sở hữu, sử dụng thì không phải nộp lệ phí trước bạ khi tổ chức, cá nhân đem tài sản của mình góp vốn vào tổ chức liên doanh, hợp doanh có tư cách pháp nhân, và tổ chức liên doanh, hợp doanh đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản đó; hoặc khi các tổ chức liên doanh, hợp doanh giải thể, phân chia tài sản của mình cho các tổ chức, cá nhân thành viên đăng ký quyền sở hữu, sử dụng. *(CV số 2042/TCT-TS ngày 08/6/2006).*

2. **Quản lý hoạt động kinh doanh ô tô, xe máy:** Thời gian tới, Tổng cục Thuế yêu cầu Cục Thuế các tỉnh kiểm tra chặt chẽ việc kê khai nộp thuế của các cơ sở kinh doanh nhập khẩu và cơ sở kinh doanh lớn. Nội dung kiểm tra xác định cụ thể số lượng, chủng loại xe mua vào, bán ra, hình thức kinh doanh trực tiếp nhập khẩu, bán lẻ hay đại lý hưởng hoa hồng; giá mua vào, bán ra; phương thức bán hàng và lập hoá đơn... để có biện pháp đối chiếu giữa giá bán với giá ghi trên hoá đơn xác thực.

Bên cạnh đó, thường xuyên khảo sát thị trường tối thiểu mỗi tháng 1 lần rà soát, để điều chỉnh kịp thời giá tính lệ phí trước bạ các loại xe ô tô, xe hai bánh gắn máy cho sát thực tế, vừa đảm bảo chống thất thu ngân sách, vừa tránh lạm thu, hạn chế khiếu nại của cơ sở kinh doanh và người nộp lệ phí trước bạ. *(CV số 1851/TCT-DNK ngày 29/5/2006).*

3. **Giá tính thuế tài nguyên:** Loại tài nguyên xác định được sản lượng ở khâu khai thác và có thể bán ra ngay sau khi khai thác, thì giá tính thuế tài nguyên là giá thực tế bán ra tại nơi khai thác trừ thuế doanh thu hoặc chưa bao gồm thuế GTGT phải nộp (nếu có).

Nếu phát sinh chi phí vận chuyển, bốc xếp, lưu kho bãi từ nơi khai thác đến nơi tiêu thụ, thì các chi phí đó được trừ khi xác định giá tính thuế tài nguyên. *(CV số 1734/TCT-PCCS ngày 16/5/2006).*

4. **Mở rộng thí điểm tư kê khai, nộp thuế:** Việc mở rộng thí điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh tự kê khai, nộp thuế nhà đất, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao và thuế môn bài là nội dung của TT số 41/2006/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12/5/2006.

TT hướng dẫn, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện thí điểm cơ chế tự kê khai, tự nộp đối với thuế nhà đất, thuế TNCN và thuế môn bài tiếp tục sử dụng mã số thuế đã được cơ quan thuế cấp, không phải đăng ký lại mã số thuế với cơ quan thuế. **(TT số 41/2006/TT-BTC ngày 12/5/2006).**

5. **Lệ phí trước bạ Đối với tài sản được thừa kế:** Tài sản đã được cấp giấy chứng nhận sở hữu, sử dụng chung của hộ gia đình, khi phân chia tài sản đó cho những người trong hộ gia đình thì người được chia tài sản không phải nộp lệ phí trước bạ.

Đối với giấy chứng nhận sở hữu, sử dụng tài sản chỉ do một người đứng tên thì không phải là tài sản thuộc sở hữu, sử dụng chung của hộ gia đình. Tuy nhiên, để phù hợp với thực tế Việt Nam, nếu chủ tài sản chuyển giao tài sản của mình cho vợ/chồng, cha mẹ, con thì người nhận tài sản không phải nộp lệ phí trước bạ. **(CV số 1695/TCT-TS ngày 11/5/2006).**

6. **Lệ phí trước bạ Đối với đất nhận chuyển nhượng:** Đối với đất nhận chuyển nhượng của các tổ chức, cá nhân không phân biệt kinh doanh hay không kinh doanh, thì giá tính lệ phí trước bạ là giá chuyển nhượng thực tế ghi trên hoá đơn, nhưng không được thấp hơn giá đất do UBND tỉnh qui định áp dụng tại thời điểm trước bạ. **(CV số 1635/TCT-TS ngày 08/5/2006).**

7. **Chuyển nhượng nhà đất:** Trường hợp chuyển nhượng nhà đất của các tổ chức, cá nhân mà không có hoá đơn, thì giá tính lệ phí trước bạ là giá chuyển nhượng thực tế ghi trên hợp đồng chuyển nhượng, có công chứng nhà nước, nhưng không được thấp hơn giá đất do UBND tỉnh qui định tại thời điểm trước bạ. **(CV số 1611/TCT-TS ngày 05/5/2006).**

8. **Lệ phí tên miền:** Theo QĐ số 28/2006/QĐ-BTC ngày 05/5/2006, lệ phí cấp tên miền cấp 2 và cấp 3 là 450.000 đồng/lần; một tên miền tiếng Việt đăng ký kèm theo một tên miền cấp 2 hoặc cấp 3 thì không mất phí cấp phép.

Còn lệ phí thay đổi tham số kỹ thuật tên miền là 180.000 đồng/lần.

Phí duy trì tên miền cấp 2 theo tên hoặc tên mạng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet và tên miền cấp 2 của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, ICP sử dụng để bán thông tin, dịch vụ và ứng dụng trên Internet theo hình thức thành viên, tài khoản là 24 triệu/năm. Ngoài ra, phí duy trì tên miền cấp 2 khác là 600.000 đồng/năm; tên miền cấp 3 là 480.000 đồng/năm. **(QĐ số 28/2006/QĐ-BTC ngày 05/5/2006).**

9. **Sử dụng đất:** Trong quá trình sử dụng đất, khi đơn vị sử dụng đất cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất đã có hoặc để xây dựng nhà xưởng, cơ sở dịch vụ công nghệ cao và sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghệ cao trong khu công nghệ cao; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong khu phi thuế quan và khu công nghiệp, khu giải trí đặc biệt, khu du lịch trung khu thuế quan của khu kinh tế..., thì phải được cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bên cạnh đó, đơn vị cho thuê, cho thuê lại phải nộp thuế thu nhập đối với khoản thu nhập thu được từ hoạt động chuyển quyền thuê đất này. **(CV số 1583/TCT-PCCS ngày 03/5/2006).**

10. **Chuyển nhượng vốn kèm chuyển quyền thuê đất** - Tổ chức, cá nhân đem tài sản của mình góp vốn vào tổ chức liên doanh, hợp doanh có tư cách pháp nhân, và tổ chức liên doanh, hợp doanh đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản đó; hoặc khi tổ chức liên doanh, hợp doanh giải thể, phân chia tài sản của mình cho các tổ chức, cá nhân thành viên đăng ký quyền sở hữu, sử dụng thì không phải nộp lệ phí trước bạ.

Đối với trường hợp chuyển quyền sử dụng đất của các doanh nghiệp đi thuê đất, nay thay đổi chủ đầu tư, nếu đăng ký lại quyền sử dụng đất thì phải nộp lệ phí trước bạ. **(CV số 1580/TCT-ĐTN ngày 03/5/2006).**

11. **Thuế nhà thầu nước ngoài:** Nhà thầu nước ngoài cung cấp hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tại Việt Nam phải thực hiện nộp thuế theo qui định của Bộ Tài chính.

Trường hợp, tại hợp đồng ký với nhà thầu nước ngoài, doanh nghiệp Việt Nam thỏa thuận chịu thuế thay cho nhà thầu nước ngoài, thì doanh nghiệp đó phải kê khai và nộp thuế đối với số thuế phải nộp của nhà thầu nước ngoài. **(CV số 1556/TCT-ĐTN ngày 27/4/2006).**

12. **Lệ phí trước bạ doanh nghiệp cổ phần hoá:** Một Công ty nhà nước được nhà nước cho thuê đất, chỉ có hợp đồng thuê đất mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê, nay thực hiện cổ phần hoá thành Công ty Cổ phần, thì doanh nghiệp sau cổ phần hoá không phải nộp lệ phí trước bạ đối với diện tích đất thuê theo hợp đồng mà Công ty nhà nước đã ký trước đây khi đăng ký quyền sử dụng đất thuê. **(CV số 1511/TCT-TS ngày 24/4/2006).**

13. **Lệ phí trước bạ:** Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo hoặc không theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, có các tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ - nhà ở, nhà làm việc, nhà xưởng, nhà kho, cửa hàng... thì phải nộp lệ phí trước bạ trước khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan có thẩm quyền. **(CV số 1345/TCT-TS ngày 13/4/2006).**

14. **Đối tượng nộp thuế môn bài:** Thuế môn bài là một khoản thu có tính chất lệ phí thu hàng năm đối với các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế. Tất cả tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh đều thuộc đối tượng nộp thuế môn bài. Do đó, các cơ sở kinh doanh được thành lập, chia, tách, sáp

nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu... đều là đối tượng nộp thuế môn bài. *(CV số 1339/TCT-PCCS ngày 12/4/2006).*

15. **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Cơ sở sản xuất có hàng hoá chịu thuế TTĐB bán ra nhưng bị trả lại do kém chất lượng, trong quá trình bảo quản tiêu thụ được thì đơn vị bán và đơn vị mua phải làm thủ tục như trả hàng đối với hàng hoá chịu thuế GTGT.

Trường hợp hàng hoá trả lại hoàn toàn và tiêu huỷ, thì đơn vị phải liên hệ với cơ quan chức năng để được hướng dẫn đầy đủ các thủ tục và trình tự tiêu huỷ hàng hoá. Đối với hàng hoá đã được tiêu huỷ phải xác định rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan để xử lý về giá trị hàng hoá bị thiệt hại theo chế độ - Phần giá trị hàng hoá bị tổn thất trong tỷ lệ % cho phép hoặc do nguyên nhân khách quan được hạch toán vào chi phí, số tiền thuế TTĐB đã nộp của lô hàng tiêu huỷ được kê khai giảm trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tính thuế tiếp sau. *(CV số 1251/TCT-DNK ngày 07/4/2006).*

16. **Xác định tỷ lệ % chất lượng còn lại:** Căn cứ theo qui định của Bộ Tài chính về tỷ lệ % giá trị còn lại của tài sản kê khai lệ phí trước bạ từ lần thứ 2 trở đi là 85% cho tài sản có thời gian sử dụng từ 01-03 năm phải được hiểu là các tài sản đã qua sử dụng trong vòng 03 năm; kê khai lệ phí trước bạ lần 2 thì xác định bằng 85% tài sản mới cùng loại trên thị trường tại thời điểm trước bạ.

Vì vậy, đối với ô tô, xe máy mới 100%, sau khi đăng ký được chuyển nhượng ngay trong năm thì khi đăng ký lại chỉ phải nộp lệ phí trước bạ theo mức 85%. *(CV số 1230/TCT-TS ngày 06/4/2006).*

17. **Lệ phí trước bạ:** Bộ Tài chính đã qui định, một trong những điều kiện để được nộp lệ phí trước bạ 2% đối với xe ô tô chở người từ 07 chỗ trở xuống, chủ sở hữu tài sản phải có Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh vận chuyển hành khách.

Trong một trường hợp, nếu tại thời điểm kê khai, nộp lệ phí trước bạ xe, chủ tài sản không có căn cứ chứng minh đã đủ điều kiện kinh doanh vận tải hành khách thì sẽ phải nộp lệ phí trước bạ theo mức 5%. *(CV số 1187/TCT-TS ngày 03/4/2006).*

18. **Biên lai phí, lệ phí:** Các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ tổ chức thu các loại phí, lệ phí có nhiều mức thu khác nhau - có mức thu trên dưới 500.000 đồng, thì được sử dụng đồng thời Biên lai thu phí, lệ phí có mệnh giá và Biên lai thu phí, lệ phí không có mệnh giá theo mẫu của Bộ Tài chính. *(CV số 1102/TCT-PCCS ngày 29/3/2006).*

19. **Phí hợp đồng chuyển giao công nghệ:** Tại QĐ số 18/2006/QĐ-BTC, ngày 28/3/2006, Bộ Tài chính qui định, mức phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của Hợp đồng, nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 triệu đồng. Đối với các Hợp đồng chuyển giao công nghệ xin sửa đổi, bổ sung thì, phí thẩm định Hợp đồng được tính theo tỷ lệ 0,1% tổng giá trị của Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, nhưng tối đa không quá 05 triệu đồng và tối thiểu không dưới 02 triệu đồng. *(QĐ số 18/2006/QĐ-BTC ngày 28/3/2006).*

20. **Thuế Môn bài hộ kinh doanh vận tải:** Đối với hộ kinh doanh ngành vận tải, mức thuế Môn bài cụ thể phải nộp theo từng bậc thuế được xác định căn cứ vào mức thu nhập 01 tháng của hộ kinh doanh vận tải đạt được, mà không căn cứ vào hộ kinh doanh đó có nhiều hay ít phương tiện. Gồm có 06 mức thuế - từ 50.000 đồng đến 100.000, 300.000, 500.000, 750.000, và 01 triệu đồng, ứng với mức thu nhập 01 tháng từ 300.000 đồng đến trên 1,5 triệu đồng. *(CV số 1087/TCT-DNK ngày 28/3/2006).*

21. **Miễn phí, lệ phí:** Hướng dẫn QĐ của Chính phủ, Bộ Tài chính nêu rõ, khi ND số 24/2006/NĐ-CP_06/3/2006 có hiệu lực thì việc cấp Giấy chứng nhận ĐKKD đối với doanh nghiệp cổ phần hoá khi chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần sẽ miễn lệ phí; miễn lệ phí cấp Giấy phép nhập khẩu đối với một số thuốc chưa có số đăng ký dùng phòng chống dịch bệnh, thuốc viện trợ, thuốc thử lâm sàng, thuốc trưng bày triển lãm/hội chợ, nguyên liệu nhập khẩu làm thuốc,...; miễn phí sử dụng cầu, đường bộ quốc lộ đối với xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe hai bánh gắn máy, xe ba bánh gắn máy,... *(CV số 3705/BTC-CST ngày 22/3/2006).*

22. **Phí khai thác khoáng sản:** Hoạt động khai thác khoáng sản - Cát, thuộc đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

Phí bảo vệ môi trường doanh nghiệp đã thực nộp vào NSNN là một trong những yếu tố cấu thành nên giá bán, được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh hợp lý được trừ để tính thu nhập chịu thuế TNDN.

Doanh nghiệp khai thác khi bán khoáng sản phải sử dụng hoá đơn bán hàng theo qui định và không được ghi phí bảo vệ môi trường thành một dòng riêng trên hoá đơn. *(CV số 1058/TCT-TS ngày 24/3/2006).*

23. **Kê khai nộp phí xăng dầu:** Các Tổng công ty, Công ty trực tiếp nhập khẩu, sản xuất, chế biến xăng dầu thực hiện kê khai, nộp phí xăng dầu tại địa phương nơi Tổng công ty, Công ty đóng trụ sở chính đối với lượng xăng dầu trực tiếp xuất, bán - gồm cả xuất để tiêu dùng nội bộ, xuất để trao đổi sản phẩm hàng hoá khác, xuất trả hàng nhập khẩu uỷ thác; bán cho tổ chức, cá nhân khác ngoài hệ thống Tổng công ty, Công ty. *(CV số 1057/TCT-TS ngày 24/3/2006).*

24. **Thuế nhà thầu nước ngoài:** Nếu nhà thầu nước ngoài thực hiện chế độ kế toán Việt Nam sẽ kê khai nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kê khai và nộp thuế TNDN theo qui định của Luật thuế TNDN;

Trường hợp nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam thì Bên Việt Nam ký kết hợp đồng sẽ xác định số thuế GTGT, thuế TNDN phải nộp, thực hiện khấu trừ số tiền thuế phải nộp trước khi thanh toán cho nhà thầu nước ngoài và nộp vào NSNN trong phạm vi 15 ngày kể từ ngày thực hiện thanh toán tiền. **(CV số 823/TCT-ĐTNN ngày 08/3/2006).**

25. **Pháp lệnh phí và lệ phí:** Nội dung sửa đổi, bổ sung của pháp lệnh này đã được Thủ tướng Chính phủ ký tại ND số 24/2006/ND-CP ngày 06/3/2006.

ND quy định miễn phí, giảm phí sử dụng cầu, đường bộ, đò, phà đối với xe cứu thương, các loại xe khác chở người bị nạn đến nơi cấp cứu, xe cứu hỏa, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp, xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão, xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng an ninh, xe tang... Đặc biệt, ở những nơi chưa giải quyết được ùn tắc giao thông thì tạm thời chưa thu phí sử dụng cầu, đường đối với xe mô tô hai bánh/ba bánh, xe hai bánh gắn máy. Miễn phí sử dụng cầu, đường bộ quốc lộ đối với xe mô tô hai bánh/ba bánh, xe hai bánh/ba bánh gắn máy.

Bên cạnh đó, ND quy định giảm phí sử dụng cầu, đường bộ, đò, phà đối với vé tháng, vé quý; miễn hoặc giảm một phần học phí đối với một số đối tượng; và miễn phí giới thiệu việc làm trong một số trường hợp nhất định...**(ND số 24/2006/ND-CP ngày 06/3/2006).**

26. **Lệ phí trước bạ đ/v ô tô:** Bộ Tài chính qui định, xe ô tô từ 07 chỗ ngồi trở xuống, đăng ký tại địa bàn qui định mức thu 5%, đã nộp lệ phí trước bạ lần đầu theo mức 2% do có ngành nghề vận chuyển hành khách, sau đó bán lại cho tổ chức, cá nhân khác không có chức năng vận chuyển hành khách ở cùng địa bàn qui định mức thu lệ phí trước bạ lần đầu 5% thì tổ chức, cá nhân đó phải kê khai nộp lệ phí trước bạ theo mức 5%. **(CV số 777/TCT-TS ngày 06/3/2006).**

27. **Lệ phí trước bạ:** Tài sản là hàng hoá được phép kinh doanh của tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động kinh doanh mà không đăng ký quyền sở hữu, sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thuộc đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ. **(CV số 713/TCT-TS ngày 24/02/2006).**

28. **Thuế chuyển quyền sử dụng đất:** Đối với tổ chức, cá nhân góp vốn bằng quyền sử dụng đất để tham gia sản xuất kinh doanh với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, phát sinh từ ngày 01/01/2004 trở đi thì, (i) đối với cá nhân và tổ chức không kinh doanh sẽ thực hiện nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất theo qui định; (ii) đối với tổ chức kinh doanh thì thuộc diện không chịu thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất và cũng không thuộc diện chịu thuế chuyển quyền sử dụng đất. Nếu Cục Thuế đã thu thuế chuyển quyền sử dụng đất đối với các trường hợp góp vốn của tổ chức kinh doanh thì sẽ phải thực hiện hoàn trả theo luật định. **(CV số 695/TCT-PCCS ngày 23/02/2006).**

29. **Thuế hoạt động người nước ngoài thuê nhà:** Trong Quy chế cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam đã qui định, giá cho thuê nhà do hai bên thỏa thuận. Các khoản trích nộp vào NSNN theo nghĩa vụ của bên cho thuê nhà phải căn cứ vào giá ghi trong hợp đồng thuê nhà, nhưng không được thấp hơn mức giá tính thuế áp dụng tại địa phương đã được qui định.

Trường hợp giá cho thuê nhà tại địa phương có biến động ở mức trên dưới 10%, thì chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sẽ có trách nhiệm điều chỉnh lại giá tính thuế cho phù hợp. **(CV số 676/TCT-DNK ngày 22/02/2006).**

30. **Thuế Môn bài:** Các cơ sở kinh doanh là chi nhánh hạch toán phụ thuộc hoặc báo sổ, các tổ chức kinh tế khác... không có Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh hoặc có nhưng không có vốn đăng ký, thì thống nhất thu thuế Môn bài theo mức 1.000.000 đồng/năm. **(CV số 655/TCT-DNNN ngày 21/02/2006).**

31. **Giá tính lệ phí trước bạ:** Đối với các loại tài sản là ô tô, xe gắn máy đã qua sử dụng, đã chuyển nhượng nhiều lần, thì khi xác định thời gian sử dụng để tính lệ phí trước bạ phải nộp – theo qui định, thời gian sử dụng được xác định từ năm sản xuất, hoặc năm nhập khẩu đến năm kê khai lệ phí trước bạ, mà nếu hồ sơ kê khai không đủ căn cứ để xác định thì cơ quan thuế phải căn cứ vào kiểu dáng xe, nước sản xuất, số khung, số máy để xác định chỉ tiêu này. **(CV số 163/TCT-TS ngày 12/01/2005).**

32. **Thuế nhà thầu đ/v hợp đồng cung cấp dây chuyền thiết bị trước ngày 16/02/2005:** Trường hợp ký hợp đồng nhà thầu cung cấp dây chuyền thiết bị trước ngày 16/02/2005 mà hợp đồng đó bao gồm cả giá trị máy móc, thiết bị, vận chuyển, giám sát, lắp đặt, v.v.. thì nhà thầu nước ngoài phải nộp thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại; nếu tách riêng thì nộp thuế theo từng hoạt động tương ứng (thương mại, giám sát, lắp đặt, vận tải, v.v..). **(CV số 4976/TCT-ĐTNN ngày 30/12/2005).**

XUẤT- NHẬP KHẨU

1. **Miễn thuế nhập khẩu:** Hàng hoá nhập khẩu để tạo TSCĐ của dự án khuyến khích đầu tư được miễn thuế nhập khẩu khi đó là: thiết bị, máy móc; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ được Bộ KHCN xác nhận; phương tiện vận chuyển đưa đón công nhân gồm xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên và phương tiện thủy; linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng gá lắp, khuôn mẫu, phụ tùng đi kèm để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với thiết bị máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng qui định tại điểm (i), (ii). **(CV số 2717/TCHQ-KTTT ngày 20/6/2006).**

2. **Thủ tục hải quan:** Đ/v hàng phi mậu dịch - Bộ Tài chính đã có văn bản hướng dẫn về thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại – hàng phi mậu dịch, tuy nhiên, việc kiểm tra hải quan và thông quan hàng hoá chưa được hướng dẫn cụ thể.

Vì vậy, tại CV số 2714/TCHQ-GSQL ngày 20/6/2006, Tổng cục Hải quan hướng dẫn tạm thời các Cục Hải quan địa phương về người khai hải quan, hồ sơ hải quan và về thủ tục hải quan. Một trong các nội dung đó là về xác nhận thực xuất, thì, hàng hoá xuất khẩu phi mậu dịch phải khai hải quan trên tờ khai hàng hoá xuất khẩu/nhập khẩu phi mậu dịch; trên tờ khai không có tiêu chí xác nhận thực xuất. Do vậy, sau khi thông quan hàng hoá, công chức không phải xác nhận thực xuất trên Tờ khai, hồ sơ được luân chuyển tiếp theo qui định. **(CV số 2714/TCHQ-GSQL ngày 20/6/2006).**

Về thời gian thông quan - Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn thi hành không qui định thời gian thông quan tối đa đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu, mà chỉ qui định thời hạn công chức hải quan hoàn thành kiểm tra thực tế hàng hoá. Cụ thể là, chậm nhất 8 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hoá theo xác suất; chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hoá.

Về khai báo hải quan, kiểm tra hải quan được Hải quan áp dụng chế độ làm việc hành chính – 6 ngày làm việc/tuần. Trường hợp doanh nghiệp có nguyện vọng kiểm tra hải quan ngoài giờ hành chính thì phải báo cho Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp làm thủ tục trước 01 ngày làm việc. **(CV số 2626/TCHQ-GSQL ngày 15/6/2006).**

3. **Nhập khẩu thuốc lá, xì gà:** Theo ND số 12/2006/ND-CP_23/01/2006 qui định thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài, Chính phủ qui định, mặt hàng thuốc lá điều và xì gà không thuộc danh mục hàng hoá cấm nhập khẩu, việc nhập khẩu thực hiện theo qui định riêng. Chính phủ giao Bộ Thương mại chủ trì cùng Bộ Công nghiệp qui định cụ thể việc nhập khẩu mặt hàng này trên cơ sở các qui định của pháp luật hiện hành về sản xuất, kinh doanh và sử dụng thuốc lá điều các loại và cam kết quốc tế. Tuy nhiên, vào trung tuần tháng 4/2006, Văn phòng Chính phủ ra một CV mà trong đó Thủ tướng đã đồng ý lùi thời hạn ban hành TT hướng dẫn việc nhập khẩu thuốc lá điều và xì gà đến khi Việt Nam có cam kết chính thức cuối cùng được các nước chấp thuận trong đàm phán gia nhập WTO.

Chính vì vậy, việc nhập khẩu thuốc lá điều theo ND trên chỉ được phép thực hiện sau khi có TT hướng dẫn của liên Bộ Thương mại và Bộ Công nghiệp. **(CV số 3743/TM-XNK ngày 16/6/2006).**

4. **Thuế suất 0% đ/v hàng hoá xuất xứ từ Lào:** Ngày 06/6/2006, Bộ Thương mại ban hành QĐ số 22/2006/QĐ-BTM sửa đổi, bổ sung việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan đối với hàng hoá có xuất xứ từ Lào với thuế suất thuế nhập khẩu 0%.

Theo đó, thương nhân có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng gạo, lá và cộng thuốc lá, phụ kiện xe máy có xuất xứ từ Lào được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan bằng 0%. Riêng đối với lá và cộng thuốc lá, chỉ những doanh nghiệp có thông báo kế hoạch nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá năm 2006 của Bộ Công nghiệp mới được nhập khẩu.

QĐ này bãi bỏ Phụ lục số II kèm theo QĐ số 07/2006/QĐ-BTM_26/01/2006 về Danh sách các doanh nghiệp được Bộ Thương mại Lào chỉ định xuất khẩu các mặt hàng theo hạn ngạch thuế quan sang Việt Nam năm 2006. **(QĐ số 22/2006/QĐ-BTM ngày 06/6/2006).**

5. **Thủ tục chuyển cửa khẩu:** Hàng hoá nhập khẩu của nhiều chủ hàng có chung một vận tải đơn được đưa về địa điểm kiểm tra thực tế hàng hoá ở nội địa.

Theo đó, nếu trên vận tải đơn của lô hàng nhập khẩu thể hiện người nhận hàng gồm nhiều chủ hàng, thì doanh nghiệp được áp dụng thủ tục chuyển cửa khẩu, với điều kiện vận tải đơn hợp lệ và do người vận chuyển phát hành. **(CV số 2532/TCHQ-GSQL ngày 12/6/2006).**

6. **Niêm phong hàng nhập khẩu:** Cơ quan Hải quan chỉ thực hiện niêm phong đối với hàng hoá nhập khẩu chuyển cửa khẩu từ cửa khẩu nhập về địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu, địa điểm kiểm tra hàng hoá ở nội địa để làm tiếp thủ tục hải quan.

Đối với những lô hàng nhập khẩu do Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập thực hiện kiểm tra thực tế hàng hoá theo QĐ của Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu (kiểm hoá hộ), thì không thực hiện việc niêm phong hải quan vì lô hàng nhập khẩu đã được kiểm tra thực tế hàng hoá và thông quan. **(CV số 2518/TCHQ-GSQL ngày 09/6/2006).**

7. **Không tính phạt chậm nộp:** Các hàng hoá xuất nhập khẩu sẽ không bị tính phạt chậm nộp thuế nếu số thuế phải nộp ở khâu xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện ghi thu – chi qua Ngân sách, hoặc Ngân sách cấp tiền để nộp thuế. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải xuất trình cho cơ quan hải quan giấy báo có và lệnh thu ngân sách, hoặc giấy xác nhận cấp kinh phí để nộp tiền thuế đối với hàng hoá ở khâu xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ Tài chính ban hành. **(CV số 2397/TCHQ-KTTT ngày 02/6/2006).**

8. **Sửa đổi, bổ sung qui định về xuất xứ hàng hoá:** Bộ Thương mại ban hành TT số 10/2006/TT-BTM ngày 01/6/2006, sửa đổi, bổ sung khoản 4, phần II của TT số 08/2006/TT-BTM_17/4/2006. Trong đó có nội dung,

hàng hoá sản xuất ra không thuộc Phụ lục ban hành kèm theo TT số 08/2006/TT-BTM và TT này chỉ áp dụng tiêu chí "Chuyển đổi mã số hàng hoá".

Trường hợp hàng hoá sản xuất ra có mã số HS trùng với mã số HS của nguyên liệu không có xuất xứ thì hàng hoá vẫn được công nhận có xuất xứ của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi thực hiện qui trình sản xuất cuối cùng làm thay đổi cơ bản hàng hoá này với điều kiện là tỷ lệ giữa phần giá trị nguyên liệu không có xuất xứ bị trùng mã số HS nói trên và giá trị hàng hoá xuất khẩu không vượt quá 15%. *(TT số 10/2006/TT-BTM ngày 01/6/2006).*

9. **Đăng ký hoạt động chuyển nhượng quyền thương mại:** Đó là nội dung mà Bộ Thương mại hướng dẫn qua TT số 09/2006/TT-BTM ra ngày 25/5/2006.

Theo đó, các doanh nghiệp thực hiện hoạt động nhượng quyền thương mại với các đối tác nước ngoài và ngược lại sẽ tiến hành thủ tục đăng ký trực tiếp với Vụ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ Thương mại). Đối với hoạt động nhượng quyền thương mại trong nước, các doanh nghiệp sẽ đăng ký với các Sở Thương mại hoặc Sở Thương mại và Du lịch tại địa phương mà doanh nghiệp dự kiến thực hiện nhượng quyền thương mại.

Trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương cấp phép thành lập sẽ đăng ký hoạt động nhượng quyền tại Sở Thương mại, hoặc Sở Thương mại và Du lịch nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. *(TT số 09/2006/TT-BTM ngày 25/5/2006).*

10. **Nhập khẩu xe ô tô cũ:** Cấm nhập - Xe ô tô các loại đã qua sử dụng có năm sản xuất trước năm 2001 thuộc mặt hàng không được nhập khẩu, được hiểu là cấm nhập khẩu. Doanh nghiệp chỉ được tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu khi có giấy phép của Bộ Thương mại và được gửi kho ngoại quan khi có văn bản cho phép của Thủ tướng Chính phủ. *(CV số 2381/TCHQ-GSQL ngày 01/6/2006).*

Qui định về nhập khẩu xe ô tô cũ: Đối với xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu, phải tuân thủ các nguyên tắc kiểm tra, xác định giá tính thuế mà Chính phủ, Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan đã quan hành.

Việc kiểm tra trị giá khai báo, tham vấn, xác định giá tính thuế và thông báo kết quả xác định giá được thực hiện tại Chi cục ngay sau khi doanh nghiệp đăng ký mở tờ khai. Riêng Cục Hải quan Tp Hồ Chí Minh, Cục Hải quan Tp Hải Phòng thì chuyển hồ sơ về phòng giá ngay sau khi doanh nghiệp đăng ký mở tờ khai để tổ chức tham vấn. Trường hợp kết quả kiểm tra chất lượng có sự khác biệt so với hồ sơ khai báo ban đầu thì điều chỉnh lại giá tính thuế cho phù hợp.

Cục Hải quan các tỉnh, thành phố nơi có địa điểm làm thủ tục nhập khẩu đối với xe ô tô dưới 16 chỗ đã qua sử dụng phải tổ chức kiểm tra, hướng dẫn và chỉ đạo thống nhất việc áp giá tính thuế giữa các Chi cục trực thuộc Cục, để tránh xảy ra tình trạng mức giá áp dụng chênh lệch giữa các cửa khẩu. *(CV số 2355/TCHQ-KTTT ngày 01/6/2006).*

11. **Hoàn thuế nhập khẩu:** Hàng hoá nhập khẩu vào thị trường nội địa, sau đó xuất khẩu vào khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất có tờ khai đăng ký trước ngày 01/01/2006 thì được hoàn thuế nhập khẩu nếu đã nộp hoặc không thu thuế nhập khẩu nếu chưa nộp. *(CV số 2336/TCHQ-KTTT ngày 31/5/2006).*

12. **Thuế nhập khẩu hàng nhập khẩu ưu đãi đầu tư:** Đối với các dự án khuyến khích đầu tư đã được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư có mức ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cao hơn mức ưu đãi qui định tại ND số 149/2005/NĐ-CP_08/12/2005 thì tiếp tục thực hiện mức ưu đãi cho thời gian còn lại;

Trường hợp trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư qui định mức ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thấp hơn mức ưu đãi qui định tại ND số 149/2005/NĐ-CP_08/12/2005 thì được hưởng mức ưu đãi theo qui định của ND này cho thời gian ưu đãi còn lại. *(CV số 2300/TCHQ-KTTT ngày 26/5/2006).*

13. **Xác định giá tính thuế:** Trị giá tính thuế của hàng hoá nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, và được xác định bằng tổng số tiền người mua thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán trực tiếp hoặc gián tiếp cho người bán để người mua hàng hoá nhập khẩu. *(CV số 2277/TCHQ-KTTT ngày 26/5/2006).*

14. **Quy trình quản lý nguyên vật liệu nhập khẩu:** Ngày 25/5/2006, Tổng cục Hải quan ban hành QĐ số 929/QĐ-TCHQ về Quy trình nghiệp vụ quản lý đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu (NSXXK).

Quy trình này vừa sử dụng để quản lý, thanh khoản loại hình NSXXK bằng hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, vừa sử dụng để quản lý, thanh khoản loại hình này bằng phương pháp thủ công. Tuy nhiên, đối với những Chi cục Hải quan đã cài đặt hệ thống ứng dụng CNTT để quản lý loại hình NSXXK của Tổng cục Hải quan thì, việc quản lý, thanh khoản đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu nhất thiết phải sử dụng hệ thống ứng dụng CNTT ngày. Những Chi cục Hải quan nào chưa cài đặt được hệ thống này thì mới quản lý, thanh khoản loại hình này bằng phương pháp thủ công.

Quy trình nghiệp vụ quản lý đối với NSXXK này có hiệu lực từ ngày 01/6/2006. *(QĐ số 929/QĐ-TCHQ ngày 25/5/2006).*

15. **Quy trình thủ tục hải quan đ/v hàng hoá XNK**

Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ - Từ ngày 01/6/2006, Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ sẽ có hiệu lực theo qui định tại QĐ số 928/QĐ-TCHQ ngày 25/5/2006.

Quy trình gồm 03 bước: Doanh nghiệp xuất khẩu khai hải quan; Làm thủ tục nhập khẩu tại chỗ; và bước cuối cùng là Làm thủ tục nhập khẩu tại chỗ. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ áp dụng trong Quy trình tại QĐ này là hàng hoá do thương nhân Việt Nam xuất khẩu cho thương nhân nước ngoài nhưng theo chỉ định của thương nhân nước ngoài hàng hoá đó được giao tại Việt Nam cho thương nhân Việt Nam khác.

Hàng hoá được làm thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ theo Quy trình này gồm hàng hoá do doanh nghiệp xuất khẩu sản xuất bán cho thương nhân nước ngoài nhưng giao hàng cho doanh nghiệp khác tại Việt Nam để làm nguyên liệu sản xuất hàng hoá xuất khẩu; hàng hoá được làm thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ của doanh nghiệp có vốn ĐTNN theo hướng dẫn của Bộ Thương mại; sản phẩm gia công được nhập khẩu tại chỗ để làm nguyên liệu sản xuất;...(QĐ số 928/QĐ-TCHQ ngày 25/5/2006).

16. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu: Cùng ngày 25/5/2006, Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu cũng đã được Tổng cục Hải quan thông qua tại QĐ số 927/QĐ-TCHQ. Và kể từ ngày 01/6/2006, Quy trình này cũng bắt đầu có hiệu lực.

Quy trình này chỉ qui định việc trao đổi thông tin, bàn giao nhiệm vụ giám sát và một số trường hợp phải kiểm tra thực tế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu giữa các Chi cục Hải quan. Các Chi cục Hải quan làm thủ tục cho hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu phải bố trí công chức chuyên trách hoặc kiêm nhiệm theo dõi, tiếp nhận, bàn giao nhiệm vụ giám sát với đơn vị khác.

Khi làm thủ tục hải quan cho hàng hoá chuyển cửa khẩu, Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất khẩu/nhập phải lập hồ sơ theo dõi hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu để kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Sổ được lập trên máy vi tính, có thể in ra để lưu hoặc lưu trên máy tính. Sổ phải có các tiêu chí về STT; số, ký hiệu, ngày tờ khai; tên, địa chỉ doanh nghiệp; đơn vị Hải quan làm thủ tục; số ký hiệu container; mặt hàng...(QĐ số 927/QĐ-TCHQ ngày 25/5/2006).

17. Thuế nhập khẩu ô tô cũ: Xe ô tô đã qua sử dụng có năm sản xuất tính đến thời điểm nhập khẩu không quá 05 năm thì được phép nhập khẩu.

Xe ô tô tải thùng kín, có kiểu dáng như xe du lịch 12 chỗ ngồi, có tải trọng là 1.000 kg và 03 chỗ ngồi phải nộp thuế nhập khẩu, thuế TTĐB và thuế GTGT tại khâu nhập khẩu theo các biểu thuế có hiệu lực tại thời điểm mở tờ khai. (CV số 2261/TCHQ-KTTT ngày 25/5/2006).

18. Không tính phạt chậm nộp: Doanh nghiệp có hàng hoá xuất nhập khẩu, nhưng số thuế phải nộp ở khâu xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện ghi thu – chi qua Ngân sách hoặc Ngân sách cấp tiền để nộp thuế, thì không tính phạt chậm nộp thuế. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải xuất trình cho cơ quan Hải quan giấy báo có và lện thu Ngân sách, hoặc giấy xác nhận cấp kinh phí để nộp tiền thuế đối với hàng hoá ở khâu xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ Tài chính phát hành. (CV số 2230/TCHQ-KTTT ngày 24/5/2006).

19. Xuất nhập khẩu thuốc và mỹ phẩm: Bộ Y tế đã ban hành TT số 06/2006/TT-BYT ngày 16/5/2006, để hướng dẫn về vấn đề này.

TT số 06/2006/TT-BYT áp dụng đối với các thương nhân Việt Nam; các tổ chức, cá nhân khác hoạt động có liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu thuốc và mỹ phẩm.

TT qui định, thuốc thành phẩm nhập khẩu phải có hạn dùng còn lại kể từ ngày đến cảng tối thiểu là 18 tháng. Đối với thuốc có hạn dùng bằng hoặc dưới 24 tháng thì hạn dùng còn lại kể từ ngày đến cảng Việt Nam tối thiểu phải là 12 tháng; Nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất thuốc phải còn hạn dùng trên 03 năm kể từ ngày đến cảng Việt Nam. Đối với nguyên liệu có hạn dùng 03 năm hoặc dưới 03 năm, thì ngày về đến cảng không được quá 06 tháng kể từ ngày sản xuất (-qui định này không áp dụng đối với dược liệu).

Thuốc nhập phải được kê khai đầy đủ giá nhập khẩu, giá bán buôn, bán lẻ dự kiến cho đơn vị đóng gói nhỏ nhất. Hàng tháng doanh nghiệp nhập khẩu phải báo cáo tình hình xuất, nhập khẩu thuốc của tháng trước. Doanh nghiệp vi phạm quy định về xuất nhập khẩu thuốc, mỹ phẩm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính, ngừng cấp giấy phép xuất nhập khẩu 6 - 12 tháng hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật có liên quan.

TT cũng nêu rõ, doanh nghiệp nhập khẩu thuốc chưa có số đăng ký nhập khẩu, nhập khẩu theo hình thức bán buôn, bán lẻ đối với từng mặt hàng phải gửi kèm đơn hàng nhập khẩu. Trong đó, phải kê khai giá của các thuốc nhập khẩu gồm: giá nhập khẩu đến Việt Nam (giá CIF, chưa bao gồm thuế nhập khẩu), giá bán buôn tại Việt Nam, dự kiến giá bán lẻ tại Việt Nam. Đồng thời, giá thuốc phải được kê khai theo tiền Việt Nam cho đơn vị đóng gói nhỏ nhất...(TT số 06/2006/TT-BYT ngày 16/5/2006).

20. Xử lý hàng hoá lưu giữ tại cảng biển: Việc xử lý hàng hoá do người vận chuyển lưu giữ tại cảng biển Việt Nam được Chính phủ qui định tại ND số 46/2006/NĐ-CP ngày 16/5/2006.

Theo ND, hàng hoá sẽ bị lưu giữ khi người nhận không đến nhận; người nhận từ chối nhận hàng; người nhận hàng trì hoãn việc nhận hàng; nhiều người cùng xuất trình vận đơn gốc, giấy gửi hàng hoặc chứng từ vận chuyển hàng hoá tương đương có giá trị để nhận hàng;...

Khi đó, người lưu giữ có quyền bán đấu giá hàng hoá bị lưu giữ sau 60 ngày kể từ ngày tàu biển đến cảng trả hàng, nếu những người có lợi ích liên quan không có những đảm bảo cần thiết để nhận hàng. (ND số 46/2006/NĐ-CP ngày 16/5/2006).

21. **Quy trình thủ tục hải quan:** Tại QĐ số 874/QĐ-TCHQ ngày 15/5/2006, Tổng cục Hải quan ban hành qui trình thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại cùng các biểu mẫu - Phiếu yêu cầu nghiệp vụ; Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra hải quan; Phiếu tiếp nhận, bàn giao hồ sơ hải quan;...

Quy trình thủ tục hải quan đầy đủ để thông quan hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại gồm 5 bước cơ bản: (1) tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, đăng ký Tờ khai, QĐ hình thức, mức độ kiểm tra; (2) kiểm tra chi tiết hồ sơ, giá, thuế; (3) kiểm tra thực tế hàng hoá; (4) thu lệ phí hải quan, đóng dấu “đã làm thủ tục hải quan” và trả tờ khai cho người khai hải quan; (5) phúc tập hồ sơ.

Đối với từng lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu cụ thể, tùy theo hình thức, mức độ kiểm tra do Lãnh đạo Chi cục QĐ mà qui trình thủ tục hải quan có thể trải qua đủ cả 05 bước, hoặc chỉ trải qua một số bước. Riêng đối với hàng xuất khẩu của chủ hàng chấp hành tốt pháp luật, và mặt hàng được miễn kiểm tra thực tế theo qui định của Luật Hải quan, thì thực hiện các bước của qui trình theo chế độ ưu tiên và đơn giản hoá thủ tục hải quan. *(QĐ số 874/QĐ-TCHQ ngày 15/5/2006).*

22. **Thời hạn nộp thuế** - Doanh nghiệp được áp dụng thời gian ân hạn thuế khi đối tượng nộp thuế chấp hành tốt pháp luật về hải quan, là người có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu trong thời gian 365 ngày tính đến ngày làm thủ tục hải quan cho lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu, được cơ quan Hải quan xác định là không bị pháp luật xử lý về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới; không quá 02 lần bị xử lý vi phạm hành chính về hải quan với mức phạt vượt thẩm quyền của Chi cục trưởng Hải quan; không trốn thuế; không nợ thuế quá 90 ngày; và thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. *(CV số 2098/TCHQ-KTTT ngày 15/5/2006).*

23. **Hồ sơ hải quan làm thủ tục nhập khẩu:** Theo Bộ Tài chính, khi làm thủ tục nhập khẩu bộ linh kiện ô tô dạng CKD để sản xuất, lắp ráp, doanh nghiệp phải nộp thêm 01 bản sao, xuất trình bản chính văn bản xác nhận doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn sản xuất, lắp ráp ô tô của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, không phải nộp văn bản xác nhận của Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam về nhãn hiệu của ô tô đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam và hợp đồng li-xăng nhãn hiệu của xe.

Tuy nhiên, các giấy tờ trên doanh nghiệp phải xuất trình với UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước khi UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra văn bản xác nhận doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn sản xuất, lắp ráp ô tô. *(CV số 2007/TCHQ-GSQL ngày 10/5/2006).*

24. **Nộp thuế truy thu xe máy năm 2001:** Căn cứ theo số nợ thuế truy thu linh kiện xe hai bánh gắn máy nhập khẩu theo chính sách thuế theo tỷ lệ nội địa hoá năm 2001 (số thuế truy thu thực tế còn nợ), doanh nghiệp lập kế hoạch nộp thuế truy thu với Cục Hải quan, nơi doanh nghiệp nợ thuế truy thu theo từng tháng trong năm 2006. Nộp thuế đảm bảo tổng số tiền thuế truy thu đăng ký trả nợ năm 2006 ít nhất bằng 25% số thuế truy thu còn nợ. Kế hoạch đăng ký nộp thuế truy thu được lập thành 02 bản, có đóng dấu xác nhận của Cục Hải quan nơi doanh nghiệp nợ thuế truy thu. Trong đó, 01 bản lưu giữ tại cơ quan thuế, 01 bản giao doanh nghiệp.

Cục Hải quan nơi doanh nghiệp nợ thuế truy thu sẽ có trách nhiệm theo dõi việc nộp thuế truy thu của doanh nghiệp. Sau 05 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế truy thu đã đăng ký theo kế hoạch mà doanh nghiệp vẫn không thực hiện nộp thuế truy thu, thì Cục Hải quan sẽ thông báo cho Cục Hải quan các tỉnh, thành phố khác và doanh nghiệp biết, đồng thời thực hiện việc cưỡng chế toàn quốc. *(CV số 1991/TCHQ-KTTT ngày 09/5/2006).*

25. **Thuế hàng uỷ thác gia công xuất khẩu:** Đối với hàng hoá uỷ thác gia công xuất khẩu mà cơ sở ký hợp đồng gia công trực tiếp với người nước ngoài, nhưng ký hợp đồng giao lại cho cơ sở khác gia công. Cơ sở ký hợp đồng gia công trực tiếp với nước ngoài chỉ hưởng hoa hồng trên tiền gia công thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. *(CV số 1641/TCT-PCCS ngày 08/5/2006).*

26. **Thủ tục đưa hàng nhập khẩu vào kho ngoại quan:** Căn cứ theo qui định của Chính phủ thì, hàng hoá nhập khẩu được chuyển cửa khẩu đưa vào kho ngoại quan nếu trên vận đơn của lô hàng nhập khẩu phải thể hiện hàng nhập khẩu đưa vào kho ngoại quan có đích đến là kho ngoại quan. Trường hợp không có vận đơn thì các chứng từ khác của lô hàng phải thể hiện được hàng nhập khẩu đưa vào kho ngoại quan; khi làm thủ tục chuyển cửa khẩu, doanh nghiệp cần nộp và xuất trình tờ khai nhập - xuất kho ngoại quan, hợp đồng thuê kho ngoại quan.

Trường hợp doanh nghiệp không chứng minh được lô hàng nhập khẩu có đích đến là kho ngoại quan thì không được áp dụng thủ tục chuyển cửa khẩu. *(CV số 1955/TCHQ-GSQL ngày 05/5/2006).*

27. **Địa điểm làm thủ tục hải quan nhập khẩu ô tô cũ:** Hiện tại, việc nhập khẩu xe ô tô 16 chỗ ngồi đã qua sử dụng chỉ được nhập về các cửa khẩu cảng biển quốc tế, gồm: Cái Lân (Quảng Ninh), Hải Phòng, Đà Nẵng và Tp Hồ Chí Minh. *(CV số 1923/TCHQ-GSQL ngày 04/5/2006).*

28. **Danh mục hàng hoá được phép nhập khẩu:** Bộ Giao thông Vận tải vừa công bố Danh mục các phương tiện chuyên dùng có tay lái bên phải hoạt động trong phạm vi hẹp được phép nhập khẩu; Danh mục các loại vật tư, phương tiện đã qua sử dụng cấm nhập khẩu và Danh mục hàng hoá nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành - Tất cả các Danh mục này được công bố cụ thể tại QĐ số 19/2006/QĐ-BGTVT ngày 04/5/2006.

29. **Thủ tục hải quan nhập khẩu ô tô cũ:** Tại CV số 1896/TCHQ-KTTT ngày 03/5/2006, Tổng cục Hải quan hướng dẫn về thủ tục hải quan đối với việc nhập khẩu xe ô tô đã qua sử dụng dưới 16 chỗ ngồi.

Theo đó, ô tô cũ dưới 16 chỗ chỉ được làm thủ tục Hải quan và thông quan tại các địa điểm: Quảng Ninh - Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Hòn Gai - Cảng Cái Lân; Hải Phòng - Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Hải Phòng khu vực I, II, III; Đà Nẵng - Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đà Nẵng khu vực II; Tp Hồ Chí Minh: Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực I, II, III.

Tất cả hồ sơ nhập khẩu xe ô tô dưới 16 chỗ ngồi đã qua sử dụng phải xếp vào luồng hàng đỏ để kiểm tra chi tiết hồ sơ nhập khẩu, kiểm tra thực tế hàng hoá trước khi thông quan, giải phóng hàng theo đúng qui trình thủ tục hải quan hiện hành. **(CV số 1896/TCHQ-KTTT ngày 03/5/2006).**

30. **Thời gian ân hạn nộp thuế:** Việc qui định về thời gian ân hạn nộp thuế cho doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật Hải quan là doanh nghiệp đã có một quá trình - 365 ngày chấp hành tốt các qui định của Luật Hải quan và Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. **(CV số 1767/TCHQ-KTTT ngày 25/4/2006).**

31. **Tờ khai nguồn gốc xe ô tô nhập khẩu:** Theo Tổng cục Thuế, một đơn vị nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại hoặc là hàng viện trợ thì phải mua tờ khai nguồn gốc xe ô tô nhập khẩu.

Các loại giấy tờ cần thiết phải cung cấp cho Cục Thuế địa phương để mua tờ khai nguồn gốc xe ô tô nhập khẩu gồm: Giấy giới thiệu của cơ quan; Giấy phép nhập khẩu của Bộ Thương mại (hoặc giấy xác nhận hàng viện trợ); Tờ khai hàng nhập khẩu; và Giấy xác nhận của cơ quan Hải quan về việc đơn vị chưa được cung cấp giấy chứng nhận hoàn thành thủ tục hải quan. **(CV số 1507/TCT-PCCS ngày 24/4/2006).**

32. **Truy thu thuế nhập khẩu:** Các trường hợp đã được miễn thuế, xét miễn thuế nhập khẩu theo qui định của Bộ Tài chính, nhưng sau đó hàng hoá sử dụng vào mục đích khác với mục đích đã được xét, miễn thuế thì phải nộp đủ thuế, trừ trường hợp chuyển nhượng cho đối tượng thuộc diện miễn thuế.

Căn cứ tính thuế nhập khẩu truy thu là giá trị tính thuế, thuế suất và tỷ giá tại thời điểm có sự thay đổi mục đích đã được miễn thuế, xét miễn thuế.

Riêng về thuế suất, nếu hàng hoá khi nhập khẩu ban đầu là hàng hoá mới thì áp dụng theo mức thuế suất tại thời điểm có sự thay đổi mục đích của hàng hoá mới; nếu hàng hoá khi nhập khẩu ban đầu là hàng hoá đã qua sử dụng, thì áp dụng theo mức thuế suất tại thời điểm có sự thay đổi mục đích sử dụng của hàng hoá đã qua sử dụng. **(CV số 1761/TCHQ-KTTT ngày 24/4/2006).**

33. **Xử lý lỗi của cán bộ hải quan:** Từ năm 2006 trở đi, theo qui định của Luật Hải quan và Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì, đối với những trường hợp để phát sinh phải truy thu thuế do nguyên nhân của cán bộ công chức hải quan thì cán bộ công chức hải quan và đơn vị có liên quan phải chịu bồi thường thiệt hại vật chất cho doanh nghiệp, để doanh nghiệp nộp đủ thuế truy thu theo qui định của pháp luật. **(CV số 1745/TCHQ-KTTT ngày 24/4/2006).**

34. **Giải đáp vướng mắc về hải quan:** Tại CV số 1578/TCHQ-GSQL ngày 14/4/2006, Tổng cục Hải quan giải đáp một số câu hỏi của các doanh nghiệp xung quanh qui trình thủ tục hải quan như sau:

- **Về bộ hồ sơ hải quan:** Tại cửa khẩu Bưu điện, hàng hoá nhập khẩu nếu không có vận tải đơn thì người khai hải quan nộp chứng từ có giá trị tương đương, hoặc ghi mã số gói bưu kiện, bưu phẩm lên tờ khai hải quan, hoặc nộp danh sách bưu kiện, bưu phẩm do Bưu điện lập;

Hàng hoá nhập khẩu qua cửa khẩu đường bộ nếu không có vận tải đơn thì người khai hải quan không phải nộp;

Đối với hàng hoá xuất khẩu chuyển cảng, những trường hợp chưa có ngay vận tải đơn, thì nộp bản lược khai hàng hoá do người vận chuyển lập để vận chuyển hàng hoá ra cửa khẩu xuất.

- **Về vấn đề chuyển cửa khẩu:** Hàng hoá nhập khẩu đưa vào khu thương mại tự do được làm thủ tục chuyển cửa khẩu từ cảng nội địa, từ cửa khẩu nhập về khu thương mại tự do;

Đối với hàng hoá nhập khẩu không thuộc diện chuyển cửa khẩu, kể cả hàng hoá được xét miễn kiểm tra thực tế vẫn phải làm thủ tục tại Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập;

Đối với các doanh nghiệp có địa điểm kiểm tra tại nhà máy, nơi sản xuất, nhưng trên địa bàn không có địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu, thì được làm thủ tục chuyển cửa khẩu tại Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu gần nhất.

- **Về xác nhận thực xuất:** Đối với hàng xuất qua cửa khẩu đường biển, ngày thực xuất là ngày xếp hàng lên tàu ghi trên vận tải đơn/ chứng từ tương đương vận tải đơn.

Đơn vị xác nhận thực xuất đối với hàng hoá xuất khẩu qua cửa khẩu đường biển, đường sắt, đường hàng không là đơn vị đăng ký mở tờ khai. Đối với hàng xuất khẩu qua cửa khẩu đường bộ, đường sông, hàng xuất khẩu gửi kho ngoại quan thực hiện theo qui định tại TT số 112/2005/TT-BTC.

35. **Thuế hàng hoá bán tại hội chợ, triển lãm:** Nếu cơ sở kinh doanh được thành lập và hoạt động theo qui định của pháp luật Việt Nam mà tham gia hội chợ, triển lãm, có bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, thì phải thực hiện chế độ hoá đơn, chứng từ và kê khai, nộp thuế theo luật định;

Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, không hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam nhập khẩu hàng hoá vào Việt Nam để tham gia hội chợ, triển lãm thương mại nhưng không tái xuất, mà tiêu thụ hoặc biểu tặng tại Việt Nam thì, phải kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế theo qui định áp dụng đối với tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam. Hoặc, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiêu thụ hàng hoá, cung ứng dịch vụ tại hội chợ, triển lãm nhưng chưa thực hiện chế độ kế toán tại Việt Nam, thì cơ sở kinh doanh tổ chức hội chợ, triển lãm phải đăng ký, kê khai khấu trừ thuế nộp thay theo hướng dẫn mà Bộ Tài chính đã qui định tại TT số 05/2005/TT-BTC_11/01/2005. **(CV số 1313/TCT-PCCS ngày 11/4/2006).**

36. **Thời hạn nộp thuế:** Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thì đối với các trường hợp hàng hoá nhập khẩu, gồm cả hàng hoá là hàng tiêu dùng trong danh mục hàng hoá do Bộ Thương mại công bố, như là vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để trực tiếp dùng cho sản xuất, thì thời hạn nộp thuế là 30 ngày, kể từ ngày đối tượng nộp thuế đăng ký với cơ quan hải quan.

Nếu doanh nghiệp còn nợ tiền thuế, tiền phạt của hàng nhập khẩu quá thời hạn nộp thuế, thì ngoài việc phải nộp đủ tiền thuế, tiền phạt, mỗi ngày nộp chậm còn phải nộp phạt bằng 0,1% số tiền chậm nộp. Nếu thời hạn chậm nộp quá 90 ngày thì sẽ bị cưỡng chế theo luật định. **(CV số 1533/TCHQ-KTTT ngày 11/4/2006).**

37. **Xử lý nợ thuế tạm thu:** Trong các biện pháp xử lý nợ thuế mà Tổng cục Hải quan vừa thông qua thì, đối với các trường hợp hàng nhập khẩu sản xuất xuất khẩu đã quá hạn nộp thuế hoặc quá 60 ngày kể từ ngày xuất khẩu sản phẩm, nhưng doanh nghiệp không đến nộp hồ sơ thanh khoản, cơ quan Hải quan có văn bản thông báo đến từng doanh nghiệp yêu cầu khẩn trương đến thanh khoản - nếu sau 20 ngày kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp không đến làm thủ tục thanh khoản thì bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan, và không được áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày cho các lô hàng nguyên liệu nhập khẩu tiếp theo. **(CV số 1363/TCHQ-KTTT ngày 03/4/2006).**

38. **Nhập khẩu ô tô dưới 16 chỗ đã qua sử dụng:** Vấn đề này đã được hướng dẫn tại TT liên tịch số 03/2006/TTLT-BTM-BGTVT-BTC-BCA ngày 31/3/2006. Kể từ ngày 01/5/2006, văn bản này sẽ có hiệu lực thi hành.

Theo đó, ô tô đã qua sử dụng là ô tô đã được sử dụng, được đăng ký với thời gian tối thiểu là 06 tháng và đã chạy được một quãng đường tối thiểu là 10.000 km tính đến thời điểm ô tô về đến cảng Việt Nam.

Ô tô đã qua sử dụng được nhập khẩu phải đảm bảo điều kiện không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm ô tô về đến cảng Việt Nam. Năm sản xuất của ô tô được xác định theo theo số nhận dạng của ô tô; theo số khung của ô tô; theo các tài liệu kỹ thuật; theo năm sản xuất được ghi nhận trong bản chính của Giấy chứng nhận đăng ký xe hoặc giấy huỷ đăng ký xe đang lưu hành tại nước ngoài. Các trường hợp đặc biệt khác thì cơ quan kiểm tra chất lượng thành lập Hội đồng giám định. Nếu cơ quan kiểm tra chất lượng có nghi vấn về số khung, số máy của chiếc xe nhập khẩu thì cơ quan kiểm tra sẽ trưng cầu giám định tại cơ quan công an.

TT liên tịch quy định: cấm nhập khẩu ô tô các loại có tay lái nghịch, cấm nhập khẩu ô tô các loại đã thay đổi kết cấu, chuyển đổi công năng so với thiết kế ban đầu, bị đục sửa số khung, số máy trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức. Bên cạnh đó, ô tô đã qua sử dụng chỉ được nhập khẩu vào Việt Nam qua bốn cửa khẩu cảng biển quốc tế: Cái Lân Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh. **(TT liên tịch số 03/2006/TTLT-BTM-BGTVT-BTC-BCA ngày 31/3/2006).**

39. **Tạm thu thuế ô tô nhập khẩu:** Tại CV số 1354/TCHQ-KTTT ngày 31/3/2006, Tổng cục Hải quan đã công bố danh sách 15 doanh nghiệp thuộc diện tạm thu thuế ô tô nhập khẩu.

Cách xác định số thuế tạm thu đối với từng loại xe: lấy tổng số thuế phải nộp đối với từng loại xe trừ đi số thuế doanh nghiệp đã nộp cho cơ quan hải quan theo khai báo khi làm thủ tục nhập khẩu, số dư còn lại là số thuế tạm thu. Số thuế tạm thu được phân bổ vào 03 sắc thuế (thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT) theo tỷ lệ ứng với mỗi loại xe. **(CV số 1354/TCHQ-KTTT ngày 31/3/2006).**

40. **Xử lý thuế hàng nhập khẩu:** Hiện Tổng cục Hải quan đang xem xét số thuế truy thu phải nộp trước mắt đối với mặt hàng ô tô nhập khẩu của một số doanh nghiệp. Cơ quan hải quan sẽ tạm thời chưa thực hiện cưỡng chế hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp nếu chỉ nợ phần thuế chênh lệch giữa giá khai báo với giá xác định lại của cơ quan hải quan đối với mặt hàng ô tô nhập khẩu; có cam kết bằng văn bản về việc sẽ thực hiện theo đúng các cam kết xử lý của Tổng cục Hải quan về mức giá tính thuế đối với mặt hàng ô tô nhập khẩu; đối với các lô hàng nhập khẩu mới phát sinh, doanh nghiệp phải nộp thuế đúng thời hạn.

Nếu các doanh nghiệp đang trong diện xem xét thuế truy thu mà vi phạm 1 trong 3 điều kiện trên, thì sẽ bị cưỡng chế ngay hoạt động xuất nhập khẩu. **(CV số 1315/TCHQ-KTTT ngày 31/3/2006).**

41. **Mức thuế nhập khẩu xe ô tô cũ:** Thủ tướng Chính phủ ban hành QĐ số 69/2006/QĐ-TTg ngày 28/3/2006, ban hành mức thuế nhập khẩu tuyệt đối, áp dụng đối với mặt hàng xe ô tô chở người từ 15 chỗ ngồi trở xuống đã qua sử dụng.

Tuỳ theo dung tích xi lanh của động cơ mà áp các mức thuế nhập khẩu khác nhau. Cụ thể:

- Xe từ 05 chỗ ngồi trở xuống, kể cả lái xe, có mức thuế thấp nhất là 3.000 USD và cao nhất là 25.000 USD/chiếc, ứng với dung tích xi lanh động cơ từ dưới 1.000 cc – trên 5.000 cc;

- Xe từ 6 – 9 chỗ ngồi, kể cả lái xe, có mức thuế từ 9.000 USD – 20.000 USD ứng với dung tích xi lanh động cơ từ 2.000 cc – 4.000 cc;

- Xe từ 10 – 15 chỗ ngồi, kể cả lái xe, thuế từ 8.000 USD – 15.000 USD ứng với dung tích xi lanh động cơ từ 2.000 cc – trên 3.000 cc;

QĐ có hiệu lực và áp dụng cho tất cả các tờ khai hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan kể từ ngày 01/5/2006. (*QĐ số 69/2006/QĐ-TTg ngày 28/3/2006*).

42. Thủ tục xử phạt chậm nộp tiền thuế, tiền phạt: Khi doanh nghiệp đến nộp thuế, cơ quan hải quan chỉ làm thủ tục thu số tiền phạt chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp mà không thực hiện theo thủ tục, trình tự xử phạt vi phạm hành chính. Chỉ tính phạt chậm nộp đối với số tiền nợ thuế, không tính phạt chậm nộp đối với tiền phạt.

Trường hợp quá 30 ngày mà doanh nghiệp vẫn chưa nộp thuế, nộp phạt thì cơ quan hải quan sẽ ra thông báo về số tiền nợ thuế, tiền phạt và thời hạn nộp đủ số tiền trên. Nếu quá thời hạn theo qui định mà đối tượng nộp thuế vẫn không nộp, thì sẽ bị áp dụng biện pháp cưỡng chế. (*CV số 1177/TCHQ-PC ngày 27/3/2006*).

43. Thuế nhập khẩu hàng tạm nhập-tái xuất: Doanh nghiệp kinh doanh hàng tạm nhập-tái xuất, nếu trong hợp đồng nhập khẩu và xuất khẩu có qui định người mua hàng thanh toán tiền hàng cho người bán, và thanh toán tiền hoa hồng cho doanh nghiệp Việt Nam, đã được Chi cục Hải quan cửa khẩu xác nhận thực tạm nhập và thực tái xuất thì chứng từ thanh toán tiền hoa hồng (phí dịch vụ) được chấp nhận làm chứng từ hoàn thuế cho doanh nghiệp Việt Nam. (*CV số 1162/TCHQ-KTTT ngày 24/3/2006*).

44. Nhập khẩu đèn hình máy tính: Việc nhập khẩu đèn hình máy vi tính đã qua sử dụng để lắp ráp tivi xuất khẩu theo loại hình gia công và sản xuất hàng xuất khẩu thì, theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan, màn hình máy vi tính đã qua sử dụng không thuộc danh mục hàng hoá cấm nhập khẩu. Tuy nhiên, màn hình máy vi tính đã qua sử dụng nếu không sử dụng như mục đích ban đầu sẽ bị coi như chất thải và không được phép nhập khẩu. (*CV số 1136/TCHQ-GSQL ngày 23/3/2006*).

45. Thuế xe ô tô chuyển đổi mục đích: Theo Tổng cục Hải quan, các trường hợp xe ô tô đã được miễn thuế, xét miễn thuế, nhưng sau đó sử dụng vào mục đích khác với mục đích đã được miễn, xét miễn thuế thì phải nộp lại đủ thuế, trừ trường hợp chuyển nhượng cho đối tượng thuộc diện được miễn hoặc xét miễn thuế.

Căn cứ tính thuế nhập khẩu là giá tính thuế, thuế suất và tỷ giá tại thời điểm có sự thay đổi mục đích đã được miễn thuế, xét miễn thuế. Thời hạn kê khai tiền thuế là 10 ngày, kể từ ngày thay đổi mục đích sử dụng. Và nơi làm thủ tục kê khai thuế nhập khẩu ô tô chuyển đổi mục đích sử dụng là Cục Hải quan địa phương. (*CV số 1122/TCHQ-KTTT ngày 22/3/2006*).

46. Thủ tục hải quan hàng cấm nhập: Thủ tục hải quan đối với hàng hoá thuộc danh mục hàng cấm nhập khẩu được Bộ Thương mại cho phép doanh nghiệp kinh doanh theo phương thức tạm nhập tái xuất và phương thức chuyển khẩu.

Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi hàng hoá tạm nhập làm thủ tục tạm nhập và thủ tục tái xuất, lập biên bản bàn giao, niêm phong hồ sơ, niêm phong hàng hoá giao cho doanh nghiệp vận chuyển đến cửa khẩu xuất ghi trong giấy phép của Bộ Thương mại cấp để làm thủ tục xuất khẩu. Và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giữ nguyên trạng hàng hoá và niêm phong hải quan, chuyển hồ sơ hải quan đến cửa khẩu. (*CV số 1106/TCHQ-GSQL ngày 21/3/2006*).

47. Ân hạn thuế: Doanh nghiệp mà hiện còn nợ thuế quá hạn thì không được ân hạn thuế.

Trường hợp khác, doanh nghiệp đã xuất khẩu sản phẩm được làm từ nguyên liệu nhập khẩu, doanh nghiệp đã nộp hồ sơ thanh toán... nhưng chưa ra được QĐ không thu do chưa có chứng từ thanh toán – chưa đến thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng, thì được ân hạn thuế. (*CV số 1093/TCHQ-KTTT ngày 20/3/2006*).

48. Phân loại linh kiện, phụ tùng ô tô: Bộ Tài chính đã ban hành TT số 19/2006/TT-BTC ngày 15/3/2006 để hướng dẫn về vấn đề này.

TT qui định, danh mục và mức thuế suất thuế nhập khẩu linh kiện, phụ tùng ô tô ban hành kèm theo QĐ 57/2005/QĐ-BTC được áp dụng cho việc phân loại và tính thuế theo phụ tùng, linh kiện rời thay thế cho việc tính thuế theo bộ linh kiện CKD, IKD quy định tại QĐ 110/2005/QĐ-BTC. Trong đó mức thuế suất thuế nhập khẩu được quy định trên nguyên tắc: những phụ tùng, linh kiện ô tô có thể dùng chung được cho các loại xe khác nhau thì được quy định một mức thuế suất thuế nhập khẩu thống nhất, không phân biệt chủng loại xe; Những phụ tùng, linh kiện ô tô còn lại được quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu phân biệt theo chủng loại xe (cơ bản theo 4 chủng loại xe chính: xe chở người dưới 16 chỗ ngồi, xe chở người từ 16 chỗ ngồi trở lên, xe vận tải hàng hoá, loại có tổng trọng tải tối đa không quá 5 tấn và loại trên 5 tấn).

Việc phân loại và áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu đối với phụ tùng, linh kiện ô tô theo hướng dẫn tại TT này được áp dụng thống nhất cho hoạt động nhập khẩu phụ tùng, linh kiện không phân biệt để sản xuất, lắp ráp; bảo hành sửa chữa, kinh doanh thương mại và các loại hình khác. (*TT số 19/2006/TT-BTC ngày 15/3/2006*).

49. **Thủ tục hải quan đ/v hàng nhập khẩu:** Chính phủ đã qui định, nguyên liệu, vật tư, linh kiện, phụ tùng sản xuất được đưa về địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu, địa điểm kiểm tra hàng hoá ở nội địa nơi có nhà máy, cơ sở sản xuất của chính doanh nghiệp.
- Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu không có nhà máy, cơ sở sản xuất, lắp ráp, việc nhập khẩu là để cung ứng cho doanh nghiệp khác, thì những nguyên liệu, linh kiện... nhập khẩu đó thì không được áp dụng thủ tục chuyển cửa khẩu. **(CV số 987/TCHQ-GSQL ngày 13/3/2006).**
50. **Thời hạn nộp thuế nhập khẩu:** Trong văn bản hướng dẫn thi hành thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Bộ Tài chính đã chia thời hạn nộp thuế nhập khẩu được phân biệt đối với 04 trường hợp khác nhau - thời hạn nộp thuế đối với hàng nhập khẩu là hàng tiêu dùng; thời hạn đối với đối tượng chấp hành tốt pháp luật về thuế; đối tượng chưa chấp hành tốt pháp luật về thuế; và thời hạn nộp thuế đối với các trường hợp khác. **(CV số 981/TCHQ-KTTT ngày 10/3/2006).**
51. **Xác định giá tính thuế:** Theo qui định về thuế xuất nhập khẩu hiện hành thì, doanh nghiệp có nghĩa vụ tự kê khai trung thực, đầy đủ, rõ ràng các căn cứ tính thuế. Tự tính tiền thuế phải nộp, tự nộp thuế đầy đủ và đúng hạn, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai, tính thuế.
- Cơ quan Hải quan sẽ kiểm tra việc tự khai, tự tính và tự nộp thuế trên của doanh nghiệp. Nếu phát hiện doanh nghiệp xác định trị giá tính thuế không đúng thì sẽ xử lý, xác định lại giá trị tính thuế theo luật định. **(CV số 922/TCHQ-KTTT ngày 09/3/2006).**
52. **Điều chỉnh thuế sản phẩm điện lạnh gia dụng:** Việc điều chỉnh thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng linh kiện, phụ tùng sản phẩm điện, điện lạnh gia dụng được qui định tại QĐ số 12/2006/QĐ-BTC ngày 03/3/2006.
- Những mặt hàng được sửa đổi thuế nhập khẩu lần này thuộc các mã hàng 2903, 8414, 8415, 8418, 8419, 8450 và 5801 với mức thuế suất thuế nhập khẩu áp dụng từ 0 – 50% ứng với mỗi hàng hoá cụ thể. **(QĐ số 12/2006/QĐ-BTC ngày 03/3/2006).**
53. **Danh mục hàng hoá và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi:** Bộ Tài chính đã ban hành Danh mục hàng hoá và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam, để thực hiện Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN giai đoạn 2006 – 2013 tại QĐ số 09/2006/QĐ-BTC ngày 28/02/2006. **(QĐ số 09/2006/QĐ-BTC ngày 28/02/2006).**
54. **Hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang Hoa Kỳ:** Bộ Thương mại thông báo, kể từ ngày 10/3/2006, các Phòng Quản lý xuất nhập khẩu Khu vực tạm ngừng cấp visa tự động cho các thương nhân xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đối với cat. 338/339 và 347/348. Đối với các lô hàng thuộc cat. này mà đã xuất khẩu trước ngày 10/3/2006 – ngày rời cảng Việt Nam theo vận đơn thì các phòng Quản lý tiếp tục cấp visa nguồn cấp visa tự động đến hết ngày 17/3/2006.
- Các thương nhân có nhu cầu xuất khẩu hàng dệt may thuộc cat. trên sang thị trường Hoa Kỳ thì gửi CV đăng ký theo mẫu về Bộ Thương mại muộn nhất là ngày 05/3/2006. **(Thông báo số 0060/TM-DM ngày 02/3/2006).**
55. **Thủ tục hàng hoá gửi kho ngoại quan:** Tại qui định về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan của Bộ Tài chính thì, hàng hoá từ nội địa đưa vào kho ngoại quan gồm hàng hoá xuất khẩu xin gửi kho ngoại quan; hàng hoá từ kho ngoại quan đã được phép đưa vào nội địa để gia công, tái chế trước đó; hàng hết thời hạn phải tái xuất; hàng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc phải tái xuất.
- Thủ tục đối với hàng hoá xuất khẩu, hàng hoá tái xuất gửi kho ngoại quan, doanh nghiệp phải làm đầy đủ thủ tục như đối với hàng hoá xuất khẩu, hàng hoá tái xuất. Hàng hoá từ nước ngoài gửi kho ngoại quan được phép đưa vào nội địa để tiêu thụ tại thị trường Việt Nam, thủ tục hải quan thực hiện như qui định đối với hàng nhập khẩu từ nước ngoài. **(CV số 814/TCHQ-GSQL ngày 01/3/2006).**
56. **Số thông báo thuế xe máy:** Tổng cục Hải quan thông báo, theo qui định mới của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì, đối tượng nộp thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu có trách nhiệm kê khai thuế đầy đủ, chính xác, minh bạch và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ nội dung kê khai; nộp tờ khai hải quan cho cơ quan hải quan. Kể từ ngày 01/01/2006, cơ quan hải quan sẽ không phát hành số thông báo thuế cho đối tượng nộp thuế nên trên tờ khai Nguồn gốc sẽ không còn thể hiện số thông báo thuế như trước đây.
- Vì vậy, Phòng cảnh sát giao thông các địa phương vẫn có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký xe máy cho các xe thuộc các lô hàng nhập khẩu sau ngày 01/01/2006, dù trên tờ khai Nguồn gốc không thể hiện số thông báo thuế. **(CV số 813/TCHQ-KTTT ngày 01/3/2006).**
57. **Thiết bị nghiên cứu khoa học tạm nhập-tái xuất:** Thiết bị, máy móc, dụng cụ nghề nghiệp tạm nhập – tái xuất để phục vụ hội nghị, nghiên cứu khoa học trong thời hạn tối đa là 90 ngày được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Tuy nhiên, ngay sau khi kết thúc công việc theo qui định của pháp luật, thì hàng hoá nhập khẩu đó phải tái xuất ra khỏi Việt Nam. Hàng hoá nhập khẩu đó sẽ bị truy thu thuế nếu không tái xuất. **(CV số 787/TCHQ-KTTT ngày 28/02/2006).**
58. **Thủ tục miễn thuế nhập khẩu:** Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn thi hành thì, hàng hoá nhập khẩu để tạo TSCĐ của dự án khuyến khích đầu tư thuộc đối tượng được miễn thuế nhập khẩu, và đối tượng không chịu thuế GTGT.

Để được hưởng sự miễn thuế như vậy, đơn vị nhập khẩu phải có một bộ hồ sơ đầy đủ với Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế; Bản cam kết sử dụng đúng mục đích được miễn thuế; Giấy báo trúng thầu kèm theo hợp đồng cung cấp hàng hoá, trong đó qui định giá trúng thầu không bao gồm thuế nhập khẩu; Hợp đồng uỷ thác nhập khẩu. Và thẩm quyền giải quyết miễn thuế nhập khẩu, không thu thuế GTGT là cơ quan hải quan nơi đơn vị nhập khẩu làm thủ tục hải quan. **(CV số 714/TCHQ-KTTT ngày 23/02/2006).**

59. **Vướng mắc chứng từ thanh toán:** Đối với các trường hợp trong bộ hồ sơ đề nghị hoàn thuế, doanh nghiệp không xuất trình được chứng từ thanh toán có tên người thanh toán phù hợp với tên người phải thanh toán như đã thoả thuận trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng, thì việc thanh toán qua bên thứ ba phải được thể hiện rõ trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng mua bán.

Nếu hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng mua bán không thể hiện việc thanh toán qua bên thứ ba, doanh nghiệp phải xuất trình thông báo bằng văn bản của phía người mua về việc bên thứ ba sẽ thanh toán hộ cho lô hàng. Đồng thời, doanh nghiệp phải có cam kết bằng văn bản về việc khai báo thì chứng từ thanh toán đã xuất trình được chấp nhận làm thủ tục hoàn thuế đối với nguyên liệu nhập khẩu đã đưa vào sản xuất hàng xuất khẩu. **(CV số 697/TCHQ-KTTT ngày 22/02/2006).**

60. **Thủ tục chuyển cửa khẩu:** Về việc làm thủ tục hải quan cho hàng hoá nhập khẩu chuyển cửa khẩu, theo Luật Hải quan thì, nếu Chi nhánh của một Công ty không có nhà máy, cơ sở sản xuất sẽ không được áp dụng thủ tục hải quan chuyển cửa khẩu đối với các lô hàng là nguyên liệu, vật tư, linh kiện...mà Chi nhánh Công ty đó nhập khẩu. **(CV số 683/TCHQ-GSQL ngày 22/02/2006).**

61. **Xuất xứ hàng hoá:** Xuất xứ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã được qui định tại Luật Thương mại. Và ngày 20/02/2006, Chính phủ ban hành ND số 19/2006/ND-CP để qui định chi tiết về vấn đề này.

Theo ND, hàng hoá được coi là có xuất xứ khi thuộc trường hợp Xuất xứ thuần túy hoặc Xuất xứ không thuần túy. Trong đó, hàng hoá xuất xứ thuần túy được công nhận khi có xuất xứ từ 1 quốc gia, vùng lãnh thổ; hàng hoá có xuất xứ không thuần túy được công nhận có xuất xứ từ một quốc gia, vùng lãnh thổ khi quốc gia, vùng lãnh thổ đó thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng, làm thay đổi cơ bản hàng hoá này.

Nội dung của ND nêu rõ, vật phẩm dùng để đóng gói, nguyên liệu đóng gói, và bao bì của hàng hoá được coi như có cùng xuất xứ đối với hàng hoá mà nó chứa đựng và thường dùng để bán lẻ; Tài liệu giới thiệu, hướng dẫn sử dụng hàng hoá, phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ đi kèm hàng hoá với chủng loại số lượng phù hợp cũng được coi là có cùng xuất xứ với hàng hoá đó; Hàng hoá chưa được lắp ráp hoặc đang ở tình trạng bị tháo rời, được nhập khẩu thành nhiều chuyển hàng do điều kiện vận tải hoặc sản xuất không thể nhập khẩu trong một chuyển hàng, nếu người nhập khẩu có yêu cầu, xuất xứ của hàng hoá trong từng chuyển hàng được coi là có cùng xuất xứ với hàng hoá đó. **(ND số 19/2006/ND-CP ngày 20/02/2006).**

62. **Giải đáp chính sách thuế xuất nhập khẩu:** Tại CV số 479/TCHQ-KTTT ngày 09/02/2006, Tổng cục Hải quan hướng dẫn xử lý những vướng mắc khi thực hiện chính sách thuế xuất nhập khẩu từ ngày 01/01/2006.

Một trong những nội dung được giải đáp lại CV này là vấn đề ân hạn thuế - Trường hợp doanh nghiệp đã xuất khẩu sản phẩm được làm từ nguyên liệu nhập khẩu, doanh nghiệp đã nộp hồ sơ thanh khoản thì, căn cứ vào lượng nhập khẩu, định mức tiêu hao, số lượng sản phẩm xuất khẩu, cơ quan hải quan đã xác định số thuế nhập khẩu không thu, số thuế nhập khẩu còn phải thu nhưng chưa ra được QĐ không thu do chưa có chứng từ thanh toán, đồng thời doanh nghiệp đã nộp đầy đủ thuế nhập khẩu cho số nguyên liệu chưa xuất khẩu thì được coi là không nợ thuế quá hạn và được áp dụng thời hạn nộp thuế như Bộ Tài chính qui định;

Đối với trường hợp hàng xuất khẩu đã quá thời hạn nộp thuế hoặc quá 60 ngày, kể từ ngày xuất khẩu sản phẩm nhưng doanh nghiệp không đến nộp hồ sơ thanh khoản thì bị coi là nợ thuế quá hạn và không được áp dụng thời hạn nộp thuế là 275 ngày đối với lô hàng nguyên liệu nhập khẩu tiếp theo. **(CV số 479/TCHQ-KTTT ngày 09/02/2006).**

63. **Điều chỉnh thuế linh kiện, phụ tùng điện tử:** Tại QĐ số 08/2006/QĐ-BTC ngày 08/02/2006, Bộ Tài chính điều chỉnh một số thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng linh kiện, phụ tùng điện tử.

Những mặt hàng được điều chỉnh lần này gồm các mã hàng 7011, 8504, 8518, 8532,... Đó là vỏ bóng đèn thủy tinh, các bộ phận bằng thủy tinh của vỏ bóng đèn, ống đèn tia âm cực; biến thể điện, máy biến đổi điện tĩnh và cuộn cảm; micro và giá đỡ micro, loa đã hoặc chưa lắp vào trong vỏ loa, tai nghe có và không có khung choàng đầu, bộ khuếch đại âm tần, bộ tăng âm; tụ điện, loại có điện cố định, biến đổi hoặc điều chỉnh được;...**(QĐ số 08/2006/QĐ-BTC ngày 08/02/2006).**

64. **Hạn ngạch thuế quan:** Ngày 26/01/2006, Bộ Thương mại ban hành QĐ số 07/2006/QĐ-BTM, qui định về việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan đối với hàng hoá có xuất xứ từ Lào, với thuế suất thuế nhập khẩu 0%.

Hạn ngạch thuế quan năm 2006 được áp dụng đối với mặt hàng gạo, cọng thuốc lá và phụ kiện xe máy. Doanh nghiệp có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với ngành hàng phù hợp, nhập khẩu các mặt hàng trên được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan bằng 0%, với điều kiện nhập khẩu từ các doanh nghiệp đầu mối do phía Lào chỉ định nêu tại Phụ lục của QĐ này. **(QĐ số 07/2006/QĐ-BTM ngày 26/01/2006).**

65. **Thưởng xuất khẩu:** Quy chế thưởng đối với phần kim ngạch xuất khẩu năm 2005 vượt so với năm 2004 được Bộ Thương mại qui định tại QĐ số 06/2006/QĐ-BTM ngày 25/01/2006.

Quy chế thường vượt kim ngạch này áp dụng cho phần kim ngạch xuất khẩu năm 2005 vượt so với năm 2004 tính bằng đồng USD theo giá FOB tại cảng Việt Nam. Đối với kim ngạch xuất khẩu thu được bằng các loại tiền khác được qui đổi ra đồng USD tại thời điểm thanh toán. Quy chế không áp dụng cho các trường hợp hàng hoá xuất khẩu trả nợ, xuất khẩu tại chỗ, xuất vào khu chế xuất, xuất khẩu uỷ thác, xuất gia công, viện trợ cho nước ngoài...

Đối tượng xét thưởng là thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, được thành lập và hoạt động theo các qui định của pháp luật Việt Nam, trực tiếp xuất khẩu vượt kim ngạch trong 13 nhóm mặt hàng được xét thưởng, gồm: thịt, rau, chè, gạo, cà phê các loại; cá tra, cá basa, tôm; hàng thủ công mỹ nghệ và mây tre lá; lạc nhân; hạt tiêu; hạt điều; đồ nhựa; hàng cơ khí và sản phẩm gỗ. **(QĐ số 06/2006/QĐ-BTM ngày 25/01/2006).**

66. **Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi:** Bộ Tài chính ban hành QĐ số 06/2006/QĐ-BTC ngày 24/01/2006, ban hành mức thuế suất thuế nhập khẩu đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi được sửa đổi tại QĐ này gồm xăng, dầu các loại, với mức thuế suất từ 0% - 20% ứng với từng mã hàng hoá cụ thể. **(QĐ số 06/2006/QĐ-BTC ngày 24/01/2006).**

67. **Hướng dẫn thi hành Luật Thương mại:** Chính phủ đã ban hành ND số 12/2006/ND-CP ngày 23/01/2006, qui định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài. Áp dụng đối với các thương nhân Việt Nam; các tổ chức, cá nhân hoạt động có liên quan đến thương mại qui định trong Luật Thương mại.

ND đi vào điều chỉnh hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế - gồm xuất nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu; các hoạt động uỷ thác và nhận uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu, đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá. Bên cạnh đó, hàng hoá là tài sản di chuyển, hàng hoá phục vụ nhu cầu của cá nhân có thân phận ngoại giao và hành lý cá nhân cũng thuộc đối tượng điều chỉnh của ND này. **(ND số 12/2006/ND-CP ngày 23/01/2006).**

68. **Thuế nhập khẩu hàng hoá từ Italia:** Có 03 loại thuế đánh vào hàng hoá nhập khẩu - đó là thuế nhập khẩu (ưu đãi), thuế TTDB, và thuế GTGT. Trong đó, nhóm hàng rượu chịu mức thuế theo thứ tự trên là 65%, 15% - 75%, và 10%; nhóm hàng thực phẩm, gia vị chịu thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi từ 30% - 50%, thuế GTGT từ 05% - 10%; nhóm trang thiết bị, máy móc cũng chịu 02 loại thuế - nhập khẩu ưu đãi từ 10% - 50%, và thuế GTGT từ 05% - 10% tùy theo từng loại trang thiết bị, máy móc cụ thể và vật liệu cấu thành loại trang thiết bị, máy móc đó.

Doanh nghiệp nhập khẩu hàng hoá phải đăng ký với cơ quan kiểm tra, kiểm dịch và nộp giấy đăng ký kiểm tra, kiểm dịch cho cơ quan hải quan trước khi làm thủ tục hải quan. **(CV số 200/TCHQ-GSQL ngày 13/01/2006).**

69. **Ân hạn thuế:** Theo qui định của Bộ Tài chính thì, đối tượng nộp thuế chấp hành tốt pháp luật về thuế là chủ hàng, chấp hành tốt pháp luật Hải quan và không còn nợ thuế quá hạn, không còn nợ tiền phạt chậm nộp thuế tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan thì được hưởng thời gian ân hạn thuế.

Trong trường hợp doanh nghiệp chưa được cấp thẻ ưu tiên, cơ quan Hải quan sẽ có trách nhiệm kiểm tra, nếu doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí như Bộ Tài chính qui định thì kể cả trường hợp doanh nghiệp còn nợ thuế trong hạn cũng được hưởng thời gian ân hạn thuế. **(CV số 195/TCHQ-KTTT ngày 13/01/2006).**

70. **Hàng phi mẫu dịch nhập khẩu:** Theo qui định, hàng phi mẫu dịch nhập khẩu là vật phẩm nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại nên thường có số lượng ít, giá trị thấp, trừ một số hàng đơn chiếc nhưng có giá trị lớn. Và hiện tại chưa có qui định nào về cấp và chấp nhận C/O mẫu D cho hàng xuất nhập khẩu phi mẫu dịch. **(CV số 145/TCHQ-GSQL ngày 11/01/2005).**

71. **Hợp đồng mua bán ngoại thương:** Luật Thương mại qui định, hợp đồng mua bán hàng hoá phải được lập thành văn bản, trong đó thể hiện đầy đủ các nội dung chủ yếu về số lượng, qui cách, chất lượng, phương thức thanh toán, địa điểm, thời gian giao nhận hàng. Ngoài các nội dung chủ yếu này, các bên có thể thoả thuận thêm các điều khoản trong hợp đồng.

Ngoài ra, điện báo, telex, fax, thông điệp dữ liệu... có nội dung chủ yếu như trên cũng được coi là hình thức của hợp đồng mua bán. **(CV số 109/TCT-PCCS ngày 11/01/2005).**

72. **Xác định doanh thu xuất khẩu:** Đối với hoạt động giao gia công lại hàng xuất khẩu, trong trường hợp do đơn đặt hàng của doanh nghiệp ký với khách hàng nước ngoài vượt quá năng lực gia công, sản xuất nên đã thuê lại các đơn vị khác trong nước gia công một phần để giao hàng kịp tiến độ; Sau đó doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu cho khách hàng nước ngoài, thì doanh thu phát sinh từ hoạt động giao gia công lại hàng xuất khẩu này được coi là doanh thu xuất khẩu của doanh nghiệp. **(CV số 53/TCT-ĐTN ngày 05/01/2006).**

73. **Sửa đổi thuế nhập khẩu:** Ngày 22/12/2005, Bộ Tài chính đã ký QĐ số 98/2005/QĐ-BTC về việc sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với xe ô tô chở người trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Theo đó, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng xe ô tô nhập khẩu mới nguyên chiếc chở 10 người trở lên (nhóm 8702) và các loại xe khác có động cơ được thiết kế chủ yếu để chở người (nhóm 8703) của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo QĐ 110/2003/QĐ-BTC sẽ giảm từ 100% xuống còn 90%.

Đối với các mặt hàng xe ô tô đã qua sử dụng thuộc 2 nhóm này và các mặt hàng xe ô tô có động cơ dùng để vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải tối đa không quá 5 tấn sẽ áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu 150%. (***QĐ số 98/2005/QĐ-BTC ngày 22/12/2005***).

74. **Bổ sung 36 mặt hàng được hưởng thuế suất AISP 0% của Thái Lan**: Danh mục các sản phẩm của Việt Nam được hưởng ưu đãi thuế AISP của Thái Lan đã được bổ sung thêm 36 mặt hàng với điều kiện hưởng ưu đãi không thay đổi. Toàn bộ các mặt hàng đều có thuế suất AISP là 0% (trong đó thuế suất CEPT trước đây của 14/36 mặt hàng là 5%; 2/36 là 3.75%). (***CV số 6212/TM-VP ngày 21/12/2005***).
75. **Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan**: Những nội dung của vấn đề này đã được Bộ Tài chính hướng dẫn tại TT số 112/2005/TT-BTC ngày 15/12/2005.

Theo TT, thủ tục hải quan bao gồm những quy định thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu thương mại; đối với hàng hoá gia công xuất khẩu, nhập khẩu; đối với hàng hoá đưa vào, đưa ra khu thương mại tự do, khu phi thuế quan. Thủ tục thành lập, di chuyển, mở rộng, thu hẹp kho ngoại quan đối với hàng hoá đưa vào, đưa ra kho ngoại quan; đối với hàng hoá đưa vào đưa ra kho bảo thuế; đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại. Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải; thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, chuyển cảng...

Về nội dung kiểm tra, giám sát hải quan gồm các nội dung về kiểm tra hồ sơ hải quan và kiểm tra thực tế hàng hoá. Mức độ kiểm tra thực tế hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của chủ hàng nhiều lần vì phạm pháp luật về hải quan thì tiến hành kiểm tra toàn bộ lô hàng. Đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện miễn kiểm tra thực tế nhưng cơ quan hải quan phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan thì tiến hành kiểm tra thực tế 10% lô hàng, nếu không phát hiện vi phạm thì kết thúc kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm thì tiếp tục kiểm tra cho tới khi kết luận được mức độ vi phạm. Đối với hàng hoá phải kiểm tra xác suất để đánh giá việc chấp hành pháp luật hải quan của chủ hàng (tối đa không quá 5% tổng số tờ khai hải quan)... (***TT số 112/2005/TT-BTC ngày 15/12/2005***).

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1. **Hướng dẫn về Tài chính**: Vấn đề tài chính được hướng dẫn ở đây là tài chính trong giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước. Những vấn đề này đã được Bộ Tài chính hướng dẫn tại TT số 109/2005/TT-BTC ngày 08/12/2005.

Chi phí giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty là các khoản chi phí liên quan đến giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty từ thời điểm QĐ giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê đến thời điểm thực hiện xong việc bàn giao công ty cho bên nhận giao, nhận mua, nhận khoán, nhận thuê. Mức chi phí được xác định theo giá trị công ty trên sổ kế toán, nhưng tối đa không vượt quá 50 triệu đồng đối với công ty có giá trị dưới 01 tỷ đồng; 100 triệu đồng đối với công ty có giá trị từ 01 – 05 tỷ đồng; 150 triệu đồng đối với công ty có giá trị từ trên 05 – 10 tỷ đồng; và 200 triệu đồng đối với công ty có giá trị trên 10 tỷ đồng. (***TT số 109/2005/TT-BTC ngày 08/12/2005***).

DOANH NGHIỆP FDI

2. **Tiền lương đ/v lao động trong doanh nghiệp FDI**: Chính phủ đã quy định, mức lương tối thiểu đối với lao động Việt Nam làm việc cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế và cá nhân người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, thì mức tiền lương thấp nhất trả cho lao động đã qua học nghề phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định.

Trong đó, những người lao động được tuyển dụng trước ngày 01/02/2006 đã qua học nghề, đang hưởng mức lương thấp hơn mức lương đối với lao động đã qua học nghề thì phải thoả thuận để điều chỉnh lại cao hơn ít nhất là 7% so với mức lương tối thiểu; Đối với người lao động đã qua học nghề nhưng làm việc không đúng với nghề được đào tạo, thì sau thời gian đào tạo lại mà người lao động đáp ứng được yêu cầu của công việc thì người sử dụng lao động cũng phải điều chỉnh lại mức lương cao hơn ít nhất là 7% so với mức lương tối thiểu theo luật định. (***CV số 1561/LĐTBXH-TL ngày 12/5/2006***).

3. **Áp dụng mức lương tối thiểu trong doanh nghiệp FDI**: Căn cứ theo quy định và Chính phủ đã ban hành về mức lương tối thiểu đối với lao động Việt Nam làm việc cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế và cá nhân người nước ngoài làm việc tại Việt Nam thì, mức lương tối thiểu được quy định 03 mức tương ứng với 03 vùng khác nhau. Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn vùng nào thì áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn vùng đó.

Trường hợp doanh nghiệp có nhiều cơ sở hoạt động trên các vùng khác nhau, thì hoạt động trên địa bàn vùng nào áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với vùng đó, hoặc có thể thoả thuận áp dụng mức lương tối thiểu cao hơn so với quy định. (***CV số 1520/LĐTBXH-TL ngày 08/5/2006***).

4. **Chính sách thuế TNDN đối với DN FDI**: Các doanh nghiệp có vốn ĐTNN đã được cấp Giấy phép đầu tư và các cơ sở kinh doanh trong nước đã được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, thì tiếp tục được hưởng các ưu đãi về thuế ghi trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.

Các doanh nghiệp có vốn ĐTNN đã hết thời hạn được hưởng ưu đãi thuế theo Giấy phép đầu tư, thì chuyển sang áp dụng thuế suất 25%. Trường hợp đang nộp thuế theo thuế suất 25% thì được tiếp tục thực hiện mức thuế suất này đến hết thời hạn của Giấy phép đầu tư đã cấp. **(CV số 1204/TCT-ĐTNN ngày 04/4/2006).**

5. **Thuế nhập khẩu xe ô tô của doanh nghiệp FDI:** Đối với các trường hợp phương tiện vận tải – xe ô tô vận chuyển hành khách từ 24 chỗ ngồi trở lên, nhập khẩu tạo TSCĐ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trước ngày 01/01/2006 thì, Cục Hải quan địa phương sẽ căn cứ vào Giấy phép đầu tư, Danh mục phương tiện vận tải chuyên dùng với mục tiêu kinh doanh vận tải hành khách công cộng của cơ quan có thẩm quyền xét duyệt miễn thuế nhập khẩu để làm thủ tục miễn thuế cho doanh nghiệp. **(CV số 635/TCHQ-KTTT ngày 17/02/2006).**

NGÂN HÀNG

1. **Tổ chức và hoạt động của ngân hàng ngoài quốc doanh:** Ngày 28/02/2006, Chính phủ ban hành ND số 22/2006/NĐ-CP, về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam. Đây cũng chính là những hình thức tổ chức của Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

Theo ND, Ngân hàng Nhà nước là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và hoạt động cũng như thực hiện chức năng quản lý nhà nước, thanh tra, giám sát tổ chức và hoạt động của các hình thức ngân hàng nước ngoài trên.

Hồ sơ xin cấp giấy phép của ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng nước ngoài phải lập thành hai bộ, một bộ bằng tiếng Việt và một bộ bằng tiếng nước ngoài thông dụng. Trong đó, bộ hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hoá lãnh sự. Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được cơ quan công chứng Việt Nam xác nhận.

Trước khi khai trương hoạt động tối thiểu 30 ngày, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài phải hoàn tất việc đăng liên tiếp 03 số/01 tờ báo của Trung ương và 1 tờ báo của địa phương nơi đặt trụ sở. Nội dung đăng báo gồm các thông tin chủ yếu ghi trong Giấy phép, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và ngày dự kiến khai trương hoạt động. **(ND số 22/2006/NĐ-CP ngày 28/02/2006).**

2. **Kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài:** Ngân hàng Nhà nước vừa QĐ, các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối có hoạt động kinh doanh vàng và các doanh nghiệp kinh doanh vàng sẽ được kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài. Nội dung này nằm trong QĐ số 03/2006/QĐ-NHNN ngày 18/01/2006.

Các đơn vị là tổ chức tín dụng và các doanh nghiệp kinh doanh vàng được tham gia hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài khi có hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả và quy định về quản lý rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh vàng; Có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh xuất, nhập khẩu vàng; Không vi phạm quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.

Bên cạnh đó, đối với các tổ chức tín dụng, ngoài việc đảm bảo điều kiện chung phải có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vàng và huy động, cho vay bằng vàng tính đến ngày nộp đơn xin kinh doanh vàng trên tài khoản từ 01 năm trở lên. Có số dư huy động vàng tính đến ngày cuối cùng của tháng gần nhất trước ngày nộp đơn xin kinh doanh vàng trên tài khoản từ 500 kg vàng trở lên; Đối với doanh nghiệp kinh doanh vàng, ngoài việc đảm bảo điều kiện chung phải có vốn tự có tối thiểu 100 tỷ đồng. **(QĐ số 03/2006/QĐ-NHNN ngày 18/01/2006).**

KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH

1. **Áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp:** Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp tại TT số 53/2006/TT-BTC ngày 12/6/2006.

Kế toán quản trị nhằm cung cấp các thông tin về hoạt động nội bộ của doanh nghiệp như: chi phí của từng bộ phận, từng công việc, sản phẩm; phân tích, đánh giá tình hình thực hiện với kế hoạch về doanh thu, chi phí, lợi nhuận; quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn, công nợ; phân tích mối quan hệ giữa chi phí với khối lượng và lợi nhuận; lựa chọn thông tin thích hợp cho các QĐ đầu tư ngắn hạn, dài hạn; lập dự toán ngân sách sản xuất, kinh doanh;... nhằm phục vụ việc điều hành, kiểm tra và ra QĐ kinh tế.

Kế toán quản trị là công việc của từng doanh nghiệp, Nhà nước chỉ hướng dẫn các nguyên tắc, cách thức tổ chức và các nội dung, phương pháp kế toán quản trị chủ yếu tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện. **(TT số 53/2006/TT-BTC ngày 12/6/2006).**

2. **Chế độ tài chính:** Đối với đơn vị sự nghiệp có thu thì, hàng năm, căn cứ vào kết quả hoạt động tài chính, sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác (nếu có) cho NSNN, nếu còn chênh lệch thu lớn hơn chi thì đơn vị được trích lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. **(CV số 2234/TCT-TS ngày 23/6/2006).**
3. **Trích khấu hao TSCĐ:** Những TSCĐ không tham gia vào hoạt động kinh doanh thì không phải trích khấu hao, gồm: TSCĐ phục vụ các hoạt động phúc lợi trong doanh nghiệp như nhà trẻ, CLB, nhà truyền thống, nhà ăn... được đầu tư bằng quỹ phúc lợi. **(CV số 2220/TCT-PCCS ngày 22/6/2006).**

4. **Xử lý nợ của doanh nghiệp phá sản:** Khi có QĐ mở thủ tục thanh lý đối với doanh nghiệp, HTX thì việc phân chia giá trị tài sản của doanh nghiệp, HTX theo thứ tự: phí phá sản; các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, BHXH...; các khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho các chủ nợ trong danh sách chủ nợ theo nguyên tắc nếu giá trị tài sản đủ để thanh toán các khoản nợ, thì mỗi chủ nợ đều được thanh toán đủ số nợ của mình, còn nếu giá trị tài sản không đủ để thanh toán các khoản nợ thì mỗi chủ nợ chỉ được thanh toán một phần khoản nợ của mình theo tỷ lệ tương ứng. *(CV số 2141/TCT-PCCS ngày 16/6/2006).*
5. **Báo cáo tài chính:** Các doanh nghiệp có trụ sở chính ở một địa phương, nhưng có các đơn vị kế toán trực thuộc ở địa phương khác, thì ngoài việc phải lập báo cáo tài chính năm, doanh nghiệp còn phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm của các đơn vị kế toán trực thuộc ở địa phương khác để nộp cho cơ quan thuế.
Đơn vị kế toán trực thuộc lập báo cáo tài chính năm gửi cho doanh nghiệp của mình để làm căn cứ lập báo cáo tài chính tổng hợp, hợp nhất cho doanh nghiệp đồng thời phải gửi báo cáo tài chính năm của đơn vị mình đến cơ quan thuế, nơi các đơn vị này đóng trụ sở kinh doanh. *(CV số 2100/TCT-PCCS ngày 14/6/2006).*
6. **Khấu hao TSCĐ:** Trường hợp góp vốn bằng tài sản không phải đăng ký quyền sở hữu phải có biên bản chứng nhận góp vốn, biên bản giao nhận tài sản, biên bản định giá tài sản, biên bản điều chuyển tài sản.
Các biên bản này được coi là chứng từ hợp pháp để xác định nguyên giá TSCĐ, và được trích khấu hao TSCĐ theo luật định. *(CV số 2020/TCT-PCCS ngày 07/6/2006).*
7. **Hạch toán tỷ giá:** Tỷ giá chuyển đổi tiền nước ngoài sang tiền Việt Nam và ngược lại áp dụng trong quá trình đầu tư và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các Bên hợp doanh là tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm chuyển đổi.
Theo đó, tỷ giá áp dụng đối với điều chỉnh vốn pháp định, nguyên giá TSCĐ, hạch toán lại phần vốn pháp định cho Bên Việt Nam của Công ty lao động áp dụng tỷ giá tại thời điểm cấp Giấy phép đầu tư điều chỉnh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi điều chỉnh vốn pháp định được ghi nhận là chi phí tài chính, hoặc thu nhập hoạt động tài chính. *(CV số 1292/TCT-ĐTN ngày 10/4/2006).*
8. **Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp:** 04 Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp đã được Bộ Tài chính ban hành tại QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006.
04 Chế độ kế toán đó là: Hệ thống Chứng từ kế toán; Hệ thống Tài khoản kế toán; Hệ thống Sổ kế toán và hình thức kế toán; và Hệ thống Báo cáo tài chính. Những chế độ kế toán này áp dụng cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; đơn vị sự nghiệp, tổ chức không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước như: đơn vị tự cân đối thu chi, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự thu, tự chi, ...
Sau khi có hiệu lực áp dụng, QĐ số 19/2006/QĐ-BTC sẽ thay thế QĐ số 999-TC/QĐ/CDKT_02/11/1999 của Bộ Tài chính, cũng như thay thế các TT sửa đổi, bổ sung QĐ cũ này. *(QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006).*
9. **Tiền thuê đất:** Theo Tổng cục Thuế, một doanh nghiệp đi thuê đất thì, tiền thuê đất sẽ được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh, không được ghi nhận là TSCĐ vô hình. *(CV số 1106/TCT-PCCS ngày 29/3/2006).*
10. **Chế độ Kế toán doanh nghiệp:** Bốn nội dung Chế độ Kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành trong QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.
Chế độ Kế toán doanh nghiệp gồm: Hệ thống tài khoản kế toán; Hệ thống báo cáo tài chính; Chế độ chứng từ kế toán; Chế độ sổ kế toán. Áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước.
Bộ Tài chính yêu cầu, các doanh nghiệp, các công ty, Tổng công ty căn cứ vào Chế độ Kế toán doanh nghiệp, tiến hành nghiên cứu, cụ thể hoá và xây dựng chế độ kế toán sao cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh, phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động cũng như từng thành phần kinh tế. Tuy nhiên, nếu có sự sửa đổi, bổ sung Tài khoản cấp 1, cấp 2, hoặc sửa đổi báo cáo tài chính thì phải có sự thoả thuận bằng văn bản với Bộ.
Trong phạm vi qui định của Chế độ Kế toán doanh nghiệp, cùng các văn bản hướng dẫn thi hành, các doanh nghiệp nghiên cứu áp dụng danh mục các tài khoản, chứng từ, sổ kế toán và lựa chọn hình thức sổ kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ kế toán của đơn vị mình. *(QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006).*
11. **Hướng dẫn kế toán thực hiện chuẩn mực kế toán:** Cùng ngày 20/3/2006, Bộ Tài chính ban hành 02 TT, hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực kế toán mà Bộ đã ban hành trong năm 2005.
Tại TT số 21/2006/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện 04 Chuẩn mực kế toán ban hành kèm theo QĐ số 100/2005/QĐ-BTC_28/12/2005.
Theo TT, có 4 hình thức hợp nhất kinh doanh - một doanh nghiệp mua cổ phần của một doanh nghiệp khác; một doanh nghiệp mua tất cả tài sản thuần của một doanh nghiệp khác; một doanh nghiệp gánh chịu các

khoản nợ của một doanh nghiệp khác; một doanh nghiệp mua một số tài sản thuần của một doanh nghiệp khác.

Việc thanh toán giá trị mua, bán trong quá trình hợp nhất kinh doanh có thể được thực hiện bằng hình thức phát hành công cụ vốn, thanh toán bằng tiền, các khoản tương đương tiền, chuyển giao tài sản khác hoặc kết hợp các hình thức trên. Các giao dịch này có thể diễn ra giữa các cổ đông của các doanh nghiệp tham gia hợp nhất hoặc giữa một doanh nghiệp và các cổ đông của doanh nghiệp khác. Hợp nhất kinh doanh có thể bao gồm việc hình thành một doanh nghiệp mới để kiểm soát các doanh nghiệp tham gia hợp nhất, kiểm soát các tài sản thuần đã được chuyển giao hoặc tái cơ cấu một hoặc nhiều doanh nghiệp tham gia hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh có thể sẽ dẫn đến quan hệ công ty mẹ - công ty con, trong đó bên mua sẽ là công ty mẹ và bên bị mua sẽ là công ty con. Hợp nhất kinh doanh có thể không dẫn đến quan hệ công ty mẹ - công ty con, như hợp nhất kinh doanh liên quan đến việc mua tài sản thuần, bao gồm cả lợi thế thương mại (nếu có) của một doanh nghiệp khác mà không phải là việc mua cổ phần ở doanh nghiệp đó. **(TT số 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006).**

12. **Hướng dẫn kế toán thực hiện chuẩn mực kế toán:** Bộ Tài chính ban hành TT số 20/2006/TT-BTC hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành kèm theo QĐ số 12/2005/QĐ-BTC_15/02/2005.

TT hướng dẫn về Ghi nhận thuế TNDN như sau: Hàng quý, kế toán xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong quý. Thuế thu nhập tạm phải nộp từng quý được tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của quý đó;

Cuối năm tài chính, kế toán phải xác định số và ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế cả năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp thực phải nộp trong năm được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm đó;

Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số thuế phải nộp cho năm đó, thì số chênh lệch giữa số thuế tạm phải nộp lớn hơn số thuế phải nộp được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành và ghi giảm trừ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Trường hợp phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp được hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm phát hiện sai sót. **(TT số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006).**

13. **Xử lý tài chính:** Việc xử lý tài chính đối với công ty nhà nước chuyển thành công ty cổ phần trước khi xác định giá trị doanh nghiệp đối với khoản lãi phát sinh là để bù lỗ các năm trước, bù đắp các khoản tổn thất về tài sản – bao gồm cả giá trị theo sổ kế toán của tài sản không cần dùng, chờ thanh lý không tính vào giá trị doanh nghiệp, giảm giá tài sản, nợ không có khả năng thu hồi, còn lại phân phối theo luật định. **(CV số 990/TCT-DNNN ngày 17/3/2006).**

14. **Thẩm định giá:** Ngày 13/3/2006, Bộ Tài chính ban hành TT số 17/2006/TT-BTC hướng dẫn thực hiện ND số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về Thẩm định giá.

TT này hướng dẫn các phương pháp thẩm định giá, gồm – phương pháp so sánh, phương pháp chi phí, thu nhập, thặng dư, lợi nhuận và các phương pháp theo thông lệ quốc tế khác về thẩm định giá; hướng dẫn lựa chọn phương pháp thẩm định giá; giá dịch vụ thẩm định giá; doanh nghiệp thẩm định giá; thẩm định viên về giá; quản lý danh sách thẩm định viên về giá và danh sách doanh nghiệp thẩm định giá.

Theo TT, đối với tài sản nhà nước có giá trị theo sổ kế toán hoặc giá dự toán từ 30 tỷ đồng trở lên, hoặc gói thầu dịch vụ thẩm định giá có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên phải thực hiện hình thức đấu thầu cung cấp dịch vụ thẩm định giá. Còn dưới mức trên, doanh nghiệp có thể tổ chức đấu thầu hoặc chỉ định thầu.

Doanh nghiệp thẩm định giá phải có từ 3 thẩm định viên về giá có thẻ thẩm định viên về giá còn giá trị hành nghề trở lên, trong đó người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá có thẻ thẩm định viên về giá. **(TT số 17/2006/TT-BTC ngày 13/3/2006).**

15. **Xác định TSCĐ:** Quyền sử dụng đất lâu dài là TSCĐ vô hình đặc biệt, doanh nghiệp ghi nhận là TSCĐ vô hình theo nguyên giá nhưng không được trích khấu hao.

Trường hợp doanh nghiệp được thực hiện chuyển từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất. Mà thời hạn sử dụng đất là 50 năm, thì doanh nghiệp được ghi nhận quyền sử dụng đất là TSCĐ vô hình và trích khấu hao trong thời hạn nêu trên. **(CV số 878/TCT-PCCS ngày 10/3/2006).**

16. **Chi phí sản xuất, kinh doanh:** Chuẩn mực kế toán về TSCĐ vô hình đã qui định, chi phí phát sinh đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho doanh nghiệp gồm chi phí thành lập doanh nghiệp; chi phí đào tạo nhân viên và chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của doanh nghiệp mới thành lập; chi phí cho giai đoạn nghiên cứu; chi phí chuyển dịch địa điểm được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, hoặc được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn tối đa không quá 03 năm. **(CV số 839/TCT-PCCS ngày 09/3/2006).**

17. **Trích lập các khoản dự phòng:** Ngày 27/02/2006, Bộ Tài chính đã ban hành TT số 13/2006/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Theo TT, căn cứ vào biến động thực tế về giá hàng tồn kho, giá chứng khoán, giá trị các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và cam kết bảo hành sản phẩm, hàng hoá, doanh nghiệp chủ động xác định mức trích lập, sử dụng từng khoản dự phòng đúng mục đích. Trong đó, mức trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo công thức sau: Mức dự phòng giảm giá vật tư hàng hóa bằng Lượng vật tư hàng hóa thực tế tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính nhân với Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán trừ đi Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá thì không được trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó;

Đối với dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính thì, doanh nghiệp phải lập dự phòng riêng cho từng loại chứng khoán đầu tư, có biến động giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được tổng hợp vào bảng kê chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư, làm căn cứ hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp;

Riêng đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng sẽ là 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng - dưới 01 năm, 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm - dưới 02 năm, và 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm - dưới 03 năm. **(TT số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006).**

18. **Kỳ kế toán:** Luật Kế toán qui định, trường hợp kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng có thời gian ngắn hơn 90 ngày, thì được phép cộng với kỳ kế toán năm tiếp theo hoặc cộng với kỳ kế toán năm trước đó để hình thành một kỳ kế toán năm. Kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng phải ngắn hơn 15 tháng.

Cũng theo Luật Kế toán thì, đơn vị kế toán chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động hoặc phá sản, thì kỳ kế toán cuối cùng tính từ đầu ngày kỳ kế toán năm, kỳ kế toán quý, kỳ kế toán tháng đến hết ngày trước ngày ghi trên QĐ chia, tách, hợp nhất...đơn vị kế toán có hiệu lực. **(CV số 649/TCT-PCCS ngày 21/02/2006).**

19. **Tỷ giá hối đoái:** Theo Luật Kế toán thì, đơn vị kế toán chủ yếu thu, chi bằng ngoại tệ được chọn một loại ngoại tệ do Bộ Tài chính qui định làm đơn vị tiền tệ để kiểm toán. Nhưng khi lập báo cáo tài chính sử dụng tại Việt Nam phải qui đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập báo cáo tài chính.

Căn cứ qui định trên, khi doanh nghiệp sử dụng ngoại tệ làm đơn vị tiền tệ để kiểm toán thì số dư cuối kỳ kế toán năm trước và số dư cuối kỳ kế toán năm nay được qui đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập báo cáo tài chính. **(CV số 646/TCT-PCCS ngày 21/02/2006).**

20. **04 Chuẩn mực kiểm toán đợt VII:** Ngày 29/12/2005, Bộ Tài chính ban hành QĐ số 101/2005/QĐ-BTC về 04 Chuẩn mực kiểm toán (đợt VII).

Chuẩn mực kiểm toán đợt này gồm Chuẩn mực 260 – Trao đổi các vấn đề quan trọng trong phát sinh khi kiểm toán và Ban lãnh đạo đơn vị được kiểm toán; Chuẩn mực 330 - Thủ tục kiểm toán trên cơ sở đánh giá rủi ro; Chuẩn mực 505 – Thông tin xác nhận từ bên ngoài; Chuẩn mực 545 - Kiểm toán việc xác định và trình bày giá trị hợp lý.

Những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam được ban hành trên đây áp dụng đối với dịch vụ kiểm toán độc lập báo cáo tài chính; Dịch vụ kiểm toán các thông tin tài chính khác và Dịch vụ liên quan của công ty kiểm toán được áp dụng theo qui định cụ thể của từng Chuẩn mực. Kiểm toán viên và công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có trách nhiệm triển khai thực hiện các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam đã ban hành trong hoạt động của mỗi công ty. **(QĐ số 101/2005/QĐ-BTC ngày 29/12/2005).**

21. **04 Chuẩn mực kế toán đợt V:** 04 Chuẩn mực kế toán đợt này đã được Bộ Tài chính ban hành và công bố tại QĐ số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005.

Nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tài chính, nâng cao chất lượng thông tin kế toán cung cấp trong nền kinh tế quốc dân, và để kiểm tra, kiểm soát chất lượng công tác kế toán, Bộ đã ban hành Chuẩn mực số 11 - Hợp nhất kinh doanh; Chuẩn mực số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm năng; Chuẩn mực số 19 - Hợp đồng bảo hiểm; Chuẩn mực số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

04 Chuẩn mực kế toán đã ban hành áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế trong cả nước. Sau khi QĐ có hiệu lực, các chế độ kế toán cụ thể phải căn cứ vào 04 Chuẩn mực kế toán này để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. **(QĐ số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005).**

ĐẦU TƯ

1. **Ưu đãi thuế TNDN:** Trường hợp cơ sở kinh doanh đang được hưởng ưu đãi đầu tư cho dự án mới thành lập, sau đó đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất mới, thì cơ sở kinh doanh có thể lựa chọn một trong hai hình thức

ưu đãi: cơ sở kinh doanh có thể gộp phần thu nhập từ hoạt động đầu tư mở rộng vào cùng thu nhập của hoạt động đang được ưu đãi miễn/giảm thuế để ưu đãi miễn/giảm thuế và thuế suất ưu đãi hiện hành đang áp dụng cho thời gian ưu đãi còn lại; hoặc hạch toán riêng phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại để xác định số thuế TNDN được miễn/giảm. **(CV số 2233/TCT-PCCS ngày 23/6/2006).**

2. **Ưu đãi thuế TNDN đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập:** Cơ sở kinh doanh mới thành lập có các hoạt động tư vấn đầu tư kinh doanh, quản trị kinh doanh thuộc hoạt động tư vấn pháp luật nằm trong danh mục ngành nghề được ưu đãi đầu tư, thì được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế theo qui định của Bộ Tài chính.

Trường hợp, công ty mới thành lập đó có thu nhập từ các hoạt động kinh doanh khác thì phải theo dõi hạch toán riêng, và kê khai nộp thuế theo luật định. **(CV số 2144/TCT-PCCS ngày 16/6/2006).**

3. **Thuế cơ sở kinh doanh mới thành lập:** Trường hợp, một Công ty liên doanh hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH, nhưng người đại diện theo pháp luật hoặc người có số vốn góp cao nhất trong cơ sở kinh doanh này đã tham gia hoạt động kinh doanh với vai trò là người đại diện theo pháp luật của một cơ sở kinh doanh khác đang hoạt động, thì Công ty liên doanh này không được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo diện cơ sở kinh doanh mới thành lập. **(CV số 2088/TCT-PCCS ngày 13/6/2006).**

4. **Thuế suất thuế TNDN:** Đối với dự án đầu tư mở rộng Khu công nghiệp thuộc Danh mục A và thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục B, thì được hưởng thuế suất thuế TNDN là 15% áp dụng trong thời hạn 12 năm, kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh; và được miễn thuế 03 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. **(CV số 1792/TCT-PCCS ngày 23/5/2006).**

5. **Miễn/giảm thuế TNDN:** Các đơn vị mới thành lập, có mức xuất khẩu đạt giá trị trên 50% tổng giá trị hàng hoá sản xuất, kinh doanh, thì ngoài việc được hưởng ưu đãi miễn/giảm thuế TNDN theo điều kiện ngành, nghề, lĩnh vực ưu đãi đầu tư, còn được giảm thêm 20% số thuế TNDN phải nộp từ doanh thu xuất khẩu mang lại.

Số thuế TNDN được giảm do xuất khẩu được trừ vào số thuế TNDN còn phải nộp sau khi loại trừ số thuế đã được miễn/giảm theo ngành nghề ưu đãi đầu tư, nhưng tổng số thuế TNDN được miễn/giảm tối đa không lớn hơn số thuế TNDN phải nộp phát sinh trong kỳ. **(CV số 1706/TCT-PCCS ngày 15/5/2006).**

6. **Ưu đãi đầu tư:** Theo QĐ số 102/2006/QĐ-TTg ngày 15/5/2006 của Chính phủ thì, từ nay đến năm 2010 sẽ hình thành được Khu kinh tế Nghi Sơn (Thanh Hoá) với môi trường đầu tư và kinh doanh đặc biệt thuận lợi, cơ chế, chính sách thông thoáng nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và sản xuất, kinh doanh.

Các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Nghi Sơn được hưởng các chính sách ưu đãi áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và chính sách áp dụng cho các khu kinh tế khác. Đồng thời, tất cả các dự án đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong Khu kinh tế Nghi Sơn được hưởng mức thuế suất thuế TNDN 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh; được miễn thuế TNDN 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế; và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. **(QĐ số 102/2006/QĐ-TTg ngày 15/5/2006).**

7. **Ưu đãi đầu tư:** Những cơ sở sản xuất, kinh doanh ngoài dự án đầu tư vào ngành, nghề, địa bàn kinh doanh được hưởng ưu đãi đầu tư, mà còn có hoạt động kinh doanh vào các ngành, nghề, địa bàn kinh doanh khác thì phải theo dõi hạch toán riêng phần thu nhập chịu thuế của ngành, nghề, địa bàn kinh doanh được hưởng ưu đãi đầu tư với phần thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp kinh doanh vào các ngành, nghề, địa bàn kinh doanh khác để kê khai nộp thuế TNDN riêng theo đúng các mức thuế suất qui định với từng ngành, nghề, địa bàn mà cơ sở có kinh doanh. **(CV số 1223/TCT-PCCS ngày 06/4/2006).**

8. **Thuế doanh nghiệp cổ phần hoá:** Các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hoá sẽ được hưởng ưu đãi về thuế theo qui định của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, như đối với doanh nghiệp thành lập mới mà không cần phải làm thủ tục cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư. **(CV số 1000/TCT-DNK ngày 20/3/2006).**

9. **Thuế Công ty TNHH 1 thành viên:** Một Công ty thành lập một công ty khác dưới hình thức Công ty TNHH 1 thành viên, mà có cùng địa điểm kinh doanh, cùng người đại diện theo pháp luật - việc thành lập Công ty TNHH 1 thành viên được hình thành trên cơ sở tách một phần vốn từ Công ty chủ sở hữu, mặc dù có tư cách pháp nhân riêng biệt nhưng không độc lập hoàn toàn trong sản xuất kinh doanh. Điều đó có nghĩa, Công ty TNHH 1 thành viên mới thành lập đó không đủ điều kiện để được xét miễn giảm thuế TNDN theo diện cơ sở sản xuất mới thành lập. Tuy nhiên, sẽ được xét miễn giảm thuế TNDN theo mức và thời gian áp dụng như doanh nghiệp có đầu tư mở rộng. **(CV số 555/TCT-DNK ngày 14/02/2006).**

10. **Ưu đãi thuế TNDN trong khu công nghiệp:** Cơ sở sản xuất mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện trong Khu công nghiệp, được miễn thuế TNDN 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

Trường hợp mức ưu đãi về thuế TNDN ghi trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư thấp hơn mức ưu đãi về thuế TNDN mà Bộ Tài chính đã qui định (tại TT 88/2004/TT-BTC_01/9/2004), thì cơ sở kinh doanh được hưởng các mức ưu đãi về thuế TNDN theo hướng dẫn của Bộ Tài chính cho khoảng thời gian ưu đãi còn lại. **(CV số 458/TCT-ĐTN ngày 07/02/2006).**

11. Chỉ được hưởng ưu đãi thuế nếu được cấp Giấy phép đầu tư trước 01/01/2004: Doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng, đầu tư phát triển nhà ở chỉ tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế TNDN bao gồm cả thuế thu nhập từ chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền thuê đất nếu vẫn còn thời gian hưởng ưu đãi theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy phép đầu tư được cấp trước 01/01/2004. Do đó, các dự án đầu tư trong lĩnh vực trên nhưng không được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy phép đầu tư trước 01/01/2004 thì sẽ không được hưởng ưu đãi. **(CV số 4720/TCT-PCCS ngày 28/12/2005).**
12. Dự án đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất được hưởng chế độ ưu đãi đầu tư tối đa: Dự án đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất được hưởng các ưu đãi tối đa về thuế TNDN, thuế TNCN, thuế GTGT, thuế TTDB, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, v.v.. dành cho dự án đầu tư ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và khu kinh tế. Riêng đối với các dự án thuộc các lĩnh vực công nghệ cao sẽ được hưởng mức thuế suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án. **(TT số 119/TT-BTC ngày 22/12/2005).**

LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

1. Bình quân tiền lương tính lương hưu: Đối với người lao động làm việc theo các loại hợp đồng lao động qui định tại Bộ luật Lao động ở các Công ty nhà nước chuyển thành Công ty cổ phần, Công ty TNHH nhà nước 1 thành viên, Công ty TNHH nhà nước 2 thành viên trở lên, khi nghỉ hưu được lấy mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 05 năm cuối để làm cơ sở tính hưởng lương hưu, nếu được áp dụng thang/bảng lương do nhà nước qui định; thực hiện chuyển xếp, nâng bậc/ngạch lương theo qui định của nhà nước và đóng BHXH trên cơ sở mức lương này. **(CV số 2040/LĐTBXH-BHXXH ngày 16/6/2006).**
2. Hướng dẫn xếp lương: Trong khu vực sản xuất, kinh doanh, nguyên tắc xếp lương và trả lương căn cứ vào công việc, chức vụ đảm nhận. Làm công việc gì, giữ chức vụ gì thì xếp lương và trả lương theo công việc đó, chức vụ đó. Khi thay đổi công việc, chức vụ thì xếp lại lương theo công việc mới, chức vụ mới, không bảo lưu mức lương theo công việc, chức vụ cũ. **(CV số 2009/LĐTBXH-TL ngày 15/6/2006).**
3. Thời gian thử việc: Căn cứ theo Bộ luật Lao động, thử việc là thời gian xem xét về trình độ tay nghề, thái độ trách nhiệm và tinh thần làm việc của người lao động để phù hợp với các qui định và yêu cầu của doanh nghiệp. Do vậy, thời gian thử việc không được quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ trung cấp, công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ; không được quá 06 ngày đối với những lao động khác. Theo đó, đối với công việc đòi hỏi trình độ tay nghề cao, kỷ luật lao động chặt chẽ thì thời gian thử việc càng dài. **(CV số 1926/LĐTBXH-TL ngày 08/6/2006).**
4. Chính sách BHXH: BHXH bắt buộc được áp dụng đối với doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức sử dụng lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 03 tháng trở lên và hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn dưới 03 tháng, thì các khoản BHXH được tính vào tiền lương do người sử dụng lao động trả, để người lao động tham gia BHXH theo loại hình tự nguyện hoặc tự lo liệu về bảo hiểm. **(CV số 1859/LĐTBXH-BHXXH ngày 02/6/2006).**

Nếu thời gian thử việc là hợp đồng lao động riêng, sau đó ký hợp đồng lao động chính thức có thời hạn từ 03 tháng trở lên thì hai bên – người sử dụng lao động và người lao động, phải tham gia BHXH bắt buộc từ ngày ký kết hợp đồng lao động chính thức, còn thời gian thử việc không phải đóng BHXH. **(CV số 1855/LĐTBXH-BHXXH ngày 02/6/2006).**
5. Khấu trừ tiền lương nộp thuế thu nhập: Mức khấu trừ dân không quá 30% tiền lương hàng tháng của người lao động chỉ áp dụng trong trường hợp người lao động tạm ứng tiền của doanh nghiệp, hoặc phải bồi thường thiệt hại vật chất theo qui định của pháp luật lao động.

Khoản khấu trừ tiền lương để nộp thuế thu nhập cao của người lao động được tính trên số tiền lương hàng tháng - không bao gồm tiền thưởng và phụ cấp không có tính chất lương, mà người lao động nhận được sau khi đóng BHXH, BHYT và nộp thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao - nếu có. Vì vậy, các khoản khấu trừ khác ngoài quan hệ lao động không thuộc phạm vi áp dụng mức khấu trừ trên. **(CV số 1741/LĐTBXH-TL ngày 24/5/2006).**
6. Cổ phần ưu đãi giảm giá: Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm QĐ cổ phần hoá được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước, với giá giảm 40% so với giá đầu bình quân bán cho nhà đầu tư khác. **(CV số 1728/LĐTBXH-LĐVL ngày 24/5/2006).**
7. Chế độ BHXH đ/v người lao động: Người lao động làm việc trong các công ty nhà nước chuyển thành công ty cổ phần, khi nghỉ hưu được lấy mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 05 năm cuối cùng làm cơ sở tính hưởng lương hưu, nếu được áp dụng và thang bảng lương và đăng ký theo qui định của Nhà nước; thực hiện chuyển xếp, nâng bậc, ngạch lương và đóng BHXH trên cơ sở mức lương Nhà nước qui định.

Đối với người lao động vừa có/ vừa không có thời gian đóng BHXH theo tiền lương trong hệ thống thang bảng lương do Nhà nước qui định thì tính bình quân gia quyền các mức tiền lương tháng làm cơ sở đóng BHXH chung của các thời gian để tính lương hưu. **(CV số 1652/LĐTBXH-BHXXH ngày 17/5/2006).**
8. Đơn giá tiền lương: Đối với các công ty nhà nước, khi áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm để xây dựng đơn giá tiền lương phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện về nộp ngân sách nhà nước, lợi nhuận và mức tăng năng suất

lao động. Trong đó, mức tăng tiền lương bình quân phải thấp hơn mức tăng năng suất lao động bình quân của công ty.

Trong trường hợp Nhà nước điều chỉnh mức lương tối thiểu chung thì khi tiếp nhận, xem xét bản đăng ký đơn giá tiền lương của các công ty có thể xem xét, loại trừ các yếu tố không đồng nhất khi so sánh với mức tăng tiền lương và mức tăng năng suất lao động. **(CV số 1598/LĐTBXH-TL ngày 15/5/2006).**

9. **Chế độ đ/v lao động làm thêm giờ:** Đối với người lao động làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc quốc tế tại Việt Nam thì, đối với người lao động trả lương theo thời gian nếu làm thêm ngoài giờ tiêu chuẩn được trả lương làm thêm ít nhất bằng 150% tiền lương giờ thực trả của công việc đang làm, nếu làm thêm vào ngày thường; ít nhất bằng 200% nếu làm thêm vào ngày nghỉ hàng tuần; ít nhất bằng 300% nếu làm thêm vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương.

Trường hợp làm thêm giờ được bố trí nghỉ bù những giờ làm thêm thì doanh nghiệp, cơ quan chỉ phải trả phần chênh lệch bằng 50% tiền lương giờ thực trả của công việc đang làm, nếu làm thêm giờ vào ngày bình thường; 100% nếu làm thêm giờ vào ngày nghỉ hàng tuần; 200% nếu làm thêm giờ vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương. **(CV số 1533/LĐTBXH-TL ngày 10/5/2006).**

10. **Chế độ tiền lương của công ty cổ phần:**

Các Doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi sang Công ty cổ phần được vận dụng các qui định như Công ty nhà nước để xây dựng đơn giá tiền lương, xác định quỹ tiền lương kế hoạch của HĐQT, Tổng Giám đốc, Giám đốc và đăng ký với Hội đồng quản trị Tổng công ty, Công ty, đồng thời thông báo cho Sở LĐTBXH biết để theo dõi, kiểm tra.

Khi vận dụng, các thông số làm cơ sở để xác định đơn giá tiền lương và quỹ lương kế hoạch của HĐQT, Tổng giám đốc, Giám đốc công ty được tính như đối với Công ty nhà nước. Do đó, hệ số phụ cấp trách nhiệm công việc của thành viên không chuyên trách HĐQT cũng được hạch toán vào giá thành hoặc chi phí kinh doanh của doanh nghiệp. **(CV số 1468/LĐTBXH-TL ngày 04/5/2006).**

Công ty cổ phần không thuộc đối tượng bắt buộc phải xây dựng đơn giá tiền lương như Công ty nhà nước. Các công ty này được tự quyền xây dựng đơn giá tiền lương và trả lương cho người lao động hoặc vận dụng các qui định như Công ty nhà nước để xây dựng đơn giá tiền lương.

Khi vận dụng phải thực hiện xây dựng đúng việc xây dựng đơn giá tiền lương như Công ty nhà nước và đăng ký với HĐQT Tổng công ty, Công ty, đồng thời thông báo cho Sở LĐTBXH. **(CV số 1467/LĐTBXH-TL ngày 04/5/2006).**

11. **Chuyển xếp lương khi lên ngạch:** Trong công ty nhà nước, đối với viên chức đang hưởng lương bậc 4/8 hoặc bậc 5/8, ngạch chuyển viên thì xếp vào bậc 1/6 ngạch chuyên viên chính. Thời gian nâng bậc lương lần sau tính từ ngày hưởng lương bậc 1/6 ngạch chuyên viên chính.

Đối với viên chức đang hưởng lương bậc 6/8, bậc 7/8 hoặc bậc 8/8 ngạch chuyên viên thì xếp vào bậc 1/6, bậc 2/6 hoặc bậc 3/6 ngạch chuyên viên chính. Thời gian nâng bậc lương lần sau tính từ ngày hưởng lương bậc 6/8, bậc 7/8 hoặc bậc 8/8 ngạch chuyên viên. **(CV số 1406/LĐTBXH-TL ngày 28/4/2006).**

12. **Nội qui lao động:** Theo Luật định, doanh nghiệp sử dụng từ 10 lao động trở lên phải có nội qui lao động và đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước về lao động địa phương, nơi có trụ sở chính của doanh nghiệp.

Khi áp dụng hình thức sa thải đối với đối tượng ký kết hợp đồng lao động, doanh nghiệp phải thực hiện theo qui định của Bộ luật Lao động – đó là khi người lao động gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của doanh nghiệp, hoặc đã bị xử phạt bằng hình thức kỷ luật mà tái phạm. **(CV số 1029/LĐTBXH-LĐVL ngày 29/3/2006).**

13. **Mức lương trong doanh nghiệp FDI:** Chính phủ đã qui định, đối với doanh nghiệp FDI mà hoạt động trên địa bàn các quận nội thành Tp Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh thì mức lương tối thiểu áp dụng là 870.000 đồng/tháng; hoạt động trên các huyện ngoại thành của 2 thành phố này thì mức lương tối thiểu là 790.000 đồng/tháng.

Nếu người lao động làm công việc xếp, dỡ hàng hoá thủ công – nâng, vác, đặt bằng tay thì đó là công việc có điều kiện lao động nặng nhọc. Do đó, theo nguyên tắc, người lao động làm việc nặng nhọc thì tiền lương phải cao hơn so với người lao động làm công việc giản đơn trong điều kiện lao động bình thường. **(CV số 1005/LĐTBXH-TL ngày 28/3/2006).**

14. **Tiền lương làm đêm:** Căn cứ theo Bộ luật Lao động, thời giờ làm việc từ 21 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau được coi là giờ làm việc ban đêm.

Người lao động làm việc vào ban đêm được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương, hoặc tiền lương của công việc đang làm vào ban ngày. **(CV số 1004/LĐTBXH-TL ngày 28/3/2006).**

15. **Xếp lương cho người lao động:** Đối với doanh nghiệp nhà nước, cơ sở xếp lương cho người lao động dựa trên nguyên tắc làm công việc gì, xếp lương theo công việc đó; giữ chức vụ gì, xếp lương theo chức vụ đó hoặc phụ cấp giữ chức vụ đó trên cơ sở tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật công nhân; tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ viên chức, nhân viên; tiêu chuẩn xếp hạng công ty.

Tuy nhiên, theo chính sách tiền lương và BHXH chưa đồng bộ, trong đó chính sách BHXH qui định khi người lao động nghỉ hưu thì được lấy mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 05 năm cuối cùng làm cơ sở hưởng lương hưu. Vì vậy, việc xếp lương và nâng bậc lương đối với những người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện theo tuần tự, theo thâm niên. **(CV số 905/LĐTBXH-TL ngày 21/3/2006).**

16. **Tiền lương làm thêm giờ:** Bộ luật Lao động qui định, người lao động được nghỉ làm việc và hưởng nguyên lương vào 08 ngày lễ/năm. Nếu ngày nghỉ lễ trùng vào ngày nghỉ hàng tuần thì người lao động được nghỉ bù vào ngày tiếp theo;

Đồng thời, nếu người lao động làm thêm giờ vào ngày nghỉ hàng tuần thì được trả lương ít nhất bằng 200% đơn giá tiền lương, hoặc tiền lương của công việc đang làm; vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương thì ít nhất bằng 300% đơn giá tiền lương hoặc tiền lương của công việc đang làm. **(CV số 871/LĐTBXH-TL ngày 17/3/2006).**

17. **Chế độ trả lương:**

- *Trong công ty nhà nước:* Căn cứ theo Bộ luật lao động và những ND hướng dẫn của Chính phủ về hệ số mức lương theo thang/bảng lương, mức lương tối thiểu do nhà nước định làm cơ sở để doanh nghiệp xếp lương, xác định đơn giá tiền lương, thực hiện chế độ BHXH, BHYT và các chế độ khác theo qui định của pháp luật lao động. **(CV số 806/LĐTBXH-TL ngày 14/3/2006);**

- *Trong công ty cổ phần:* Công ty cổ phần không thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng hệ thống thang/bảng lương qui định đối với công ty nhà nước. Các công ty này được quyền tự xây dựng thang/bảng lương hoặc vận dụng hệ thống thang/bảng lương do nhà nước qui định đối với công ty nhà nước làm cơ sở xếp lương, trả lương cho người lao động. **(CV số 805/LĐTBXH-TL ngày 14/3/2006);**

Đối với cả hai loại hình doanh nghiệp này thì, việc trả lương cho người lao động do công ty QĐ căn cứ vào công việc được giao, chức vụ đảm nhận, năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh và qui chế trả lương của công ty.

- *Trong doanh nghiệp FDI* - Nếu trường hợp doanh nghiệp tự xây dựng thang lương, bảng lương mà không xây dựng mức lương của nghề hoặc công việc độc hại, nguy hiểm và đặc biệt độc hại, nguy hiểm, thì doanh nghiệp phải qui định phụ cấp độc hại, nguy hiểm hoặc vận dụng mức phụ cấp độc hại, nguy hiểm theo hướng dẫn của Bộ LĐTBXH để trả cho người lao động.

Nhà nước qui định mức lương tối thiểu là mức sàn thấp nhất, áp dụng để trả công cho lao động làm việc đơn giản nhất, trong điều kiện lao động bình thường. Còn mức lương của các lao động khác áp dụng theo thang lương, bảng lương do doanh nghiệp tự xây dựng, hoặc do hai bên thoả thuận theo hợp đồng lao động. **(CV số 800/LĐTBXH-TL ngày 14/3/2006).**

18. **Chế độ nghỉ đ/v lao động nữ:** Về chế độ nghỉ chăm sóc con ốm của lao động nữ, theo Bộ LĐTBXH thì, người lao động có con thứ nhất, con thứ hai, kể cả con nuôi dưới 07 tuổi bị ốm, có yêu cầu của tổ chức y tế phải nghỉ việc để chăm sóc con ốm, sẽ được hưởng trợ cấp BHXH.

Những trường hợp con bị ốm đau mà có cả bố và mẹ đều tham gia BHXH, thì chỉ một người được hưởng trợ cấp BHXH trong thời gian nghỉ việc để chăm con. **(CV số 802/LĐTBXH-BHXH ngày 14/3/2006).**

19. **Hợp đồng lao động (HĐLĐ):** Theo qui định của Bộ luật lao động về hiệu lực của HĐLĐ, nếu người lao động đi làm một thời gian, sau đó mới ký HĐLĐ thì ngày có hiệu lực của HĐLĐ là ngày người lao động bắt đầu làm việc.

Cũng theo Bộ luật lao động, BHXH bắt buộc áp dụng đối với doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức sử dụng lao động làm việc theo HĐLĐ có thời hạn từ đủ 03 tháng trở lên và HĐLĐ không xác định thời hạn;

Đối với người lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 03 tháng, thì các khoản BHXH bắt buộc được tính vào tiền lương do người sử dụng lao động trả theo qui định của Chính phủ, để người lao động tham gia BHXH theo loại hình tự nguyện hoặc tự lo liệu về BHXH. Khi hết hạn HĐLĐ mà người lao động tiếp tục làm việc hoặc giao kết HĐLĐ mới thì áp dụng chế độ BHXH bắt buộc. **(CV số 748/LĐTBXH-BHXH ngày 10/3/2006).**

20. **Hợp đồng lao động:** Theo những qui định hiện hành về Hợp đồng lao động thì, việc áp dụng loại Hợp đồng lao động nào là do người sử dụng lao động và người lao động thoả thuận, căn cứ vào thời hạn của công việc. **(CV số 682/LĐTBXH-LĐVL ngày 07/3/2006).**

21. **Đối tượng áp dụng chế độ thường an toàn:** Công nhân, nhân viên, viên chức quản lý, vận hành hệ thống điện có cấp điện áp dưới 110KV thì được hưởng chế độ thường an toàn mức 15% tiền lương cấp bậc, chức vụ. **(CV số 624/LĐTBXH-TL ngày 28/02/2006).**

22. **Phụ cấp độc hại, nguy hiểm:** Đối với cán bộ, công chức, viên chức, những người đang trong thời gian tập sự, thử việc thuộc biên chế trong ngành văn hoá – thông tin sẽ có chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm và bồi dưỡng bằng hiện vật. Đó là nội dung của TT số 26/2006/TT-BVHTT ban hành ngày 21/02/2006.

Có 03 mức phụ cấp, với hệ số 0,20, 0,30 và 0,40 ứng với mỗi ngành nghề. Phụ cấp độc hại, nguy hiểm được tính theo thời gian thực tế làm việc tại nơi có các yếu tố độc hại, nguy hiểm. Nếu làm việc dưới 04 giờ/ngày thì được tính bù ½ ngày làm việc; nếu làm việc từ 04 giờ trở lên thì được tính cả ngày làm việc.

Phụ cấp độc hại, nguy hiểm được trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ BHXH. *(TT số 26/2006/TT-BVHTT ban hành ngày 21/02/2006).*

23. Điều lệ BHXH: Điều lệ BHXH đã qui định, hàng tháng, người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng bằng 15% so với tổng quỹ tiền lương của những người tham gia BHXH trong đơn vị, và người lao động đóng 5% tiền lương tháng của từng người. *(CV số 530/LĐTBXH-TL ngày 21/02/2006).*

24. Đơn giá tiền lương năm 2006: Bộ LĐTBXH ban hành CV số 366/LĐTBXH-TL ngày 07/02/2006, hướng dẫn việc triển khai xây dựng đơn giá tiền lương năm 2006 trong các công ty nhà nước.

Bộ yêu cầu các công ty nhanh chóng xây dựng và đăng ký đơn giá tiền lương, xây dựng quỹ tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc cho năm 2006 này. Trong khi chưa có QĐ chính thức về đơn giá tiền lương, căn cứ vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh, các công ty tạm ứng đơn giá tiền lương tối đa không quá 80% mức đơn giá tiền lương năm 2005 để trả cho người lao động; Đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc được tạm ứng tối đa không quá 80% mức tiền lương thực tế năm 2005. *(CV số 366/LĐTBXH-TL ngày 07/02/2006).*

25. Tiền lương làm thêm giờ trong doanh nghiệp FDI: Đối với lao động làm việc trong doanh nghiệp FDI, nếu doanh nghiệp yêu cầu làm thêm giờ vào ngày lễ trùng với ngày nghỉ trong tuần, ngày nghỉ bù thì: (i) đối với ngày nghỉ bù, người sử dụng lao động sẽ phải trả 100% tiền lương cho thời gian nghỉ lễ được hưởng nguyên lương và ít nhất bằng 200% đơn giá tiền lương hoặc tiền lương của công việc đang làm; (ii) đối với ngày nghỉ hàng tuần, thì tiền lương trả cho người lao động sẽ ít nhất bằng 200% đơn giá tiền lương hoặc tiền lương của công việc đang làm. *(CV số 347/LĐTBXH-TL ngày 06/02/2006).*

26. Lương ngừng việc: Bộ luật Lao động qui định, trường hợp phải ngừng việc vì nguyên nhân bất khả kháng, không do lỗi của người sử dụng lao động thì tiền lương do hai bên thoả thuận, nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu. *(CV số 343/LĐTBXH-TL ngày 06/02/2006).*

27. Giấy phép lao động của người nước ngoài: Chính phủ đã qui định, người nước ngoài là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của các doanh nghiệp được thành lập theo qui định của pháp luật Việt Nam thì không phải xin cấp Giấy phép lao động. *(CV số 280/LĐTBXH-LĐVL ngày 24/01/2006).*

28. Triển khai ND số 03/2006/ND-CP: Bộ LĐTBXH tiếp tục ban hành CV số 190/LĐTBXH-TL ngày 17/01/2006, hướng dẫn chi tiết thi hành ND số 03/2006/ND-CP_06/01/2006.

Theo Bộ, lao động đã qua học nghề là lao động học nghề từ 01 – 03 năm, được cấp bằng nghề, bằng trung học nghề, bằng trung cấp hoặc cao đẳng nghề. Học nghề dưới 01 năm được cấp chứng chỉ nghề hoặc học nghề tại doanh nghiệp;

Các chế độ không được xoá bỏ hoặc cắt giảm là các chế độ được pháp luật lao động qui định về tiền lương trả khi làm thêm giờ, tiền lương làm ban đêm, tiền lương hoặc phụ cấp làm việc trong điều kiện lao động nặng nhọc/độc hại,... Còn đối với các khoản phụ cấp, trợ cấp, tiền thưởng do doanh nghiệp qui định thì thực hiện theo thoả thuận trong hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể hoặc trong qui chế của doanh nghiệp. *(CV số 190/LĐTBXH-TL ngày 17/01/2006).*

29. Mức lương tối thiểu trong doanh nghiệp FDI: Chính phủ vừa ban hành ND số 03/2006/ND-CP ngày 06/01/2006, QĐ mức lương tối thiểu đối với lao động Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế và cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam.

Kể từ ngày 01/02/2006, đối với các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn các quận thuộc thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh, mức lương sẽ là 870.000 đồng /tháng; mức lương 790.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn huyện thuộc thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh; các quận thuộc thành phố Hải Phòng, Hạ Long, Quảng Ninh, Biên Hoà, Vũng Tàu;... Trên các địa bàn còn lại sẽ áp dụng mức lương 710.000 đồng/tháng.

ND cũng qui định, mức tiền lương thấp nhất trả cho người lao động đã qua học nghề (kể cả do doanh nghiệp tự dạy nghề) phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu đã nêu ở trên.

Sau ND 03/2006/ND-CP, Bộ LĐTBXH đã ban hành CV số 120/LĐTBXH-TL ngày 11/01/2006, hướng dẫn chi tiết việc triển khai thực hiện ND này. *(CV số 120/LĐTBXH-TL ngày 11/01/2006).*

30. Định mức lao động trong công ty nhà nước: Theo qui định, hàng năm, doanh nghiệp phải đánh giá tình hình thực hiện định mức lao động - nếu mức thực tế thực hiện của người lao động thấp hơn 5% hoặc cao hơn 15% so với mức được giao thì phải điều chỉnh cho phù hợp.

Định mức lao động tổng hợp xây dựng theo phương pháp trên đơn vị sản phẩm và được xác định trên cơ sở các định mức lao động chi tiết, hoặc phương pháp định biên được xác định từ định biên cho từng bộ phận công nghệ, phục vụ, phụ trợ, lao động quản lý và thời gian làm việc theo chế độ qui định. Vì vậy, để xác định mức lao động thực tế phải xuất phát từ việc khảo sát, đánh giá, phân tích tình hình thực hiện mức lao động chi tiết, từ định biên của từng bộ phận, trong đó loại trừ các yếu tố không đồng nhất hoặc phải bổ sung những yếu tố chưa tính đến khi xây định mức. Người định mức khác người thực tế sử dụng. *(CV số 82/LĐTBXH-TL ngày 09/01/2006).*

31. **Bảo lưu thời gian đóng BHXH:** Người lao động nghỉ việc nhưng chưa đủ tuổi để hưởng chế độ hưu trí, mà đã có 20 năm đóng BHXH thì, nếu là trường hợp nghỉ chờ đến khi đủ tuổi hưởng chế độ hưu trí hàng tháng thì người lao động có đơn tự nguyện chờ giải quyết chế độ hưu trí, đơn vị lập hồ sơ như người nghỉ hưu trí gửi đến cơ quan BHXH quản lý, theo dõi và giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng khi đủ tuổi đời;
- Nếu người lao động không có nguyện vọng nghỉ chờ để giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng thì cơ quan BHXH xác nhận trong sổ BHXH thời gian đã đóng BHXH và giao cho người lao động quản lý, để nếu người lao động tiếp tục làm việc thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc thì tiếp tục đóng, hoặc sau 06 tháng không tiếp tục làm việc mà có đơn tự nguyện thì cơ quan BHXH nơi cư trú giải quyết trợ cấp 01 lần. **(CV số 34/LĐTBXH-BHXH ngày 04/01/2006).**
32. **Chế độ tiền lương trong công ty cổ phần:** Chính phủ đã qui định, công ty cổ phần không thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương qui định đối với công ty nhà nước. Các công ty này được quyền tự xây dựng thang lương, bảng lương; hoặc vận dụng hệ thống thang lương, bảng lương do Nhà nước qui định đối với công ty nhà nước làm cơ sở xếp lương, trả lương cho người lao động.
- Nếu công ty cổ phần áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương Nhà nước, thực hiện đúng việc chuyển xếp lương, nâng bậc, nâng ngạch lương, xếp hạng doanh nghiệp và đóng BHXH trên cơ sở ở mức lương theo thang lương, bảng lương Nhà nước qui định, thì khi người lao động nghỉ hưu sẽ được lấy mức lương bình quân tiền lương đóng BHXH của 05 năm cuối cùng làm cơ sở tính hưởng lương hưu. **(CV số 4503/LĐTBXH-TL ngày 30/12/2005).**
33. **An toàn, vệ sinh lao động:** Bộ LĐTBXH ban hành TT số 37/2005/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2005, hướng dẫn công tác huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động. Áp dụng đối với người lao động, người sử dụng lao động, quản lý... tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; hộ sản xuất, kinh doanh cá thể; cả đơn vị sự nghiệp; các tổ chức, đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;...
- Người sử dụng lao động chịu trách nhiệm tổ chức huấn luyện cho người lao động thuộc cơ sở quản lý; người lao động hành nghề tự do do cơ sở thuê mướn, sử dụng. Sau khi huấn luyện với thời gian tối thiểu là 02 ngày, kiểm tra sát hạch đạt yêu cầu, người lao động phải ký vào sổ theo dõi công tác huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động. Sau đó, người sử dụng lao động cấp thẻ an toàn lao động cho người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động.
- Thời gian huấn luyện của người lao động được tính là thời giờ làm việc và được hưởng đầy đủ tiền lương và các quyền lợi khác, trừ người lao động tự do. **(TT số 37/2005/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2005).**
34. **Chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc:** Theo Bộ LĐTBXH, trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp, chuyển quyền sở hữu, quyền quản lý hoặc quyền sử dụng tài sản của doanh nghiệp, thì người sử dụng lao động kế tiếp phải chịu trách nhiệm trả lương và các quyền lợi khác – trong đó có cả quyền trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc cho người lao động từ doanh nghiệp cũ chuyển sang. **(CV số 4413/LĐTBXH-LĐVL ngày 23/12/2005).**

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

1. **Hàng hoá, dịch vụ cấm/hạn chế kinh doanh:** Tại ND số 59/2006/ND-CP ngày 12/6/2006, quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện, áp dụng đối với thương nhân theo quy định của Luật Thương mại và tổ chức, cá nhân khác thực hiện các hoạt động có liên quan đến thương mại tại Việt Nam. ND thống kê danh mục: các loại hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh - gồm 17 loại hàng hóa, 5 loại dịch vụ; hàng hóa dịch vụ hạn chế kinh doanh - 7 loại hàng hóa và 1 dịch vụ; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện - gồm các loại hàng hóa, dịch vụ phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và hàng hóa, dịch vụ không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. **(ND số 59/2006/ND-CP ngày 12/6/2006).**
2. **Sửa đổi, bổ sung TT:** Tại TT số 48/2006/TT-BTC ngày 06/6/2006, Bộ sửa đổi, bổ sung một số qui định của TT số 26/2002/TT-BTC_22/3/2002 hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi DNNN, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội thành công ty TNHH một thành viên.
- Trước tiên, tên của TT số 26/2002/TT-BTC được sửa đổi thành "TT hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi công ty nhà nước (gồm tổng công ty, công ty mẹ), doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành công ty TNHH một thành viên.
- Một trong những nội dung được sửa đổi nữa là, "Đối với nợ phải trả, phải lập danh sách chủ nợ và xác định từng khoản nợ phải trả. Trong đó phân tích rõ các khoản nợ trong hạn, nợ quá hạn, nợ gốc, nợ lãi, nợ phía trả không còn đối tượng trả, trách nhiệm của cá nhân và tập thể đối với từng khoản nợ quá hạn để kiến nghị giải pháp xử lý."
- "Đối với tài sản thuê, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận đại lý, nhận ký gửi: tùy theo nhu cầu mà doanh nghiệp thoả thuận với người cho thuê, giữ hộ, gia công, đại lý, ký gửi để tiếp tục kế thừa hoặc thanh lý các hợp đồng trước khi chuyển đổi.
- Đối với tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi thì doanh nghiệp chuyển giao cho công ty TNHH quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động công ty.

Đối với tài sản doanh nghiệp chiếm dụng, không có quyền quản lý, sử dụng doanh nghiệp phải trả lại tài sản cho chủ sở hữu tài sản đó. *“(TT số 48/2006/TT-BTC ngày 06/6/2006)."*

3. Thương mại điện tử: Ngày 09/6/2006, Chính phủ đã ban hành ND số 57/2006/ND-CP về vấn đề này.

ND này áp dụng đối với việc sử dụng chứng từ điện tử trong hoạt động thương mại và hoạt động có liên quan đến thương mại trên lãnh thổ Việt Nam; Sử dụng chứng từ điện tử trong hoạt động thương mại và hoạt động có liên quan đến thương mại thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam trong trường hợp các bên thỏa thuận chọn áp dụng Luật Thương mại và ND này. Không áp dụng đối với việc sử dụng chứng từ điện tử là hối phiếu, lệnh phiếu, vận đơn, hóa đơn gửi hàng, phiếu xuất, nhập kho hay bất cứ chứng từ có thể chuyển nhượng nào cho phép bên nắm giữ chứng từ hoặc bên thụ hưởng được quyền nhận hàng hóa, dịch vụ hoặc được trả một khoản tiền nào đó.

Chứng từ điện tử có giá trị pháp lý như văn bản nếu thông tin chứa trong chứng từ điện tử đó có thể truy cập được để sử dụng khi cần thiết. Chứng từ điện tử có giá trị pháp lý như bản gốc nếu thỏa mãn đồng thời cả hai điều kiện: có sự đảm bảo đủ tin cậy về tính toàn vẹn thông tin chứa trong chứng từ điện tử từ khi thông tin được tạo ra ở dạng cuối cùng là chứng từ điện tử hay dạng khác, và thông tin chứa trong chứng từ điện tử có thể truy cập, sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết...*(ND số 57/2006/ND-CP ngày 09/6/2006).*

4. Xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hoá – thông tin: Căn cứ theo ND số 56/2006/ND-CP ngày 06/6/2006 (có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2006) thì, những hành vi vi phạm qui tắc quản lý nhà nước trong các hoạt động thông tin báo chí; hoạt động xuất bản; điện ảnh; các loại hình nghệ thuật biểu diễn; hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng; mỹ thuật, triển lãm văn hoá, nghệ thuật, nhiếp ảnh; quyền tác giả tác phẩm văn học, nghệ thuật và quyền liên quan; quảng cáo, viết, đặt biển hiệu; công bố, bổ phiên tác phẩm ra nước ngoài;... là những hành vi bị coi là vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá – thông tin.

Tuỳ theo từng hành vi vi phạm, mà mức phạt sẽ tương ứng từ 200.000 đồng – 30 triệu đồng. *(ND số 56/2006/ND-CP ngày 06/6/2006).*

5. Danh mục văn bản hết hiệu lực: Bộ Tài chính vừa công bố danh mục những văn bản qui phạm pháp luật do Bộ ban hành đã hết hiệu lực tại QĐ số 31/2006/QĐ-BTC ngày 31/5/2006.

Theo Danh mục tại QĐ này thì, gồm có 72 TT, QĐ do Bộ Tài chính ban hành đã hết hiệu lực pháp luật. Đó là những văn bản nằm trong các lĩnh vực thuế, NSNN, hành chính sự nghiệp, hải quan, tài chính – ngân hàng, tài chính hối đoái, đầu tư, hợp tác quốc tế, tài chính doanh nghiệp, và kế toán - kiểm toán...; Bên cạnh đó là 09 TT liên bộ đã được ký giữa Bộ Tài chính và các Bộ khác cũng hết hiệu lực ngày 31/12/2005. *(QĐ số 31/2006/QĐ-BTC ngày 31/5/2006).*

6. Biên lai thu tiền phạt vi phạm hành chính: TT số 47/2006/TT-BTC ngày 31/5/2006 hướng dẫn, Biên lai thu tiền phạt vi phạm hành chính gồm loại in sẵn mệnh giá và không in sẵn mệnh giá. Khi sử dụng biên lai thu tiền phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền thu tiền phạt, cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ thu và cơ quan, tổ chức được uỷ quyền thu tiền phạt phải bảo đảm: biên lai thu tiền phạt phải được sử dụng theo số thứ tự từ nhỏ đến lớn, phải dùng hết quyển này mới sang quyển khác; tờ biên lai phát ra không được không được nhàu nát. Bên cạnh đó, khi sử dụng biên lai không in sẵn mệnh giá, phải viết trước mặt người nộp tiền, phải viết biên lai một lần để in sang các liên khác, bảo đảm sự khớp đúng về nội dung viết trên các liên...*(TT số 47/2006/TT-BTC ngày 31/5/2006).*

7. Cơ sở ứng dụng dịch vụ ngoài công lập: Chính phủ vừa ra QĐ khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập. Nội dung này được thông qua tại ND số 53/2006/ND-CP ngày 25/5/2006.

ND này áp dụng đối với cơ sở ngoài công lập hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, khoa học - công nghệ và môi trường, xã hội, dân số - gia đình - bảo vệ chăm sóc trẻ em.

Các cơ sở ngoài công lập được tham gia các dịch vụ công do Nhà nước tài trợ, đặt hàng; tham gia đấu thầu nhận các hợp đồng, dự án sử dụng các nguồn vốn trong và ngoài nước; liên doanh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước nhằm huy động vốn, nhân lực và công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ.

Các cơ sở này được ưu đãi về thuế TNDN ở mức cao, nhằm khuyến khích cơ sở sử dụng chênh lệch thu chi để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất hoặc hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng dịch vụ do cơ sở cung cấp. Cơ sở ngoài công lập được phép huy động vốn đầu tư dưới dạng góp cổ phần, vốn góp từ người lao động trong đơn vị, huy động các nguồn vốn hợp pháp thông qua hợp tác, liên kết với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất. *(ND số 53/2006/ND-CP ngày 25/5/2006).*

8. Phát hành trái phiếu doanh nghiệp: Đó là QĐ của Chính phủ ban hành tại ND số 52/2006/ND-CP ngày 19/5/2006.

Theo đó, từ ngày 01/7/2006, khi ND có hiệu lực thi hành, trái phiếu doanh nghiệp sẽ được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử. Với mệnh giá tối thiểu là 100.000 VNĐ, các mệnh giá khác là bội số của 100.000 VNĐ – các loại mệnh giá của trái phiếu do doanh nghiệp phát hành QĐ cho từng đợt phát hành.

Việc phát hành trái phiếu riêng lẻ của các loại hình doanh nghiệp bao gồm: Công ty cổ phần, công ty nhà nước trong thời gian chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo nguyên tắc tự vay, tự trả và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn vay.

Đối tượng mua trái phiếu doanh nghiệp là các tổ chức, cá nhân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; các tổ chức cá nhân nước ngoài. Các đối tượng là tổ chức của Việt Nam không được sử dụng kinh phí do NSNN cấp để mua trái phiếu doanh nghiệp.

Trái phiếu doanh nghiệp được tự do chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, hoặc sử dụng để chiết khấu, thế chấp, cầm cố trong các quan hệ tín dụng. Tuy nhiên, doanh nghiệp không được sử dụng trái phiếu do chính doanh nghiệp phát hành để chiết khấu, thế chấp, cầm cố trong các quan hệ tín dụng. **(NĐ số 52/2006/NĐ-CP ngày 19/5/2006).**

9. **Mua, bán tàu biển:** Những quy định về mua, bán tàu biển đã được Chính phủ quy định trong NĐ số 49/2006/NĐ-CP ngày 18/5/2006. NĐ được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến đăng ký và mua, bán tàu biển.

Theo NĐ, đối với trường hợp tàu biển đăng ký lần đầu tiên tại Việt Nam nhưng đã qua sử dụng, thì phải có giới hạn tuổi tàu tính từ năm đóng tàu - không quá 10 năm tuổi đối với tàu khách và không quá 15 năm tuổi đối với các loại tàu biển khác; trường hợp đặc biệt sẽ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải QĐ. **(NĐ số 49/2006/NĐ-CP ngày 18/5/2006).**

10. **Chế độ thu, nộp phí thi hành án:** Theo TT liên tịch số 46/2006/TTLT-BTC-BTP ngày 19/5/2006, thì người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án phải nộp phí thi hành án đối với khoản thi hành án có giá ngạch tính trên giá trị tài sản hoặc số tiền mà người đó thực nhận. Cụ thể, đối với số tiền/giá trị thực nhận: từ trên 01 triệu đến 100 triệu đồng, mức thu sẽ là 5% trên số tiền/giá trị thực nhận; từ trên 100 – 200 triệu đồng, mức thu là 05 triệu + 4% của phần tiền/giá trị tài sản thực nhận vượt quá 100 triệu đồng; từ trên 200 – 500 triệu đồng, mức thu là 09 triệu đồng + 3% của phần tiền/giá trị tài sản thực nhận vượt quá 200 triệu đồng; từ trên 500 triệu – 01 tỷ đồng, mức thu là 18 triệu đồng + 2% của phần tiền/giá trị tài sản thực nhận vượt quá 500 triệu đồng; từ trên 01 tỷ đồng, mức thu là 28 triệu đồng + 0,1% của phần tiền/giá trị tài sản thực nhận vượt quá 01 tỷ đồng.

Sẽ không thu phí thi hành án đối với trường hợp thi hành các khoản tiền cấp dưỡng; tiền bồi thường thiệt hại tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm; tiền lương, tiền công lao động; tiền trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc; tiền BHXH;... **(TT liên tịch số 46/2006/TTLT-BTC-BTP ngày 19/5/2006).**

11. **Hoàn công công trình xây dựng:** Việc lưu trữ hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công công trình xây dựng được Bộ Xây dựng quy định tại TT số 02/2006/TT-BXD ngày 17/5/2006. TT quy định việc lưu trữ hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công các công trình xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, không phân biệt nguồn vốn đầu tư và hình thức sở hữu; Chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình xây dựng có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công công trình xây dựng theo thời hạn quy định, bảo quản an toàn hồ sơ theo tiêu chuẩn kỹ thuật về lưu trữ. Đối với chủ đầu tư hoặc chủ quản lý sử dụng công trình xây dựng, cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, cơ quan lưu trữ nhà nước, hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công công trình xây dựng được lưu trữ theo tuổi thọ của công trình. Riêng đối với những công trình mang tính lịch sử, chính trị, văn hoá... sẽ có thời hạn lưu trữ vĩnh viễn; Đối với nhà thầu thiết kế, nhà thầu thi công xây dựng, thời hạn lưu trữ hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công công trình xây dựng là 10 năm kể từ khi kết thúc bảo hành công trình.

Về trách nhiệm lưu trữ, chậm nhất 03 tháng kể từ khi nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng, chủ đầu tư phải nộp hồ sơ lưu trữ vào cơ quan lưu trữ nhà nước; Còn nhà thầu thiết kế, ngoài trách nhiệm tự lưu trữ phần hồ sơ thiết kế do mình lập, phải nộp hồ sơ thiết kế cho nhà thầu đảm nhận tổng thầu thiết kế để lưu trữ; Nhà thầu thi công xây dựng, ngoài trách nhiệm tự lưu trữ phần bản vẽ hoàn công do mình lập, phải nộp bản vẽ hoàn công cho nhà thầu đảm nhận tổng thầu thi công xây dựng để lưu trữ; Nhà thầu đảm nhận tổng thầu thi công xây dựng, ngoài việc lưu trữ toàn bộ bản vẽ hoàn công công trình xây dựng, phải tập hợp bản vẽ hoàn công theo từng lĩnh vực chuyên môn của công trình nộp cho chủ đầu tư để chủ đầu tư lưu trữ và nộp cơ quan lưu trữ nhà nước. **(TT số 02/2006/TT-BXD ngày 17/5/2006)**

12. **Cước truy nhập Internet:** Bộ Buu chính - Viễn thông QĐ điều chỉnh cước dịch vụ truy nhập Internet qua mạng điện thoại công cộng của Tập đoàn BCVT Việt Nam là 180đồng/phút - cước trần. **(QĐ số 14/2006/QĐ-BBCVT ngày 08/5/2006).**

13. **Miễn phí sử dụng đường bộ:** Chính phủ đã quy định miễn phí sử dụng cầu, đường bộ quốc lộ đối với xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe 2 bánh gắn máy, xe 3 bánh gắn máy.

Vì vậy, mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe 2 bánh gắn máy, xe 3 bánh gắn máy khi lưu thông qua các Trạm thu phí sử dụng cầu, đường bộ quốc lộ đều được miễn phí - không phân biệt đường bộ đầu tư bằng vốn NSNN, đường bộ do Nhà nước đầu tư bằng vốn vay và thu phí hoàn vốn, đường bộ đầu tư bằng vốn liên doanh, đường bộ đầu tư để kinh doanh hay các trạm thu phí sử dụng đường bộ được chuyển giao quyền thu phí sử dụng đường bộ có thời hạn. **(CV số 1733/TCT-TS ngày 16/5/2006).**

14. Mẫu tờ khai xuất/nhập cảnh: Tại QĐ số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08/5/2006, Bộ Tài chính ban hành 02 mẫu tờ khai xuất/nhập cảnh, cũng như hướng dẫn sử dụng, in, phát hành và quản lý tờ khai xuất/nhập cảnh.

Theo đó, các nội dung khai báo trên tờ khai phải được ghi rõ ràng, không được tẩy xóa, sửa chữa, không ghi bằng bút chì, mực đỏ hoặc các thứ mực dễ phai không thể hiện rõ nội dung khai báo.

Trường hợp người xuất/nhập cảnh làm rách nát, mất mát, thất lạc tờ khai xuất/nhập cảnh đã làm thủ tục hải quan, Hải quan cửa khẩu không cấp lại tờ khai mới. Nếu người xuất/nhập cảnh có yêu cầu xác nhận tờ khai, Hải quan cửa khẩu chỉ xác nhận vào văn bản đề nghị của người xuất/nhập cảnh nội dung hàng hoá, ngoại hối, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu trên cơ sở khai báo thực tế trong tờ khai lưu tại cơ quan Hải quan. Việc xác nhận này không có giá trị để được hưởng tiêu chuẩn miễn thuế.

Tờ khai xuất/nhập cảnh Việt Nam (CHY 2000) tiếp tục được sử dụng đồng thời với 02 mẫu tờ khai mới cho đến hết số lượng đã in và phát hành. (*QĐ số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08/5/2006*).

15. Hoạt động tư vấn về giá đất: Bộ Tài chính quy định, các loại hình doanh nghiệp thẩm định giá, doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá đã được thành lập và hoạt động thẩm định giá theo các qui định của pháp luật thì đủ điều kiện hoạt động tư vấn về giá đất.

Bên cạnh đó, tổ chức thẩm định giá nước ngoài đã được thành lập chi nhánh tại Việt Nam theo qui định của Luật Thương mại, các qui định của Bộ Tài chính về hoạt động thẩm định giá thì được hoạt động tư vấn về giá đất; tổ chức thẩm định giá nước ngoài chưa thành lập chi nhánh tại Việt Nam, nếu được thực hiện thẩm định giá tại Việt Nam theo luật định về thẩm định giá của Việt Nam thì cũng được hoạt động tư vấn về giá đất.

Riêng đối với cá nhân hành nghề tư vấn về giá đất thì phải là thẩm định viên về giá, có thể thẩm định viên về giá do Bộ Tài chính cấp, và đã đăng ký hành nghề thẩm định giá, đang làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp được phép hoạt động tư vấn về giá đất. (*TT số 36/2006/TT-BTC ngày 28/4/2006*).

16. Giá bán xăng, dầu: Bộ Thương mại quyết định, kể từ ngày 27/4/2006, giá bán xăng không chì RON 92: 11.000 đồng/lít; xăng không chì RON 90: 10.800 đồng/lít; xăng không chì RON 83: 10.600 đồng/lít; dầu diesel 0,5% S và dầu hoả: 7.900 đồng/lít;...

Giá các loại xăng khác do doanh nghiệp kinh doanh nhập khẩu xăng dầu đầu mỗi qui định, trên cơ sở căn cứ vào giá bán thực tế của các loại xăng chuẩn trên cùng thị trường và chênh lệch chất lượng so với các loại xăng trên. Đối với địa bàn xa cảng quốc tế tiếp nhận xăng dầu, thì được phép cộng tối đa không quá 2% so với giá bán trên. (*QĐ số 0747/2006/QĐ-BTM ngày 27/4/2006*).

17. Xử phạt vi phạm giao thông đường sắt: Những khung phạt hành chính đối với hành vi vi phạm giao thông vận tải đường sắt đã được Chính phủ qui định tại NĐ số 44/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006. Các hành vi vi phạm gồm vi phạm quy định về kết cấu hạ tầng đường sắt; vi phạm qui định về phương tiện giao thông đường sắt; vi phạm qui định đối với nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; vi phạm qui định về tín hiệu, qui tắc giao thông đường sắt và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông vận tải đường sắt; vi phạm về kinh doanh đường sắt;... sẽ bị phạt hành chính từ 50.000 đồng – 20 triệu đồng, tùy theo từng hành vi vi phạm. (*NĐ số 44/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006*).

18. Thẩm quyền ký văn bản: Về thẩm quyền ký văn bản, căn cứ theo các qui định của Chính phủ về Công tác văn thư thì, người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh trực tiếp ký hoặc giao cho cấp phó của mình ký thay trên các văn bản giao dịch, tờ khai thuế, bảng biểu, mẫu biểu kèm theo tờ khai thuế gửi cho cơ quan thuế thuộc các lĩnh vực được phân công phụ trách. Trường hợp đặc biệt, người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh có thể uỷ quyền bằng văn bản cho cán bộ phụ trách dưới mình một cấp ký thừa uỷ quyền các văn bản nêu trên. Khi thực hiện quan hệ giao dịch với cơ quan thuế, người được uỷ quyền phải thông báo cho cơ quan thuế biết về thời hạn, phạm vi uỷ quyền hoặc có thay đổi về thời hạn, phạm vi được uỷ quyền. (*CV số 1498/TCT-PCCS ngày 24/4/2006*).

19. Hướng dẫn thực hiện Luật Đấu thầu: Hiện tại, dự thảo NĐ hướng dẫn Luật Đấu thầu đang được Chính phủ xem xét. Vậy, để đảm bảo sự thống nhất trong quá trình thực hiện Luật Đấu thầu trong thời gian này, Bộ KH & ĐT đã ban hành CV số 2820/KBH-QLĐT ngày 21/4/2006 để tạm thời hướng dẫn về công tác đấu thầu.

Theo CV, kể từ ngày 01/4/2006, việc triển khai thực hiện đấu thầu phải căn cứ theo Luật Đấu thầu. Trong thời gian chưa có NĐ hướng dẫn, có thể tham khảo Quy chế Đấu thầu đã ban hành trước đây, nhưng phải đảm bảo không trái với qui định của Luật Đấu thầu.

Trường hợp hồ sơ mời thầu được phát hành trước ngày 01/4/2006, thì việc đánh giá, thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo Quy chế Đấu thầu và các TT hướng dẫn kèm theo; Các nội dung khác đã được phê duyệt trước ngày 01/4/2006, nhưng đến nay chưa tổ chức thực hiện thì thực hiện theo qui định của Luật Đấu thầu. (*CV số 2820/KBH-QLĐT ngày 21/4/2006*).

20. Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp: Ngày 4/4/2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành QĐ số 73/2006/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam theo các vùng lãnh thổ đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020.

Nội dung của QĐ, định hướng phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2010, tập trung phát triển các ngành công nghiệp có khả năng phát huy lợi thế cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu,

ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử, tự động hoá, sản xuất phần mềm tin học.

Tầm nhìn công nghiệp Việt Nam đến năm 2020 phần đầu GDP công nghiệp và xây dựng có thể tăng tối thiểu gấp 5 lần so với năm 2000; đạt 45% tỷ trọng GDP công nghiệp và xây dựng trong tổng GDP của cả nước. Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng nhanh đạt 87 - 88% tỷ trọng công nghiệp chế biến; đạt 60% tỷ lệ lao động qua đào tạo; đạt 70 - 75% tỷ lệ hàng chế tạo trong xuất khẩu; đạt khoảng 40 - 50% tỷ lệ nhóm ngành sử dụng công nghệ cao; đạt 85 - 90% tỷ trọng giá trị xuất khẩu hàng công nghiệp giá trị xuất khẩu của cả nước. (QĐ số 73/2006/QĐ-TTg ngày 04/4/2006).

21. Dịch vụ sở hữu trí tuệ (SHTT): Cùng ngày 04/4/2006, Bộ KH-CN ban TT số 08/2006/TT-BKH-CN, hướng dẫn về dịch vụ SHTT.

Theo TT, việc Chuẩn bị đăng ký và đăng ký quyền SHTT gồm các dịch vụ: cung cấp thông tin về tình trạng của sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu và các đối tượng khác được bảo hộ quyền SHTT ở Việt Nam và trên thế giới; cung cấp thông tin về tình hình bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu và các đối tượng khác được bảo hộ quyền SHTT ở Việt Nam và trên thế giới; viết bản mô tả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu và các đối tượng khác của quyền SHTT; lập hồ sơ và làm các thủ tục đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu và các đối tượng khác của quyền SHTT.

Để duy trì và thực hiện các quyền SHTT thì có các dịch vụ: thực hiện các thủ tục theo quy định để duy trì hiệu lực các văn bằng bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu và các đối tượng khác của quyền SHTT; làm các thủ tục chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu và các đối tượng khác của quyền SHTT; soạn thảo và đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu và các đối tượng khác của quyền SHTT. (TT số 08/2006/TT-BKH-CN ngày 04/4/2006).

22. Hoạt động nhượng quyền thương mại: Những qui định của hoạt động này đã được Chính phủ ban hành tại ND số 35/2006/ND-CP ngày 31/3/2006.

ND này áp dụng đối với thương nhân Việt Nam và thương nhân nước ngoài tham gia vào hoạt động nhượng quyền thương mại; doanh nghiệp có vốn ĐTNN chuyên hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá, chỉ được thực hiện hoạt động nhượng quyền thương mại đối với những mặt hàng mà doanh nghiệp đó được kinh doanh dịch vụ phân phối theo cam kết quốc tế của Việt Nam.

Trước khi tiến hành hoạt động nhượng quyền thương mại, thương nhân Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài dự kiến nhượng quyền phải đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại với cơ quan có thẩm quyền. (ND số 35/2006/ND-CP ngày 31/3/2006).

23. Miễn giảm tiền sử dụng đất: Theo Luật định, người được xét miễn giảm tiền sử dụng đất phải là người có tên trong hộ khẩu gia đình có chung quyền sử dụng đất hoặc là người được giao đất.

Theo đó, người được xét miễn giảm tiền sử dụng đất ở trường hợp giao đất cho hộ gia đình, không nhất thiết phải là người đứng tên trong QĐ giao đất. Và khi người sử dụng đất chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính thì hộ gia đình đó sẽ chưa được cơ quan quản lý cấp nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (CV số 929/TCT-TS ngày 14/3/2006).

24. Vệ sinh an toàn thực phẩm: Bộ Y tế ban hành QĐ số 11/2006/QĐ-BTY ngày 09/3/2006, ban hành Quy chế cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguy cơ cao - Quy định về vấn đề hồ sơ, thủ tục và thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.

10 nhóm thực phẩm có nguy cơ cao phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm gồm: Thịt và các sản phẩm từ thịt; Sữa và các sản phẩm từ sữa; Trứng và các sản phẩm chế biến từ trứng; Thủy sản tươi sống và đã qua chế biến; Các loại kem, nước đá, nước khoáng thiên nhiên; Thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực phẩm bổ sung, phụ gia thực phẩm; Thức ăn, đồ uống chế biến để ăn ngay; Thực phẩm đông lạnh; Sữa đậu nành và sản phẩm chế biến từ đậu nành; Các loại rau, củ, quả tươi sống ăn ngay. (QĐ số 11/2006/QĐ-BTY ngày 09/3/2006).

25. Sản phẩm, hàng hoá phải kiểm tra chất lượng: Danh mục những sản phẩm, hàng hoá phải kiểm tra về chất lượng đã được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành tại QĐ số 50/2006/QĐ-TTg ngày 07/3/2006.

QĐ qui định trách nhiệm cho 8 Bộ, gồm: Bộ Y tế - có trách nhiệm kiểm tra trang thiết bị, công trình y tế và vắc xin phòng bệnh; Bộ Thủy sản chịu trách nhiệm về thủy sản - thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản, sản phẩm thủy sản và sản phẩm thủy sản ăn liền; Bộ KH-CN sẽ chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng của mũ bảo vệ cho người đi xe máy, mũ bảo vệ cho trẻ em tham gia giao thông, thép tròn cán nóng và thép cốt bê tông cán nóng dùng trong xây dựng, dụng cụ điện đun nóng tức thời, máy sấy tóc, máy sấy khô tay, bàn là điện, lò vi sóng, nồi cơm điện,...; Ngoài ra, các Bộ Xây dựng, Giao thông Vận tải, Bộ Công nghiệp, Bộ NN & PTNT cũng có những sản phẩm, hàng hoá được qui định rõ, mà các Bộ này phải có trách nhiệm về chất lượng của chúng. (QĐ số 50/2006/QĐ-TTg ngày 07/3/2006).

26. Thẻ đi lại của doanh nhân APEC (ABTC): Quy chế và việc cấp thẻ đi lại của doanh nhân APEC đã được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành tại QĐ số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28/02/2006.

Đây là QĐ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nhân Việt Nam và doanh nhân các nước và vùng lãnh thổ là thành viên tham gia Chương trình thẻ đi lại của doanh nhân APEC trong các hoạt động hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư, dịch vụ, tham dự các hội nghị, hội thảo và các mục đích kinh tế khác tại các nước và vùng lãnh thổ là thành viên Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương.

Thành phần được cấp thẻ gồm doanh nhân đang làm việc tại các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư tại Việt Nam. Một số trường hợp khác cũng được cấp thẻ như lãnh đạo các ngành kinh tế, thủ trưởng cấp Bộ, chủ tịch UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương trực tiếp quản lý về hoạt động doanh nghiệp...

Người mang thẻ ABTC, khi nhập cảnh, xuất cảnh các nước và vùng lãnh thổ có ghi tên trong thẻ thì không cần phải có thị thực của các nước và vùng lãnh thổ đó.

Thẻ ABTC có giá trị sử dụng trong 3 năm, kể từ ngày cấp và không được gia hạn. Khi thẻ hết hạn sử dụng, người được cấp thẻ có thể làm thủ tục xin cấp thẻ mới.

Thẻ ABTC chỉ có giá trị xuất, nhập cảnh, khi người mang thẻ xuất trình kèm theo hộ chiếu hợp lệ. Mỗi lần nhập cảnh, người mang thẻ ABTC được các nước và vùng lãnh thổ thành viên cấp chứng nhận tạm trú theo thời hạn qui định của các nước và vùng lãnh thổ đó.

Hiện có 17 nước và vùng lãnh thổ tham gia chương trình thẻ nói trên gồm Australia, Brunei, Chile, Trung Quốc, Hồng Kông, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, New Zealand, Papua New Guinea, Peru, Philippines, Singapore, Đài Loan, Thái Lan và Việt Nam. Để được cấp thẻ, các doanh nghiệp có thể liên hệ tại Phòng I, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (Bộ Công an) qua số điện thoại (04) 8243608. (*QĐ số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28/02/2006*).

27. Kinh doanh và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng: Ngày 27/02/2006, Chính phủ ban hành NĐ số 21/2006/NĐ-CP về việc kinh doanh và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ nhỏ, với những nội dung về việc thông tin, giáo dục, truyền thông, quảng cáo, kinh doanh và sử dụng về các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình với đầu vú nhân tạo và núm vú giả.

NĐ cấm các thông tin khuyến khích cho trẻ bú bằng bình, không nuôi con bằng sữa mẹ; so sánh sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ là tương đương hoặc tốt hơn sữa mẹ; tên hoặc biểu tượng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú với đầu vú nhân tạo, núm vú giả. Nghiêm cấm quảng cáo sữa dành cho trẻ dưới 12 tháng tuổi, thức ăn dành cho trẻ dưới 6 tháng tuổi, bình bú và đầu vú nhân tạo dưới mọi hình thức.

Các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ trước khi đưa ra thị trường phải được công bố chất lượng, tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Nhãn sản phẩm phải in hoa phần Chú ý, và chiều cao chữ không được dưới 02 mm; phải có chữ in thường về phần Hướng dẫn sử dụng, với chiều cao chữ không dưới 1,5mm. (*NĐ số 21/2006/NĐ-CP ngày 27/02/2006*).

28. Tổ chức được phép xác định giá trị doanh nghiệp năm 2006: Danh sách tổ chức được phép cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp trong năm nay (đợt 2/2006) được Bộ Tài chính công bố tại QĐ số 858/QĐ-BTC ngày 17/02/2006. Trong danh sách những đơn vị có đủ tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp đợt này gồm có 04 công ty chứng khoán, công ty quản lý Quỹ; 06 công ty kiểm toán, kế toán; và Trung tâm tư vấn, dịch vụ thẩm định giá và bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tài chính Hà Nội cũng có tên trong danh sách này. (*QĐ số 858/QĐ-BTC ngày 17/02/2006*).

29. Mã số đối tượng nộp thuế: Mã số đối tượng nộp thuế mà Thủ tướng Chính phủ đã qui định, được Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết tại TT số 10/2006/TT-BTC ngày 14/02/2006. Theo đó, tất cả các tổ chức, cá nhân nộp thuế với cơ quan Thuế, Hải quan là đối tượng được cấp mã số thuế.

Mã số thuế là một dãy các chữ số được mã hoá theo một nguyên tắc thống nhất để cấp cho từng tổ chức hoặc cá nhân nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác, gồm cả thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Mã số thuế để nhận biết, xác định từng tổ chức, cá nhân nộp thuế và được quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước. Một tổ chức, cá nhân nộp thuế chỉ được cấp mã số thuế duy nhất để sử dụng trong suốt quá trình hoạt động từ khi thành lập tới khi chấm dứt tồn tại. Khi tổ chức, cá nhân chấm dứt tồn tại thì mã số thuế cũng sẽ không còn giá trị sử dụng. Mã số thuế đã cấp cho một cá nhân là chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ hộ kinh doanh hoặc một cá nhân sẽ không thay đổi trong suốt cuộc đời họ, kể cả trong trường hợp cá nhân đã ngừng hoạt động kinh doanh sau đó kinh doanh trở lại thì vẫn phải sử dụng mã số thuế đã được cấp trước đó.

Tại nội dung hướng dẫn về Hồ sơ đăng ký mã số thuế có trường hợp, hồ sơ đăng ký mã số thuế đối với Bên Việt Nam ký hợp đồng với nhà thầu nước ngoài; hợp đồng, hợp tác kinh doanh có trách nhiệm nộp hộ thuế cho các nhà thầu và nhà thầu phụ nước ngoài thì, Bên Việt Nam ký hợp đồng nộp hộ thuế được cấp một mã số thuế 10 con số để sử dụng cho việc kê khai, nộp hộ thuế cho các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài. Bên Việt Nam ký hợp đồng nếu là doanh nghiệp đã được cấp mã số thuế thì không được sử dụng mã số thuế của doanh nghiệp để kê khai, nộp thuế cho các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài. (*TT số 10/2006/TT-BTC ngày 14/02/2006*).

30. Sửa đổi, bổ sung các ND hướng dẫn về Luật Đất đai: Tại ND số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006, Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các ND hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và ND số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần.

Một trong những nội dung được sửa đổi, bổ sung tại ND là việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các dự án đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở để bán hoặc cho thuê. Theo đó, đối với các thành phố, thị xã, các khu đô thị mới của các thành phố, thị xã hoặc khu đô thị mới được qui hoạch phát triển thành thành phố, thị xã, không cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân dưới hình thức bán nền mà chưa xây dựng nhà ở. Chủ đầu tư được chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho tổ chức kinh tế đối với diện tích đất đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng theo dự án được xét duyệt, hoặc theo dự án thành phần của dự án đầu tư đã được xét duyệt...

Đối với người được Nhà nước giao đất để làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, đất để thực hiện các dự án đầu tư vì mục đích lợi nhuận mà được giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì có các quyền và nghĩa vụ về đất đai như trường hợp không được miễn hoặc không được giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với loại đất có mục đích sử dụng tương ứng; Tương tự như vậy, nhưng đối với trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì người được Nhà nước giao đất này có các quyền và nghĩa vụ về đất đai như trường hợp Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với loại đất có mục đích sử dụng tương ứng;...**(ND số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006).**

31. Quy chế cử cán bộ đi đào tạo: Bộ Nội vụ ban hành QĐ số 04/2006/QĐ-BNV ngày 25/01/2006, sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 3 Quy chế cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Nhà nước. Theo đó, đối với đối tượng trong diện qui hoạch nguồn, sau khi đi đào tạo về còn thời gian phục vụ trong cơ quan Nhà nước tối thiểu 10 năm. **(QĐ số 04/2006/QĐ-BNV ngày 25/01/2006).**

32. Xác định giá trị quyền sử dụng đất: Giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất được Chính phủ qui định tại ND số 13/2006/NĐ-CP ngày 24/01/2006.

Đất phải xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của tổ chức do Nhà nước giao theo quy định tại ND này bao gồm: đất xây dựng trụ sở cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, công ty nhà nước,... được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; Đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp, tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả thuộc vốn ngân sách nhà nước; Đất do tổ chức sử dụng vào mục đích nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm về nông-lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng;... Căn cứ để xác định giá trị quyền sử dụng đất là diện tích đất và giá đất dựa vào diện tích đất thuộc đối tượng phải xác định giá trị quyền sử dụng đất là diện tích đất đang sử dụng, được giao theo QĐ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. (i) Trường hợp diện tích đất đang sử dụng có chênh lệch so với diện tích đất ghi trong QĐ giao đất, văn bản chuyển quyền sử dụng đất thì thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất theo diện tích thực tế sử dụng trên cơ sở xác nhận của Sở Tài nguyên và môi trường; (ii) Trường hợp khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà giá đất thực tế nhận chuyển nhượng, giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất cao hơn giá đất do UBND cấp tỉnh quy định thì giá đất để xác định giá trị quyền sử dụng đất là giá đất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế hoặc giá đất trúng đấu giá. **(ND số 13/2006/NĐ-CP ngày 24/01/2006).**

33. Công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá: Cùng ngày 10/01/2006, Bộ KH-CN ban hành 02 QĐ số 03/2006/QĐ-BKH-CN và QĐ số 04/2006/QĐ-BKH-CN, qui định về Công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá; và qui định về Nội dung, thủ tục công bố sản phẩm, hàng hoá phù hợp với tiêu chuẩn, pháp qui kỹ thuật.

Nội dung của QĐ số 03/2006/QĐ-BKH-CN, áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm, hàng hoá công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá để đẩy mạnh hoạt động tiêu chuẩn hoá tại các doanh nghiệp, làm cơ sở cho công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp. Sau khi công bố, doanh nghiệp gửi hồ sơ công bố tiêu chuẩn đến Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Doanh nghiệp không phải nộp lệ phí cho việc công bố tiêu chuẩn. **(QĐ số 03/2006/QĐ-BKH-CN ngày 10/01/2006)**

QĐ số 04/2006/QĐ-BKH-CN thì qui định, việc công bố sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn, pháp qui kỹ thuật là một trong các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng. Doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo với cơ quan quản lý và người tiêu dùng về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá do mình sản xuất với tiêu chuẩn/pháp qui kỹ thuật tương ứng sau khi thực hiện quá trình chứng nhận hoặc đánh giá sản phẩm, hàng hoá và đảm bảo chất lượng của sản phẩm, hàng hoá phù hợp với nội dung thông báo. **(QĐ số 04/2006/QĐ-BKH-CN ngày 10/01/2006).**

34. Hội đồng cạnh tranh: Ngày 09/01/2006, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành ND số 05/2006/NĐ-CP về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng Cạnh tranh (VCC).

Theo ND, Hội đồng Cạnh tranh là cơ quan thực thi quyền lực nhà nước độc lập, có chức năng xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh với các nhiệm vụ và quyền hạn, cụ thể như: tổ chức xử lý các vụ việc cạnh tranh liên quan đến hành vi hạn chế cạnh tranh theo quy định của pháp luật; thành lập hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh để giải quyết một vụ việc cạnh tranh cụ thể; yêu cầu các tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. **(ND số 05/2006/NĐ-CP ngày 09/01/2006).**

35. Hội đồng Chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ: Cùng ngày 09/01/2006, Chính phủ đã ban hành ND số 04/2006/NĐ-CP về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ.
- Hội đồng xử lý trực thuộc Bộ Thương mại có nhiệm vụ nghiên cứu, xem xét hồ sơ, các kết luận của Cục Quản lý cạnh tranh về các vụ việc chống bán phá giá, chống trợ cấp và áp dụng các biện pháp tự vệ; thảo luận và QĐ theo đa số về các việc: không có hoặc có bán phá giá hàng hóa, không có hoặc có trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, không có hoặc có việc gia tăng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa nhập khẩu gây ra hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp trong nước.
- Bên cạnh đó, Hội đồng có nhiệm vụ kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại ra QĐ áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp và QĐ áp dụng biện pháp tự vệ. **(ND số 04/2006/NĐ-CP ngày 09/01/2006).**
36. Chính sách chuyển nhượng QSDĐ: Luật Đất đai qui định, tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở để bán hoặc cho thuê chỉ được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng nhà ở theo dự án được xét duyệt.
- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở có dự án thành phần thì được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau khi đã hoàn thành việc đầu tư theo dự án thành phần của dự án đầu tư được xét duyệt. Không cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức bán nền mà chưa xây nhà ở. **(CV số 90/TCT-TS ngày 09/01/2006).**
37. Quy chế khu đô thị mới: Quy chế về Khu đô thị mới đã được qui định tại Nghị định số 02/2006/NĐ-CP ngày 05/01/2006. Những quy chế này được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia vào quá trình quản lý và thực hiện khu đô thị mới.
- Tại Quyết định, Thủ tướng đã ban hành những quy định cụ thể về trình tự hình thành, phát triển khu đô thị mới; quản lý quy hoạch phát triển và xây dựng khu đô thị mới; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư dự án khu đô thị mới; hoàn thành, chuyển giao, khai thác, sử dụng công trình trong quá trình đầu tư; kinh doanh trong dự án khu đô thị mới và trách nhiệm sau kinh doanh;... **(ND số 02/2006/NĐ-CP ngày 05/01/2006).**
38. Điều kiện xoá nợ thuế: Doanh nghiệp nợ đọng thuế và các khoản phải nộp NSNN nhưng không có khả năng nộp do sản xuất, kinh doanh thua lỗ, đang lâm vào tình trạng phải giải thể, phá sản thì được xem xét khoan nợ đọng thuế và các khoản phải nộp NSNN.
- Thời gian khoan nợ kể từ ngày xác định nợ cho tới khi doanh nghiệp giải thể, phá sản. Khi doanh nghiệp giải thể, phá sản thì sẽ áp dụng các biện pháp và trình tự thu hồi nợ theo luật định về giải thể, phá sản. **(CV số 35/TCHQ-KTTT ngày 05/01/2006).**
39. Qui định của đường sắt quốc gia: Bộ GTVT vừa ban hành Quyết định số 01/2006/QĐ-BGTVT ngày 04/01/2006, qui định về việc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường sắt quốc gia.
- Tại văn bản, Bộ GTVT có những qui định cụ thể về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi; quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi và của hành khách, người gửi bao gửi trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có kết nối vào đường sắt quốc gia. **(Quyết định số 01/2006/QĐ-BGTVT ngày 04/01/2006).**
40. Danh sách tổ chức định giá: Bộ Tài chính vừa công bố Danh sách tổ chức định giá được phép cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp năm 2006 (đợt I/2006) tại QĐ số 5257/QĐ-BTC ngày 30/12/2005.
- Danh sách Tổ chức định giá được phép cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp năm 2006 đợt I này gồm 09 công ty chứng khoán, công ty quản lý Quỹ; 31 công ty kiểm toán và 07 tổ chức thẩm định giá khác. **(QĐ số 5257/QĐ-BTC ngày 30/12/2005).**
41. Sửa đổi, bổ sung Luật Khoáng sản: Những qui định chi tiết, hướng dẫn thi hành và nội dung sửa đổi bổ sung Luật Khoáng sản đã được Chính phủ thông qua tại ND số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005.
- Theo ND, tổ chức làm công tác điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản (TNKS) có quyền tiến hành các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về TNKS theo dự án đã được thông qua tại cơ quan có thẩm quyền; được gửi mẫu ra nước ngoài để phân tích thử nghiệm theo đề án đã được phê duyệt.
- Đối tượng được phép khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản là doanh nghiệp trong nước, kể cả doanh nghiệp có vốn ĐTNN, thuộc mọi thành phần kinh tế có đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư hoạt động khoáng sản; doanh nghiệp nước ngoài có VPĐD hoặc chi nhánh tại Việt Nam được khảo sát, thăm dò, khai thác khoáng sản; cá nhân có đăng ký kinh doanh hoạt động khoáng sản được khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và khai thác tận thu khoáng sản. Và tất cả những đối tượng trên phải có người phụ trách là kỹ sư địa chất đã có kinh nghiệm thực tế ít nhất 05 năm; có cán bộ, công nhân kỹ thuật thuộc các chuyên ngành địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa vật lý, khoan,...; có thiết bị, công cụ chuyên dùng cần thiết để thi công các công trình thăm dò khoáng sản.

Mức phí độc quyền thăm dò khoáng sản được qui định là 300.000 đồng/km²/năm đối với năm thứ nhất; 400.000 đồng/km²/năm đối với năm thứ hai; 550.000 đồng/km²/năm đối với năm thứ ba; và 700.000 đồng/km²/năm đối với năm thứ tư. **(NB số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005).**

42. **Điều kiện, trình tự và thủ tục ngừng, giảm mức cung cấp điện:** Những nội dung này đã được Bộ Công nghiệp qui định tại QĐ số 39/2005/QĐ-BCN ngày 23/12/2005. Sau khi có hiệu lực, QĐ này sẽ thay thế QĐ số 52/2001/QĐ-BCN_12/11/2001.

Mọi trường hợp ngừng, giảm mức cung cấp điện, bên bán điện phải thông báo cho bên mua trước 05 ngày theo nội dung: địa điểm; lý do; thời gian bắt đầu ngừng cấp điện hoặc giảm mức cung cấp điện; thời gian dự kiến đóng điện trở lại hoặc đảm bảo mức cung cấp điện bình thường. Và việc thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện được thực hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng bằng một trong các hình thức: văn bản, điện báo, điện thoại, fax, thư điện tử(email) do hai bên thoả thuận và ghi trong hợp đồng mua bán điện.

Đối với các trường hợp do có sự cố xảy ra trong hệ thống điện; có nguy cơ gây sự cố, mất an toàn nghiêm trọng cho người, thiết bị và hệ thống điện; thiếu công suất dẫn đến đe dọa sự an toàn của hệ thống điện; do bên thứ ba vi phạm hành lang lưới điện gây nên sự cố mà bên bán không thể kiểm soát; do sự kiện bất khả kháng thì bên bán có quyền ngừng, giảm mức cung cấp điện mà không cần phải thông báo trước....

Bên bán phải cấp điện trở lại theo đúng thời hạn đã thông báo. Trường hợp thời hạn cấp điện trở lại bị chậm so với thời hạn đã thông báo từ 1 giờ trở lên, bên bán phải thông báo bằng điện thoại cho khách hàng sử dụng điện trung bình trên 100.000kWh/tháng và khách hàng sử dụng điện quan trọng biết thời gian cấp điện trở lại. **(QĐ số 39/2005/QĐ-BCN ngày 23/12/2005).**

43. **Công bố danh sách các tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành trái phiếu CP:** Bộ trưởng Bộ Tài chính vừa ra QĐ số 4962/QĐ-BTC ngày 22/12/2005 công bố danh sách thành viên bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương năm 2006 bao gồm 09 ngân hàng thương mại, 07 công ty chứng khoán. Trách nhiệm và quyền lợi của tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành với tổ chức nhận bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành được thực hiện theo hợp đồng thoả thuận giữa các bên. **(QĐ số 4962/QĐ-BTC ngày 22/12/2005).**

44. **Phải tham gia bảo hiểm bắt buộc khi kinh doanh vận tải thủy nội địa:** Người kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa dễ cháy và dễ nổ trên đường thủy nội địa phải tham gia chế độ bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự quy định tại QĐ số 99/2005/QĐ-BTC ngày 22/12/2005 của BTC. Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm có trách nhiệm tuân thủ biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm quy định tại văn bản này (tùy thuộc vào trọng tải, công suất của phương tiện và mức trách nhiệm bảo hiểm), tuy nhiên cũng có thể thỏa thuận áp dụng biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm cao hơn hoặc phạm vi bảo hiểm rộng hơn. **(QĐ số 99/2005/QĐ-BTC ngày 22/12/2005).**

45. **Phải hoàn trả tài sản sử dụng vốn NSNN khi kết thúc dự án:** Các tài sản phục vụ cho hoạt động của dự án bao gồm: (i) nhà, đất thuộc trụ sở làm việc và các công trình xây dựng khác gắn với đất; (ii) phương tiện giao thông vận tải; (iii) máy móc, trang thiết bị làm việc mà có sử dụng vốn NSNN thì phải được hoàn trả lại NSNN khi dự án kết thúc. Tài sản sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại cũng được coi là sử dụng vốn NSNN. **(TT số 116/TT-BTC ngày 19/12/2005).**

46. **Pháp lệnh Ngoại hối:** Ngày 21/12/2005, Chủ tịch nước ký Lệnh số 35/2005/L/CTN, công bố Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được Chủ tịch Quốc hội ký ngày 13/12/2005.

Pháp lệnh 28/2005/PL-UBTVQH11 áp dụng cho các tổ chức, cá nhân là người cư trú, người không cư trú có hoạt động ngoại hối tại Việt Nam; cùng các đối tượng khác có liên quan đến hoạt động ngoại hối.

Ngoại hối gồm đồng tiền của quốc gia khác hoặc đồng tiền chung châu Âu và đồng tiền chung khác được sử dụng trong thanh toán quốc tế và khu vực; Phương tiện thanh toán bằng ngoại tệ, gồm séc, thẻ thanh toán, hối phiếu đòi nợ và các phương tiện thanh toán khác; các loại giấy tờ có giá bằng ngoại tệ như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty, kỳ phiếu, cổ phiếu; vàng trong trường hợp mang vào, mang ra khỏi lãnh thổ Việt Nam; và đồng Việt Nam trong trường hợp chuyển vào và chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc sử dụng trong thanh toán quốc tế.

Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo của người cư trú, không cư trú được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các giao dịch với tổ chức tín dụng, các trường hợp thanh toán thông qua trung gian được thủ tướng Chính phủ cho phép. **(PL số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13/12/2005).**

Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD từ tháng 01/2006 đến tháng 06/2006

Tháng 6/2006				Tháng 5/2006			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/6	15.924	16/6	15.950	03/5	15.963	18/5	15.927
02/6	15.927	17/6	15.950	04/5	15.970	19/5	15.930
03/6	15.927	19/6	15.946	05/5	15.980	22/5	15.933
05/6	15.931	20/6	15.952	08/5	15.971	23/5	15.935
06/6	15.936	21/6	15.949	09/5	15.957	24/5	15.931
07/6	15.933	22/6	15.955	10/5	15.938	25/5	15.929
08/6	15.935	23/6	15.958	11/5	15.936	26/5	15.934
09/6	15.937	24/6	15.958	12/5	15.941	29/5	15.930
10/6	15.937	26/6	15.954	13/5	15.937	30/5	15.928
12/6	15.941	27/6	15.959	16/5	15.932	31/5	15.920
13/6	15.945	28/6	15.956	17/5	15.925	-	-
14/6	15.943	29/6	15.960	-	-	-	-
15/6	15.948	30/6	15.957	-	-	-	-
Tháng 4/2006				Tháng 3/2006			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/4	15.910	17/4	15.932	01/03	15.874	17/03	15.876
03/4	15.922	18/4	15.937	02/03	15.869	20/03	15.872
04/4	15.915	19/4	15.945	03/03	15.872	21/03	15.879
05/4	15.925	20/4	15.941	06/03	15.875	22/03	15.886
06/4	15.921	21/4	15.947	07/03	15.870	23/03	15.882
07/4	15.929	22/4	15.947	08/03	15.865	24/03	15.890
08/4	15.929	24/4	15.950	09/03	15.868	27/03	15.900
10/4	15.926	25/4	15.955	10/03	15.871	28/03	15.896
11/4	15.933	26/4	15.962	13/03	15.866	29/03	15.908
12/4	15.930	27/4	15.958	14/03	15.861	30/03	15.898
13/4	15.936	28/4	15.951	15/03	15.867	31/03	15.910
14/4	15.940	29/4	15.951	16/03	15.873	-	-
15/4	15.940	-	-	-	-	-	-
Tháng 2/2006				Tháng 1/2006			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
03/02	15.894	16/02	15.898	02/01	15.875	17/01	15.870
06/02	15.892	17/02	15.894	03/01	15.872	18/01	15.865
07/02	15.895	20/02	15.886	04/01	15.878	19/01	15.868
08/02	15.890	21/02	15.882	05/01	15.874	20/01	15.875
09/02	15.888	22/02	15.877	06/01	15.876	21/01	15.875
10/02	15.884	23/02	15.880	07/01	15.876	23/01	15.883
13/02	15.887	24/02	15.873	09/01	15.880	24/01	15.885
14/02	15.889	27/02	15.876	10/01	15.875	25/01	15.890
15/02	15.893	28/02	15.871	11/01	15.879	26/01	15.887
-	-	-	-	12/01	15.874	27/01	15.891
-	-	-	-	13/01	15.869	28/01	-
-	-	-	-	14/01	15.869	30/01	-
-	-	-	-	16/01	15.866	31/01	-

Danh mục các văn bản ban hành từ tháng 01/2006 đến tháng 06/2006

Chính phủ

1. *☞* ND 59/2006/ND-CP (12/06/2006) về quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.
2. *☞* ND số 57/2006/ND-CP (09/06/2006) về thương mại điện tử.
3. *☞* ND số 56/2006/ND-CP (06/06/2006) về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hoá – thông tin.
4. *☞* ND 53/2006/ND-CP (25/05/2006) về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập.
5. *☞* ND số 52/2006/ND-CP (19/5/2006) về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
6. *☞* ND số 49/2006/ND-CP (18/5/2006) về đăng ký và mua, bán tàu biển.
7. *☞* ND số 46/2006/ND-CP (16/05/2006) về xử lý hàng hoá do người vận chuyển lưu giữ tại cảng biển Việt Nam.
8. *☞* QĐ số 102/2006/QĐ-TTg (15/05/2006) về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá.
9. *☞* ND số 44/2006/ND-CP (25/4/2006) về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải đường sắt.
10. CT số 14/2006/CT-TTg (10/04/2006) về việc triển khai thực hiện ND số 161/2005/ND-CP (27/12/2005) "Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật".
11. ND số 37/2006/ND-CP (4/4/2006) về quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.
12. *☞* ND số 35/2006/ND-CP (31/03/2006) về quy định chi tiết luật Thương mại về hoạt động nhượng quyền thương mại.
13. *☞* QĐ số 69/2006/QĐ-TTg (28/3/2006) về việc ban hành mức thuế tuyệt đối thuế nhập khẩu xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu.
14. CV số 1576/VPCP-ĐMDN (27/03/2006) về điều chỉnh hình thức sắp xếp một số Công ty nhà nước.
15. *☞* QĐ số 50/2006/QĐ-TTg (07/03/2006) về việc ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hoá phải kiểm tra về chất lượng.
16. *☞* ND số 24/2006/ND-CP (06/03/2006) về việc sửa đổi bổ sung một số điều của ND số 57/2002/ND-CP (03/06/2002) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí.
17. *☞* ND số 22/2006/ND-CP (28/02/2006) về việc tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam.
18. *☞* ND số 21/2006/ND-CP (27/02/2006) về việc kinh doanh và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ.
19. *☞* QĐ số 45/2006/QĐ-TTg (28/02/2006) về việc ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC
20. ND số 20/2006/ND-CP (20/02/2006) về việc quy định chi tiết Luật thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.
21. *☞* ND số 19/2006/ND-CP (20/02/2006) về việc quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hoá.
22. CV số 751/VPCP-ĐMDN (15/02/2006) về giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của DNNN.
23. *☞* ND số 17/2006/ND-CP (27/01/2006) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các ND hướng dẫn thi hành Luật đất đai và ND số 187/2004/ND-CP về việc chuyển Công ty nhà nước thành Công ty cổ phần.
24. *☞* ND số 13/2006/ND-CP (24/01/2006) về việc xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.
25. *☞* ND số 12/2006/ND-CP (23/01/2006) về việc quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài

Bộ Tài chính

1. *☞* TT số 53/2006/TT-BTC (12/06/2006) về hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp.
2. *☞* TT số 48/2006/TT-BTC (06/06/2006) về sửa đổi, bổ sung một số quy định của TT số 26/2002/TT-BTC (22/3/2002) của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
3. *☞* TT số 47/2006/TT-BTC (31/05/2006) về việc hướng dẫn thi hành ND số 124/2005/ND-CP (06/10/2005) của Chính phủ quy định về biên lai thu tiền phạt và quản lý, sử dụng tiền nộp phạt vi phạm hành chính.
4. *☞* QĐ số 31/2006/QĐ-BTC (31/05/2006) về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành đến hết (31/12/2005) đã hết hiệu lực pháp luật.
5. TT số 45/2006/TT-BTC (25/5/2006) về sửa đổi, bổ sung TT số 63/2002/TT-BTC (24/7/2002) hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.
6. *☞* TTLT số 43/2006/TTLT-BTC-BTP (19/5/2006) về hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án.

7. *TT số 41/2006/TT-BTC (12/05/2006) về hướng dẫn thực hiện QĐ số 161/2005/QĐ-TTg (30/6/2005) của Thủ tướng Chính phủ về việc mở rộng thí điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh tự kê khai, tự nộp thuế nhà đất, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao và thuế môn bài.*
8. *TT số 38/2006/TT-BTC (10/05/2006) về hướng dẫn trình tự, thủ tục và xử lý tài chính đối với hoạt động mua, bán, bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp.*
9. *QĐ số 29/2006/QĐ-BTC (08/05/2006) về Ban hành Quy chế về mẫu, hướng dẫn sử dụng, in phát hành và quản lý tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh.*
10. *CV số 5713/BTC-TCDN (04/05/2006) về phân phối lợi nhuận và trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi.*
11. *QĐ số 28/2006/QĐ-BTC (5/5/2006) về sửa đổi, bổ sung QĐ số 28/2005/QĐ-BTC (13/5/2005) ban hành biểu mức thu phí, lệ phí cấp phép và quản lý tên miền, địa chỉ Internet ở Việt Nam.*
12. *TT số 36/2006/TT-BTC (28/4/2006) về hướng dẫn điều kiện thủ tục cấp phép hoạt động, đăng lý hoạt động tư vấn về giá đất.*
13. *CV số 5361/BTC-CST (24/04/2006) về phí thẩm định thiết kế cơ sở các công trình xây dựng.*
14. *TT số 32/2006/TT-BTC (10/04/2006) về hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế và thu khác đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.*
15. *QĐ số 19/2006/QĐ-BTC (30/03/2006) về việc ban hành Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.*
16. *TT số 28/2006/TT-BTC (04/04/2006) về hướng dẫn hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá điếu sản xuất trong nước xuất khẩu có nhãn mác nước ngoài đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt trong nước.*
17. *TT số 21/2006/TT-BTC (20/03/2006) về hướng dẫn kế toán thực hiện bốn (04) chuẩn mực kế toán ban hành kèm theo QĐ số 100/2005/QĐ-BTC (28/12/2005).*
18. *TT số 20/2006/TT-BTC (20/03/2006) về hướng dẫn kế toán thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành kèm theo QĐ số 12/2005/QĐ-BTC (15/02/2005).*
19. *QĐ số 23/2006/QĐ-BTC (05/04/2006) về việc ban hành mức thuế suất thuế nhập khẩu đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 trong biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.*
20. *QĐ số 18/2006/QĐ-BTC (28/3/2006) về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ.*
21. *QĐ số 15/2006/QĐ-BTC (20/3/2006) về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp.*
22. *TT số 23/2006/TT-BTC (24/03/2006) về việc hướng dẫn xác định tiền sử dụng đất, tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả có nguồn gốc ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai.*
23. *CV số 3705 BTC-CST (22/3/2006) về việc triển khai thực hiện ND số 24/2006/ND-CP (6/3/2006) của TTCP về phí, lệ phí.*
24. *TT số 19/2006/TT-BTC (15/3/2006) về hướng dẫn phân loại mặt hàng linh kiện phụ tùng ô tô.*
25. *TT số 17/2006/TT-BTC (13/03/2006) về việc hướng dẫn thực hiện ND số 101/2005/ND-CP (03/08/2005) của Chính phủ về thẩm định giá.*
26. *TT 12/2006/TT-BTC (21/2/2006) về hướng dẫn thực hiện ND số 146/2005/ND-CP (23/11/2005) của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng.*
27. *QĐ số 12/2006/QĐ-BTC (03/03/2006) về việc điều chỉnh thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng linh kiện, phụ tùng sản phẩm điện, điện lạnh gia dụng.*
28. *QĐ số 09 /2006/QĐ-BTC (28 / 02 /2006) về việc ban hành Danh mục hàng hoá và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN giai đoạn 2006 – 2013.*
29. *TT số 14/2006/TT-BTC (28/02/2006) về hướng dẫn thực hiện thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN.*
30. *TT số 11/2006TT-BTC (21/02/2006) về sửa đổi, bổ sung TT số 110/2002/TT-BTC (12/12/2002) hướng dẫn chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trong lĩnh vực Ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm.*
31. *QĐ số 858/QĐ-BTC (17/02/2006) về việc công bố danh sách tổ chức định giá được phép cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp/2006 (đợt 2/2006).*
32. *TT số 10/2006/TT-BTC (14/02/2006) về hướng dẫn thi hành QĐ số 75/1998/QĐ-TTg (4/4/1998) của Thủ tướng Chính phủ quy định về mã số đối tượng nộp thuế.*
33. *QĐ số 08/2006/QĐ-BTC (08/02/2006) về việc điều chỉnh thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng linh kiện, phụ tùng điện tử.*
34. *CV số 983/BTC- TCDN (20/01/2006) về việc chấm dứt thực hiện ND số 41/2002/ND-CP.*
35. *QĐ số 06/2006/QĐ-BTC (24/01/2006) về việc ban hành mức thuế suất thuế nhập khẩu đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.*
36. *CV số 1632/BTC-TCT (9/02/2006) về hướng dẫn chính sách thuế TNCN.*
37. *CV số 1360/BTC-CST (26/01/2006) về thuế suất thuế NK đường trắng.*

Bộ Thương mại

1. QĐ số 0747/2006/QĐ-BTM (27/4/2006) về giá bán xăng, dầu.
2. QĐ số 07/2006/QĐ-BTM (26/01/2006) về việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan đối với hàng hoá có xuất xứ từ Lào với thuế suất thuế nhập khẩu 0%.
3. QĐ số 06/2006/QĐ-BTM (25/01/2006) về việc ban hành quy chế thường đối với phần kim ngạch xuất khẩu/2005 vượt so với/2004.
4. QĐ số 04 /2006/QĐ-BTM (13/01/2006) về việc ban hành Danh mục Hàng tiêu dùng để phục vụ việc xác định thời hạn nộp thuế nhập khẩu - Danh mục đính kèm

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

1. CV số 1859/LĐTBXH-BHXX (02/06/2006) về mức tiền lương/làm căn cứ đóng BHXH đối với người lao động trong thời gian thử việc.
2. CV số 1855/LĐTBXH-BHXX (02/06/2006) về giải đáp chính sách bảo hiểm xã hội.
3. CV số 1842/LĐTBXH-TL (01/06/2006) về xếp hạng đối với công ty cổ phần.
4. CV số 1728/LĐTBXH-LĐVL (24/5/2006) về giải đáp chính sách mua cổ phần ưu đãi giảm giá đối với người lao động.
5. CV số 1652/LĐTBXH-BHXX (17/05/2006) về việc giải quyết chế độ BHXH đối với lao động.
6. CV số 1642/LĐTBXH-TL (17/05/2006) về chuyển xếp lương.
7. CV số 1641/LĐTBXH-TL (17/05/2006) về chế độ nâng bậc lương, nâng ngạch lương.
8. CV số 1598/LĐTBXH-TL (15/05/2006) về hướng dẫn xếp hạng và xây dựng đơn giá tiền lương.
9. CV số 1591/LĐTBXH-TL (15/05/2006) về xây dựng và đăng ký thanh lương, bảng lương trong các DN dân doanh, DN FDI.
10. CV số 1561/LĐTBXH-TL (12/05/2006) về tiền lương đối với lao động trong doanh nghiệp FDI.
11. CV số 1533/LĐTBXH-TL (10/05/2006) về hướng dẫn pháp luật lao động.
12. CV số 1520/LĐTBXH-TL (8/5/2006) về áp dụng mức lương đối với lao động trong doanh nghiệp FDI.
13. CV số 1468/LĐTBXH-TL (4/5/2006) về chế độ tiền lương của công ty cổ phần.
14. CV số 1467/LĐTBXH-TL (4/5/2006) về chế độ tiền lương của công ty cổ phần.
15. CV số 1406/LĐTBXH-TL (28/04/2006) về chuyển xếp lương khi lên ngạch trong công ty nhà nước.
16. CV số 1399/LĐTBXH-TL (27/04/2006) về chế độ phụ cấp thu hút.
17. CV số 1029/LĐTBXH-LĐVL (29/3/2006) về nội quy lao động.
18. CV số 1005/LĐTBXH-TL (28/3/2006) về áp dụng mức lương đối với lao động trong doanh nghiệp FDI.
19. CV số 1004/LĐTBXH-TL (28/03/2006) về hướng dẫn pháp luật lao động.
20. CV số 1003/LĐTBXH-TL (28/03/2006) về hướng dẫn xếp lương.
21. CV số 983/LĐTBXH-LĐVL (27/3/2006) về thời gian thực tế làm trong khu vực nhà nước
22. CV số 366/LĐTBXH-TL (07/02/2006) về việc triển khai xây dựng đơn giá tiền lương/2006 trong các Công ty nhà nước.
23. CV số 347/LĐTBXH-TL (06/02/2006) về tiền lương làm thêm giờ đối với trong doanh nghiệp FDI.
24. CV số 343/LĐTBXH-TL (06/02/2006) về hướng dẫn pháp luật lao động.
25. CV số 280/LĐTBXH-LĐVL (24/01/2006) về việc cấp giấy phép cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. CV số 2820/BKH-QLĐT (21/04/2006) về thực hiện Luật đấu thầu.

Bộ Xây dựng

1. QĐ 09/2006/QĐ-BXD (29/3/2006) về ban hành danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực.

Bộ Nội vụ

1. QĐ số 04/2006/QĐ-BNV (25/01/2006) về việc sửa đổi bổ sung khoản 3 điều 3 Quy chế cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài bằng nguồn Ngân sách nhà nước.

Bộ Khoa học Công nghệ

1. TT số 04/2006/TT-BKHCN (10/01/2006) về việc ban hành Quy định về nội dung, thủ tục công bố sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn, pháp quy kỹ thuật.
2. QĐ số 03/2006/QĐ-BKHCN (10/01/2006) về việc ban hành "Quy định về công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hoá".
3. TT số 02/2006/TT-BKHCN (10/01/2006) về việc hướng dẫn về điều kiện và thủ tục chỉ định tổ chức thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá..

Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. TT số 01/2005/TT-BTNMT (13/4/2005) về hướng dẫn thực hiện một số điều của ND số 181/2004/ND-CP (29/10/2005) của Chính phủ về thi hành Luật đất đai.

Ngân hàng Nhà nước

1. QĐ số 07/2006/QĐ-NHNN (26/01/2006) về việc huỷ bỏ QĐ số 319/1998/QĐ-NHNN (29/9/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc báo cáo thu, chi ngoại tệ trong ngày.
2. QĐ số 06/2006/QĐ-NHNN (25/01/2006) về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ngân hàng Nhà nước ban hành đã hết hiệu lực do bị bãi bỏ hoặc có văn bản thay thế.
3. QĐ số 05/2006/QĐ-NHNN (20/01/2006) về ban hành Mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.
4. QĐ số 03/2006/QĐ-NHNN (18/01/2006) về việc kinh doanh vang trên tài khoản ở nước ngoài.
5. QĐ số 02/2006/QĐ-NHNN (18/01/2006) về việc ban hành quy định về hệ thống mã ngân hàng dùng trong giao dịch thanh toán qua ngân hàng.
6. QĐ số 01/2006/QĐ-NHNN (16/01/2006) về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Vụ kế toán – Tài chính.

Tổng Cục thuế

1. CV số 2234/TCT-TS (23/06/2006) về nộp phí kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện giao thông vận tải.
2. CV số 2233/TCT-PCCS (23/06/2006) về ưu đãi thuế TNDN.
3. CV số 2228/TCT-DNNN (22/06/2006) về giá tính thuế tài nguyên.
4. CV số 2226/TCT-TS (22/06/2006) về đối tượng miễn phí, lệ phí.
5. CV số 2222/TCT-ĐTNN (22/06/2006) về thuế nhà thầu NN.
6. CV số 2220/TCT-PCCS (22/06/2006) về chính sách thuế.
7. CV số 2219/TCT-PCCS (22/06/2006) về hoá đơn in từ máy tính tiền và xử phạt về việc mất biên lai, ấn chỉ thuế.
8. CV số 2213/TCT-HTQT (21/06/2006) về bổ sung bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra.
9. CV số 2212/TCT-DNNN (21/06/2006) về xử lý xóa nợ thuế.
10. CV số 2205/TCT-TS (21/06/2006) về chính sách thu liên quan đến đất đai.
11. CV số 2202/TCT-TNCN (21/06/2006) về thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp và bán DNTN.
12. CV số 2201/TCT-TS (21/06/2006) về thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất.
13. CV số 2200/TCT-PCCS (21/06/2006) về vướng mắc về cấp hoá đơn lẻ.
14. CV số 2185/TCT-DNK (20/06/2006) về thanh toán tiền hàng xuất khẩu.
15. CV số 2179/TCT-PCCS (19/06/2006) về chính sách chuyển lỗ.
16. CV số 2166/TCT-TNCN (19/06/2006) về thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp.
17. CV số 2144/TCT-PCCS (16/06/2006) về xác định ngành nghề ưu đãi thuế TNDN.
18. CV số 2143/TCT-TS (16/06/2006) về việc nộp tiền sử dụng đất.
19. CV số 2142/TCT-TS (16/06/2006) về việc giảm tiền sử dụng đất.
20. CV số 2141/TCT-PCCS (16/06/2006) về xử lý nợ Ngân sách của doanh nghiệp phá sản.
21. CV số 2140/TCT-PCCS (16/06/2006) về quyết toán thuế thu nhập.
22. CV số 2117/TCT-PCCS (15/06/2006) về thuế đối với dịch vụ thu hộ phí lao động ở nước ngoài.
23. CV số 2116/TCT-PCCS (15/06/2006) về thuế nhà thầu đối với dịch vụ tư vấn qua điện thoại.
24. CV số 2115/TCT-PCCS (15/06/2006) về thuế đối với dịch vụ viễn thông.

25. CV số 2114/TCT-PCCS (15/06/2006) về xử lý hoá đơn ghi không theo số thứ tự.
26. CV số 2100/TCT-PCCS (14/06/2006) về lập, gửi báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán báo sổ, hạch toán phụ thuộc.
27. CV số 2099/TCT-PCCS (14/06/2006) về chính sách thu thuế.
28. CV số 2088/TCT-PCCS (13/06/2006) về chính sách ưu đãi.
29. CV số 2071/TCT-PCCS (12/06/2006) về thuế GTGT đối với dịch vụ đào tạo.
30. CV số 2070/TCT-DNK (12/06/2006) về giải đáp chính sách thuế.
31. CV số 2069/TCT-DNK (12/06/2006) về hoàn thuế GTGT.
32. CV số 2068/TCT-ĐTN (12/06/2006) về trả lời chính sách thuế.
33. CV số 2060/TCT-TNCN (09/06/2006) về việc cấp mã số thuế và các mẫu kê khai, quyết toán thuế TNCN.
34. CV số 2044/TCT-PCCS (09/06/2006) về chính sách về miễn, giảm thuế.
35. CV số 2042/TCT-TS (08/06/2006) về nộp lệ phí trước bạ và trích khấu hao đối với tài sản góp vốn.
36. CV số 2045/TCT-TNCN (09/06/2006) về xác định/tính thuế TNCN đối với nhân viên nước ngoài.
37. CV số 2020/TCT-PCCS (07/06/2006) về trả lời chính sách thuế.
38. CV số 2019/TCT-TS (07/06/2006) về chính sách thu tiền sử dụng đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất.
39. CV số 2016/TCT-PCCS (07/06/2006) về dịch vụ kế toán.
40. CV số 2007/TCT-PCCS (07/06/2006) về chính sách thuế.
41. CV số 2006/TCT-PCCS (07/06/2006) về xử phạt vi phạm đối với hành vi làm mất hoá đơn.
42. CV số 2005/TCT-PCCS (07/06/2006) về sử dụng hoá đơn khi xuất khẩu hàng hoá.
43. CV số 2004/TCT-PCCS (07/06/2006) về xử phạt hành vi làm mất hoá đơn bảo hiểm.
44. CV số 1994/TCT-DNK (06/06/2006) về chính sách thuế đối với việc xây dựng công trình trên đất thuê.
45. CV số 1972/TCT-PCCS (05/06/2006) về căn trừ thuế TNDN nộp thừa.
46. CV số 1971/TCT-DNN (05/06/2006) về chính sách thuế GTGT.
47. CV số 1967/TCT-DNK (05/06/2006) về hoàn thuế GTGT đầu vào.
48. CV số 1909/TCT-ĐTN (01/06/2006) về trả lời chính sách thuế.
49. CV số 1851/TCT-DNK (29/05/2006) về quản lý thu thuế đối với hoạt động kinh doanh xe ô tô, xe hai bánh gắn máy.
50. CV số 1848/TCT-PCCS (29/05/2006) về thời hạn lưu trữ và thủ tục hủy liên 1, liên 3 hoá đơn đã sử dụng.
51. CV số 1830/TCT-PCCS (25/5/2006) về thuế đối với hàng bị tổn thất.
52. CV số 1811 TCT/PCCS (24/5/2006) về chính sách thuế.
53. CV số 1810 TCT/PCCS (24/5/2006) về trả lời chính sách thuế.
54. CV số 1809 TCT/PCCS (24/5/2006) về vướng mắc trong khi hoàn thuế GTGT hàng xuất khẩu.
55. CV số 1803 TCT/TNCN (23/5/2006) về quyết toán và thoái trả thuế TNCN.
56. CV số 1799 TCT/TNCN (23/5/2006) về hướng dẫn kê khai nộp thuế TNCN của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.
57. CV số 1794 TCT/TS (23/5/2006) về chính sách thu về đất.
58. CV số 1793 TCT/TS (23/5/2006) về chính sách thu tiền sử dụng đất.
59. CV số 1792 TCT/PCCS (23/5/2006) về thời hạn áp dụng thuế suất thuế TNDN.
60. CV số 1780 TCT/DNK (22/5/2006) về hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá xuất khẩu.
61. CV số 1768 TCT/TNCN (19/5/2006) về thuế TNCN đối với khoản trợ cấp thôi việc.
62. CV số 1766 TCT/ĐTN (19/5/2006) về xác định một số khoản chi phí tính thu nhập chịu thuế TNDN.
63. CV số 1730 TCT/PCCS (25/5/2006) về thuế đối với hàng hoá bị tổn thất.
64. CV số 1761/TCT-PCCS (19/05/2006) về thuế GTGT đầu vào cho dự án 05 tàu cứu nạn.
65. CV số 1760/TCT-PCCS (19/05/2006) về khấu hao đối với quyền sử dụng đất có thời hạn.
66. CV số 1735/TCT-PCCS (16/05/2006) về vướng mắc chính sách thuế.
67. CV số 1734/TCT-PCCS (16/05/2006) về giá tính thuế tài nguyên.
68. CV số 1733/TCT-TS (16/05/2006) về miễn phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô.
69. CV số 1732/TCT-PCCS (16/05/2006) về áp dụng thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh ngoài giấy phép đầu tư.
70. CV số 1730/TCT-PCCS (16/05/2006) về đăng ký thời gian miễn, giảm thuế TNDN.

71. CV số 1707/TCT-PCCS (15/05/2006) về hướng dẫn hoá đơn trong xuất khẩu uỷ thác.
72. CV số 1706/TCT-PCCS (15/05/2006) về miễn, giảm thuế TNDN.
73. CV số 1705/TCT-DNK (15/05/2006) về thuế GTGT đối với điều chuyển tài sản.
74. CV số 1695/TCT-TS (11/05/2006) về lệ phí trước bạ đối với tài sản thừa kế.
75. CV số 1668/TCT-DNNN (10/05/2006) về kê khai nộp thuế.
76. CV số 1641/TCT-PCCS (08/05/2006) về thuế GTGT đối với hàng hoá uỷ thác gia công xuất khẩu.
77. CV số 1640/TCT-PCCS (08/05/2006) về hạch toán chi phí đối với lãi tiền vay.
78. CV số 1638/TCT-DNK (08/05/2006) về hạch toán và kê khai đối với việc điều chuyển tài sản cho chi nhánh.
79. CV số 1635/TCT-TS (08/05/2006) về giá tính lệ phí trước bạ.
80. CV số 1611/TCT-TS (05/05/2006) về chính sách thu phí, lệ phí.
81. CV số 1584/TCT-TS (03/05/2006) về lệ phí trước bạ đối với doanh nghiệp cổ phần hóa.
82. CV số 1583/TCT-PCCS (03/05/2006) về chính sách thuế chuyển quyền sử dụng đất.
83. CV số 1580/TCT-ĐTN (03/05/2006) về thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn kèm chuyển quyền thuê đất.
84. CV số 1577/TCT-PCCS (03/05/2006) về thuế GTGT đối với điều hoà không khí lắp trên ô tô.
85. CV số 1570/TCT-DNK (03/05/2006) về khấu trừ, hoàn thuế GTGT.
86. CV số 1567/TCT-ĐTN (03/05/2006) về hoàn thuế GTGT dự án viện trợ không hoàn lại.
87. CV số 1556/TCT-ĐTN (27/04/2006) về thuế đối với nhà thầu nước ngoài.
88. CV số 1519/TCT-PCCS (24/04/2006) về địa bàn được hưởng ưu đãi đầu tư.
89. CV số 1517/TCT-PCCS (24/04/2006) về góp vốn bằng quyền sử dụng đất.
90. CV số 1511/TCT-TS (24/04/2006) về lệ phí trước bạ đối với doanh nghiệp cổ phần hóa.
91. CV số 1509/TCT-TNCN (24/04/2006) về vướng mắc thuế TNCN.
92. CV số 1508/TCT-PCCS (24/04/2006) về hoá đơn, chứng từ để tính chi phí hợp lý.
93. CV số 1507/TCT-PCCS (24/04/2006) về tờ khai nguồn gốc xe ô tô nhập khẩu.
94. CV số 1506/TCT-TNCN (24/04/2006) về xác định thu nhập chịu thuế.
95. CV số 1502/TCT-DNK (24/04/2006) về điều chuyển tài sản.
96. CV số 1498/TCT-PCCS (24/04/2006) về uỷ quyền ký, giao dịch liên quan đến quyền, nghĩa vụ thuế.
97. CV số 1352/TCT-ĐTN (13/04/2006) về chính sách thuế.
98. CV số 1348/TCT-ĐTN (13/04/2006) về ưu đãi thuế TNDN.
99. CV số 1347/TCT-ĐTN (13/04/2006) về chi phí phục vụ trong ngành du lịch.
100. CV số 1345/TCT-TS (13/04/2006) về nộp lệ phí trước bạ.
101. CV số 1339/TCT-PCCS (12/04/2006) về hướng dẫn chính sách thuế.
102. CV số 1334/TCT-TS (12/04/2006) về chính sách thu tiền sử dụng đất.
103. CV số 1333/TCT-TNCN (12/04/2006) về chính sách thuế đối với kinh doanh chứng khoán.
104. CV số 1332/TCT-TNCN (12/04/2006) về xác định tỷ giá áp dụng cho quyết toán thuế TNCN.
105. CV số 1324/TCT-ĐTN (12/04/2006) về hướng dẫn chính sách thuế.
106. CV số 1313/TCT-PCCS (11/04/2006) về thu thuế đối với hàng hoá bán tại hội chợ, triển lãm.
107. CV số 1292/TCT-ĐTN (10/04/2006) về hướng dẫn chính sách thuế.
108. CV số 1291/TCT-DNK (10/04/2006) về trả lời thuế môn bài.
109. CV số 1279/TCT-PCCS (7/04/2006) về thủ tục tự kê khai nộp thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất.
110. CV số 1257/TCT-DNK (7/04/2006) về kê khai tạm nộp thuế TNDN.
111. CV số 1252/TCT-ĐTN (7/04/2006) về chính sách thuế GTGT.
112. CV số 1251/TCT-DNK (7/04/2006) về chính sách thuế TTĐB.
113. CV số 1233/TCT-TNCN (06/04/2006) về thuế TNCN.
114. CV số 1232/TCT-DNNN (06/04/2006) về xác định lại thời gian miễn giảm thuế.
115. CV số 1231/TCT-DNNN (06/04/2006) về thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu bị trả lại.
116. CV số 1230/TCT-TS (06/04/2006) về chính sách thu, nộp lệ phí trước bạ.
117. CV số 1227/TCT-DNNN (06/04/2006) về hoàn thuế GTGT.

118. CV số 1223/TCT-PCCS (06/04/2006) về trả lời chính sách thuế.
119. CV số 1211/TCT-DNK (04/04/2006) về chính sách thuế đối với hoạt động cho thuê nhà trọ.
120. CV số 1208/TCT-ĐTN (04/04/2006) về tiêu thụ hàng hoá dịch vụ.
121. CV số 1204/TCT-ĐTN (04/04/2006) về chính sách thuế TNDN.
122. CV số 1199/TCT-TNCN (04/04/2006) của thuyền viên làm việc trên tàu biển nước ngoài.
123. CV số 1197/TCT-DNK (04/04/2006) về hoàn thuế GTGT.
124. CV số 1196/TCT-ĐTN (04/04/2006) về giảm thuế GTGT/1999 của CTLD hoá chất LG Chemical.
125. CV số 1188/TCT-DNNN (03/04/2006) về trả lời chính sách thuế.
126. CV số 1187/TCT-TS (03/04/2006) về nộp lệ phí trước bạ đối với xe ô tô.
127. CV số 1184/TCT-PCCS (03/04/2006) về lệ phí trước bạ và thuế GTGT khi rút vốn bằng tài sản.
128. CV số 1179/TCT-TNCN (03/04/2006) về quyết toán, thoái trả thuế TNCN.
129. CV số 1174/TCT-DNK (03/04/2006) về thuế suất thuế GTGT.
130. CV số 1173/TCT-DNK (03/04/2006) về xác định thu nhập chịu thuế.
131. CV số 1159 TCT-DNK (31/3/2006) về khấu trừ thuế nhà thầu.
132. CV số 1147 TCT-PCCS (31/3/2006) về chính sách thuế.
133. CV số 1146/TCT-PCCS (31/03/2006) về sử dụng hoá đơn khi điều chỉnh giảm giá.
134. CV số 1123/TCT-ĐTN (30/03/2006) về chuyển nhượng vốn, tài sản.
135. CV số 1122/TCT-DNK (30/03/2006) về truy thu thuế đối với hộ kinh doanh khoán ổn định.
136. CV số 1108 TCT-ĐTN (29/3/2006) về hướng dẫn thực hiện TT số 05/2005/TT-BTC.
137. CV số 1106 TCT-PCCS (29/3/2006) về chính sách thuế đối với trường hợp thuê lại đất.
138. CV số 1104 TCT-DNNN (29/3/2006) về khấu trừ thuế GTGT đầu vào.
139. CV số 1103 TCT-PCCS (29/3/2006) về chính sách thuế đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
140. CV số 1102/TCT-PCCS (29/03/2006) về sử dụng biên lai thu phí, lệ phí.
141. CV số 1087/TCT-DNK (28/03/2006) về thuế môn bài đối với hộ kinh doanh vận tải.
142. CV số 1085/TCT-PCCS (28/03/2006) về các chỉ tiêu trên mẫu hoá đơn bán lẻ dùng cho máy tính tiền.
143. CV số 1083/TCT-ĐTN (28/03/2006) về chứng từ thanh toán qua Ngân hàng đối với mặt hàng xuất khẩu tại chỗ
144. CV số 1068 TCT/DNK (24/3/2006) về xóa nợ tiền phạt do chậm nộp thuế GTGT.
145. CV số 1058 TCT/TS (24/3/2006) về phí bảo vệ môi trường.
146. CV số 1057 TCT/TS (24/3/2006) về kê khai nộp phí xăng dầu.
147. CV số 1056 TCT/PCCS (24/3/2006) về xử lý đối với hành vi làm mất hoá đơn, biên lai thu phí, lệ phí.
148. CV số 1055 TCT/DNK (23/3/2006) về thuế suất thuế GTGT.
149. CV số 1054 TCT/DNNN (23/3/2006) về ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá.
150. CV số 1049 TCT/ĐTN (23/3/2006) về thuế đối với nhà thầu nước ngoài.
151. CV số 1034 TCT/DNNN (21/3/2006) về xác định thu nhập chịu thuế khi tính thuế TNDN.
152. CV số 1029 TCT/DNK (21/3/2006) về xác định doanh thu tính thuế.
153. CV số 1028 TCT/ĐTN (21/3/2006) về thuế đối với lãi tiền vay.
154. CV số 1023 TCT/PCCS (21/3/2006) về xuất hoá đơn với trường hợp bán hàng giảm giá.
155. CV số 1018 TCT/TS (20/3/2006) về nộp lệ phí trước bạ và thuế chuyển quyền sử dụng đất.
156. CV số 1001 TCT/HTK (20/3/2006) về giải đáp vướng mắc trong cấp mã số thuế.
157. CV số 1000 TCT/DNK (20/3/2006) về chính sách ưu đãi miễn giảm thuế cho doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá.
158. CV số 999 TCT/DNK (20/3/2006) về thuế suất thuế GTGT dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất.
159. CV số 994 TCT/PCCS (17/3/2006) về chính sách thuế.
160. CV số 990 TCT/DNNN (17/3/2006) về thuế thu nhập doanh nghiệp.
161. CV số 989 TCT/DNNN (17/3/2006) về xác định doanh thu của hàng gia công xuất khẩu.
162. CV số 976 TCT/PCCS (17/3/2006) về thuế đối với xuất khẩu phần mềm máy tính qua mạng Internet.
163. CV số 971/TCT-DNNN (16/03/2006) về hoàn thuế GTGT.
164. CV số 965/TCT-DNNN (16/03/2006) về nơi nộp thuế TNDN.

165. CV số 959/TCT-DNK (16/03/2006) về hướng dẫn chính sách thuế.
166. CV số 929/TCT-TS (14/03/2006) về miễn giảm tiền sử dụng đất.
167. CV số 927/TCT-PCCS (14/03/2006) về xử lý hoá đơn thu mua HH, DV của DN đang bị điều tra.
168. CV số 903/TCT-DNNN (13/03/2006) về thuế TNDN đối với chuyển quyền sử dụng đất.
169. CV số 901/TCT-DNNN (13/03/2006) về kê khai nộp thuế.
170. CV số 900/TCT-DNNN (13/03/2006) về việc thuế GTGT đối với thuê tư vấn nước ngoài.
171. CV số 898/TCT-PCCS (13/03/2006) về việc xử phạt đối với cơ sở kinh doanh phát sinh lỗi.
172. CV số 896/TCT-PCCS (13/03/2006) về việc hướng dẫn thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế.
173. CV số 894/TCT-TNCN (13/03/2006) về tính thuế đối với người nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam nhưng có thu nhập tại VN.
174. CV số 878 TCT-PCCS (10/03/2006) về khấu hao TSCĐ.
175. CV số 874 TCT-DNNN (10/03/2006) về kê khai nộp thuế GTGT đối với hoạt động bưu chính viễn thông.
176. CV số 859 TCT-DNNN (10/03/2006) về chính sách thuế đối với hoạt động cho thuê tàu hạn định.
177. CV số 847 TCT-TNCN (10/03/2006) về giải đáp về nộp thuế thu nhập cá nhân.
178. CV số 845 TCT-PCCS (09/03/2006) về chi phí hợp lý.
179. CV số 839 TCT-PCCS (09/03/2006) chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại.
180. CV số 835 TCT-TTr (09/03/2006) về xử lý lãi vay sử dụng không đúng hợp đồng vay.
181. CV số 830 TCT-PCCS (09/03/2006) về xử lý tổn thất hoá đơn thu hàng nông, lâm, thủy sản.
182. CV số 824 TCT-ĐTNN (08/03/2006) về giải đáp vướng mắc về chính sách thuế.
183. CV số 823 TCT-ĐTNN (08/03/2006) về thuế đối với nhà thầu.
184. CV số 822 TCT-ĐTNN (08/03/2006) về sử dụng hoá đơn GTGT và hạch toán chi phí đối với hàng quảng cáo khuyến mại.
185. CV số 801 TCT-ĐTNN (07/03/2006) về sử dụng hoá đơn tự in.
186. CV số 796 TCT-PCCS (07/03/2006) về trích khấu hao đối với tài sản cố định.
187. CV số 789 TCT-PCCS (06/03/2006) về chính sách thuế.
188. CV số 786 TCT-PCCS (06/03/2006) về xử phạt vi phạm hành chính về lệ phí trước bạ.
189. CV số 775 TCT-DNNN (06/03/2006) về xác định doanh thu tính thuế TNDN.
190. CV số 773 TCT-PCCS (06/03/2006) về miễn, giảm thuế TNDN đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập.
191. CV số 768 TCT-PCCS (06/03/2006) về hoá đơn đóng dấu sai tên và địa chỉ kinh doanh.
192. CV số 767 TCT-PCCS (06/03/2006) về ưu đãi miễn giảm thuế.
193. CV số 721 TCT-ĐTNN (28/2/2006) về thuế GTGT đối với hàng hoá biếu tặng.
194. CV số 713/TCT-TS (24/02/2006) về kê khai lệ phí trước bạ.
195. CV số 712/TCT-DNNN (24/02/2006) về hướng dẫn kê khai khấu trừ, hoàn thuế GTGT.
196. CV số 709/TCT-PCCS (24/02/2006) về xử phạt chậm nộp tiền sử dụng đất.
197. CV số 704/TCT-ĐTNN (24/02/2006) về khấu hao TSCĐ.
198. CV số 703/TCT-ĐTNN (24/02/2006) về hạch toán NVL mua ngoài.
199. CV số 701/TCT-ĐTNN (24/02/2006) về thuế suất thuế GTGT gỗ rừng trồng.
200. CV số 697/TCT-PCCS (23/02/2006) về biện pháp quản lý thu đối với khu vực kinh tế CTN và dịch vụ ngoài quốc doanh.
201. CV số 696/TCT-PCCS (23/02/2006) về thủ tục mua hoá đơn lần đầu.
202. CV số 542/TCT- DNNN (10/02/2006) về thuế TNDN đối với hàng viện trợ không hoàn lại.
203. CV số 695/TCT-PCCS (23/02/2006) về chính sách thuế CQSD đất.
204. CV số 692/TCT-ĐTNN (23/02/2006) về lập chứng từ đối với các khoản chi hộ.
205. CV số 689/TCT-DNK (23/02/2006) về trả lời chính sách thuế.
206. CV số 687/TCT-ĐTNN (23/02/2006) về báo cáo miễn giảm thuế TNDN.
207. CV số 678/TCT-TS (22/02/2006) về việc giá đất tính thu tiền sử dụng đất và thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất.
208. CV số 677/TCT-PCCS (22/02/2006) về chính sách thuế.

209. CV số 542/TCT- DNNN (10/02/2006) về thuế TNDN đối với hàng viện trợ không hoàn lại.
210. CV số 676/TCT-DNK (22/02/2006) về giá tính thuế đối với hoạt động người nước ngoài thuê nhà.
211. CV số 675/TCT-ĐTNN (22/02/2006) về thuế TNDN đối với hoạt động góp vốn đầu tư.
212. CV số 542/TCT- DNNN (10/02/2006) về thuế TNDN đối với hàng viện trợ không hoàn lại.
213. CV số 655/TCT-DNNN (21/02/2006) về việc trả lời chính sách thuế môn bài.
214. CV số 653/TCT-DNNN (21/02/2006) về việc giá trị vốn góp liên doanh bằng quyền sử dụng đất.
215. CV số 652/TCT-TS (21/02/2006) về việc phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.
216. CV số 651/TCT-PCCS (21/02/2006) về việc sử dụng hoá đơn GTGT và phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.
217. CV số 650/TCT-PCCS (21/02/2006) về chính sách thuế và kế toán.
218. CV số 649/TCT-PCCS (21/02/2006) về việc chính sách thuế.
219. CV số 646/TCT-PCCS (21/02/2006) về tỷ giá hối đoái.
220. CV số 645/TCT-PCCS (21/02/2006) về việc thuế GTGT đối với dịch vụ vận tải biển quốc tế.
221. CV số 641/TCT-DNNN (20/02/2006) về chính sách thuế GTGT.
222. CV số 634/TCT-TS (20/02/2006) về việc nộp lệ phí trước bạ đối với đất thuê.
223. CV số 628/TCT-ĐTNN (20/02/2006) về ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN.
224. CV số 612/TCT-PCCS (17/02/2006) về việc miễn giảm thuế TNDN.
225. CV số 609/TCT-DNNN (17/02/2006) về giải đáp chính sách thuế GTGT.
226. CV số 607/TCT-DNNN (17/02/2006) về giãn nợ thuế và xoá tiền phạt chậm nộp thuế.
227. CV số 606/TCT-DNNN (17/02/2006) về khấu trừ thuế đối với hoá đơn GTGT quá 3 tháng.
228. CV số 605/TCT-PCCS (17/02/2006) về miễn, giảm thuế TNDN.
229. CV số 612 TCT-PCCS (17/2/2006) về miễn giảm thuế TNDN.
230. CV số 609/TCT- DNNN (17/02/2006) về giải đáp chính sách thuế GTGT.
231. CV số 605/TCT- PCCS (17/02/2006) về miễn giảm thuế TNDN.
232. CV số 593/TCT- TS (16/02/2006) về tiền thuê đất/2005.
233. CV số 590 TCT-DNK (16/2/2006) về áp dụng thuế suất thuế GTGT 5% đối với công trình xây dựng dở dang chuyển từ/2003 sang năm 2004.
234. CV số 588/TCT- ĐTNN (16/02/2006) về việc hoàn thuế GTGT.
235. CV số 587/TCT- DNNN (16/02/2006) về việc khấu trừ thuế GTGT.
236. CV số 585/TCT- DNK (16/02/2006) về xác định doanh thu tính thuế.
237. CV số 584/TCT- DNK (16/02/2006) về chính sách miễn, giảm thuế TNDN đối với Công ty cổ phần mới thành lập.
238. CV số 583/TCT- DNK (16/02/2006) về thời gian ưu đãi miễn giảm thuế.
239. CV số 570/TCT- DNK (15/02/2006) về việc hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá xuất khẩu.
240. CV số 569/TCT- DNK (15/02/2006) về TSCĐ sử dụng hoá đơn của doanh nghiệp mua bán hoá đơn bất hợp pháp.
241. CV số 567/TCT- DNNN (15/02/2006) về thuế GTGT đối với bán doanh nghiệp nhà nước.
242. CV số 560/TCT- TNCN (14/02/2006) về quyết toán thuế TNCN/2005.
243. CV số 554 TCT-DNK (14/2/2006) về khoan nợ đọng thuế.
244. CV số 553 TCT-TTr (14/2/2006) về xử lý doanh nghiệp sử dụng hoá đơn bất hợp pháp.
245. CV số 551 TCT-PCCS (14/2/2006) về hoá đơn thu phí dịch vụ ngân hàng.
246. CV số 542/TCT- DNNN (10/02/2006) về thuế TNDN đối với hàng viện trợ không hoàn lại.
247. CV số 541 TCT-DNNN (10/2/2006) về chính sách thuế GTGT.
248. CV số 539 TCT-DNK (10/2/2006) về giảm thuế GTGT theo quy định tại Điều 28 Luật thuế GTGT.
249. CV số 528 TCT-ĐTNN (9/2/2006) về ký gửi hàng đại lý.
250. CV số 525 TCT-DNNN (8/2/2006) về trả lời kiến nghị tại Hội nghị đối thoại doanh nghiệp.
251. CV số 524 TCT-DNNN (8/2/2006) về trả lời kiến nghị tại Hội nghị đối thoại DN.
252. CV số 521 TCT-DNNN (8/2/2006) về ưu đãi thuế TNDN theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.
253. CV số 520 TCT-DNNN (8/2/2006) về hoàn thuế GTGT.
254. CV số 518 TCT-TNCN (8/2/2006) về thuế TNCN của tình nguyện viên.

255. CV số 460 TCT-DNNN (7/2/2006) về khấu trừ, hoàn thuế GTGT.
256. CV số 459 TCT-TVQT (7/2/2006) về sử dụng hoá đơn bán ấ chỉ.
257. CV số 458 TCT-ĐTNN (7/2/2006) về miễn giảm thuế TNDN.
258. CV số 555/TCT- DNK (14/02/2006) về miễn, giảm thuế Công ty TNHH 1 thành viên.
259. CV số 552/TCT-PCCS (14/02/2006) về xử phạt đối với hành vi làm mất hoá đơn thu phí bảo hiểm.
260. CV số 550/TCT-PCCS (14/02/2006) về chứng từ thu lệ phí tuyển sinh.
261. CV số 449 TCT-DNNN (6/2/2006) về kê khai, nộp thuế GTGT đối với công trình xây dựng.
262. CV số 441 TCT-ĐTNN (26/1/2006) về chứng từ khi thực hiện hỗ trợ đại lý

Tổng Cục Hải quan

1. CV số 2717/TCHQ-KTTT (20/06/2006) về thuế NK hàng hoá NK tạo tài sản cố định.
2. CV số 2714/TCHQ-GSQL (20/06/2006) về thủ tục hải quan đối với hàng XK, NK phi mậu dịch.
3. CV số 2676/TCHQ-KTTT (19/06/2006) về thuế GTGT xe ô tô tải NK.
4. CV số 2626/TCHQ-GSQL (15/06/2006) về tạo điều kiện thuận lợi thủ tục hải quan.
5. CV số 2532/TCHQ-GSQL (12/06/2006) về thủ tục chuyển cửa khẩu.
6. CV số 2518/TCHQ-GSQL (09/06/2006) về vướng mắc thủ tục hải quan đối với hàng chuyển cửa khẩu.
7. CV số 2381/TCHQ-GSQL (01/06/2006) về vướng mắc về chính sách mặt hàng XNK.
8. CV số 2380/TCHQ-KTTT (01/06/2006) về áp dụng văn bản thanh khoản hồ sơ hoàn thuế NK.
9. CV số 2397/TCHQ-KTTT (02/06/2006) về không tính phạt chậm nộp.
10. CV số 2355/TCHQ-KTTT (01/06/2006) về hướng dẫn tham vấn và xác định giá đối với xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu.
11. CV số 2336/TCHQ-KTTT (31/05/2006) về hoàn thuế nhập khẩu.
12. QĐ số 929/QĐ-TCHQ (25/05/2006) về ban hành quy trình nghiệp vụ quản lý Đối với nguyên vật liệu nhập khẩu Để SX hàng xuất khẩu.
13. QĐ số 928/QĐ-TCHQ (25/05/2006) về ban hành Quy trình thủ tục hải quan Đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ.
14. QĐ số 927/QĐ-TCHQ (25/05/2006) về ban hành Quy trình thủ tục hải quan Đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu.
15. CV số 2300/TCHQ-KTTT (26/05/2006) về thuế nhập khẩu hàng nhập khẩu ưu Đãi Đầu tư.
16. CV số 2293/TCHQ-KTTT (26/05/2006) về hoàn thuế GTGT nộp thừa.
17. CV số 2279/TCHQ-KTTT (26/05/2006) về xử lý xe ô tô du lịch nhập khẩu.
18. CV số 2277/TCHQ-KTTT (26/05/2006) về hướng dẫn xác Định trị giá tính thuế.
19. CV số 2261/TCHQ-KTTT (25/05/2006) về nhập khẩu ô tô Đã qua sử dụng.
20. CV số 2260/TCHQ-KTTT (25/05/2006) về phạt chậm nộp thuế.
21. CV số 2234 TCHQ/KTTT (25/5/2006) về thuế nhập khẩu hàng nhập khẩu ưu đãi đầu tư trong nước.
22. CV số 2230 TCHQ/KTTT (24/5/2006) về không tính phạt chậm nộp.
23. QĐ số 874/QĐ-TCHQ (15/05/2006) về việc ban hành quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.
24. CV số 2107/TCHQ-KTTT (16/05/2006) về miễn phạt chậm nộp do điều chỉnh giá.
25. CV số 2098/TCHQ-KTTT (15/05/2006) về áp dụng thời hạn nộp thuế.
26. CV số 1955/TCHQ-GSQL (05/05/2006) về thủ tục hải quan đối với hàng NK đưa vào kho ngoại quan.
27. CV số 1923/TCHQ-GSQL (4/05/2006) về địa điểm làm thủ tục hải quan đối với xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu.
28. CV số 1991/TCHQ-KTTT (09/05/2006) về nộp thuế truy thu xe máy/2001 theo hướng dẫn tại CV số 4028/BTC-CHQ.
29. CV số 1896/TCHQ-KTTT (03/05/2006) về thủ tục Hải Quan về việc nhập khẩu xe ô tô đã qua sử dụng dưới 16 chỗ ngồi.
30. CV số 1831/TCHQ-KTTT (27/04/2006) về thuế GTGT hàng nhập khẩu.
31. CV số 1767/TCHQ-KTTT (25/04/2006) về thời gian ân hạn nộp thuế.
32. CV số 1762/TCHQ-GSQL (24/04/2006) về thủ tục tiêu huỷ máy móc, thiết bị nhập khẩu tạo TSCĐ.
33. CV số 1761/TCHQ-KTTT (24/04/2006) về truy thu thuế nhập khẩu.

34. CV số 1578/TCHQ-GSQL (14/04/2006) về giải quyết các vướng mắc
35. CV số 1533/TCHQ-KTTT (11/04/2006) về thời hạn nộp thuế.
36. CV số 1460/TCHQ-GSQL (06/04/2006) về thủ tục Hải quan đối với hàng đổi hàng.
37. CV số 1417/TCHQ-GSQL (04/04/2006) về thủ tục hàng nhập khẩu chuyển cảng.
38. CV số 1162/TCHQ-KTTT (24/03/2006) về xử lý thuế nhập khẩu đối với hàng tạm nhập - tái xuất.
39. CV số 1363/TCHQ-KTTT (03/04/2006) về các biện pháp xử lý nợ thuế.
40. CV số 1354/TCHQ-KTTT (31/03/2006) về việc tạm thu thuế xe ô tô NK của 15 doanh nghiệp.
41. CV số 1316/TCHQ-KTTT (31/03/2006) về xử lý thuế NK nguyên liệu để sản xuất xuất khẩu.
42. CV số 1315/TCHQ-KTTT (31/03/2006) về xử lý thuế hàng nhập khẩu.
43. CV số 1177/TCHQ-KTTT (27/3/2006) về xử phạt chậm nộp tiền thuế, tiền phạt.
44. CV số 1162/TCHQ-KTTT (24/3/2006) về xử lý thuế nhập khẩu đối với hàng tạm nhập tái xuất
45. CV số 1136/TCHQ-GSQL (23/3/2006) về nhập khẩu đèn hình máy vi tính đã qua sử dụng để lắp ráp ti vi XK.
46. CV số 1122/TCHQ-KTTT (22/3/2006) về thuế nhập khẩu đối với xe ô tô chuyển đổi mục đích sử dụng.
47. CV số 1093/TCHQ-KTTT (20/3/2006) về thời gian ân hạn thuế.
48. CV số 1089/TCHQ-GSQL (20/3/2006) về báo cáo văn bản của UBND địa phương không phù hợp với quy định pháp luật.
49. CV số 1006/TCHQ-GSQL (21/3/2006) về thủ tục hải quan đối với hàng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu.
50. CV số 987/TCHQ-KTTT (13/03/2006) về thủ tục Hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu chuyển cửa khẩu.
51. CV số 981/TCHQ-KTTT (10/03/2006) về áp dụng thời hạn nộp nhập khẩu.
52. CV số 814/TCHQ/GSQL (01/03/2006) về đề nghị hướng dẫn về thủ tục hải quan và thủ tục hoàn thuế.
53. CV số 813/TCHQ/KTTT (01/03/2006) về sổ thông báo thuế.
54. CV số 787/TCHQ/KTTT (28/02/2006) về thuế đối với thiết bị TN-TX phục vụ nghiên cứu khoa học.
55. CV số 777/TCHQ/KTTT (28/02/2006) về giải quyết nợ phạt chậm nộp thuế truy thu.
56. CV số 714/TCHQ/KTTT (23/02/2006) về thủ tục miễn thuế nhập khẩu và không thu thuế GTGT đối với thiết bị nhập khẩu.
57. CV số 713/TCHQ/KTTT (23/02/2006) về áp dụng thời hạn nộp thuế nhập khẩu
58. CV số 697/TCHQ-KTTT (22/02/2006) về xử lý vướng mắc về chứng từ thanh toán của hồ sơ hoàn thuế.
59. CV số 695/TCHQ-KTTT (22/02/2006) về hoàn thuế nhập khẩu.
60. CV số 683/TCHQ-GSQL (22/02/2006) về thủ tục Hải quan đối với hàng hoá NK chuyển cửa khẩu.
61. CV số 635/TCHQ-KTTT (17/02/2006) về việc xử lý thuế nhập khẩu xe ô tô đối với đầu tư nước ngoài.
62. CV số 622/TCHQ-KTTT (17/02/2006) về xử lý thuế đối với NLNK.
63. CV số 602/TCHQ-KTTT (16/02/2006) về xử lý thuế NK hàng khuyến khích đầu tư trong nước.
64. CV số 509/TCHQ-KTTT (10/2/2006) về chính sách thuế đối với hành lý của liên doanh.
65. CV số 501/TCHQ-KTTT (9/2/2006) về xác định số thuế được hoán đổi với nguyên liệu nhập khẩu để SX XK.
66. CV số 475/TCHQ-KTTT (09/12/2006) về xử lý vướng mắc khi thực hiện chính sách thuế XNK từ 1/1/06.
67. CV số 474/TCHQ-GSQL (8/2/2006) về giải đáp vướng mắc.
68. CV số 300/TCHQ-KTTT (23/01/2006) về xử lý thuế hàng nhập khẩu xuất vào khu chế xuất.
69. CV số 298/TCHQ-KTTT (23/01/2006) về xử lý thuế đối với hàng nhập khẩu đã tái xuất.
70. CV số 297/TCHQ-KTTT (23/01/2006) về trị giá tính thuế.
71. CV số 200/TCHQ-GSQL (13/01/2006) về một số quy định cho hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam.
72. CV số 196/TCHQ-KTTT (13/01/2006) về thủ tục ưu đãi miễn thuế.
73. CV số 195/TCHQ-KTTT (13/01/2006) về ân hạn thuế theo TT 113/2005/TT-BTC (15/12/2005).
74. CV số 166/TCHQ-KTTT (12/01/2006) về việc xử lý vướng mắc khi thực hiện chính sách thuế XNK từ 1/1/2006.

==//==